|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung soạn** | **Tên người soạn** | **Địa chỉ** |
| **Bài 1**  **Tôi và các bạn** | Bài học đường đời đầu tiên | Hoàng Thị Hà | THCS Xuân Trúc – Ân Thi – Hưng Yên |
| Nếu bạn muốn có một người bạn | Vũ Thị Dịu | THCS Hạ Lễ - Ân Thi – Hưng Yên |
| Bắt nạt | Hoàng Thị Hải Quỳnh | PTDTBT THCS Cốc Ly 1 – Bắc Hà – Lào Cai |
| Viết, nói và nghe | Đỗ Thị Thu | THCS Cấn Hữu – Quốc Oai – HN |

**Bài 1**

**TÔI VÀ CÁC BẠN**

(16 tiết)

|  |
| --- |
| - Hạnh phúc đi đâu đấy? - Đến chỗ có tình bạn!  (*Ngạn ngữ phương Tây)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Picture1** |  |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức ngữ văn (truyện, truyện đồng thoại, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).

- Tình bạn cao đẹp được thể hiện qua 3 văn bản đọc.

- Từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy), nghĩa của từ ngữ.

- Biện pháp tu từ so sánh.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.

- Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB đảm bảo các bước.

- Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Khám phá tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung**:  **GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.  **HS** quan sát, lắng nghe video bài hát “Tình bạn tuổi thơ” suy nghĩ cá nhân và trả lời.    **c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được  - Nội dung của bài hát: hát về tình bạn tốt đẹp.  - Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).  - Tri thức ngữ văn (truyện và truyện đồng thoại; cốt truyện; nhân vật; người kể chuyện; lời người kể chuyện và lời nhân vật; từ đơn và từ phức).  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:  ? Cho biết nội dung của bài hát? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì?  - Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.  - Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:  ? Hãy kể tên một số truyện mà em đã đọc? Em thích nhất truyện nào?  ? Ai là người kể trong truyện này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy?  ? Nếu muốn tóm tắt lại nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?  ? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nêu 1 vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó?  ? Giới thiệu ngắn gọn một truyện đồng thoại và chỉ ra những “dấu hiệu” của truyện đồng thoại trong tác phẩm đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS -** Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.  - Đọc phần tri thức Ngữ văn.  - Thảo luận nhóm:  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV:**  - Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe bài hát.  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**2.1 Đọc văn bản**

**Văn bản (1)**

**BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN**

**(Trích “Dế mèn phiêu lưu kí”)**

**– *Tô Hoài* –**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bai hoc duong doi dau tien** | **ap_20090817020805470** | Soạn bài Bài học đường đời đầu tiên lớp 6 ngắn gọn | VFO.VN | bai hoc duong doi dau tien- tiet 74 de men phieu luu ki ppt |

**1. MỤC TIÊU**

***1.1 Về kiến thức:***

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Tô Hoài.

- Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ…

- Tính chất của truyện đồng thoại được thể hiện trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.

***1.2 Về năng lực:***

- Xác định được ngôi kể trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”.

- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt. Từ đó hình dung ra đặc điểm của từng nhân vật.

- Phân tích được đặc điểm của nhân vật Dế Mèn.

- Rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

***1.3 Về phẩm chất:***

- Nhân ái, khoan hoà, tôn trọng sự khác biệt.

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà văn Tô Hoài và văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

*+ Phiếu số 1:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình dáng**  (Dế mèn) | **Hành động**  (Dế mèn) | **Suy nghĩ**  (Dế mèn) |
|  |  |  |
| * Nhận xét:………. | * Nhận xét: …………………………….. | |

*+ Phiếu số 2*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Làm việc nhóm**  Tái hiện lại hình ảnh dế Choắt qua hình ảnh và ngôn ngữ trong 3 phút.  a/ **Hình ảnh Dế Choắt**  Kết quả hình ảnh cho dế hoạt hình   * Trạc tuổi …………………………………….…. * Người ……………., cánh ……………………..,   càng ………………..., râu ……………..………   * Mặt mũi: …………………………….……….. * Xưng hô:…………………………… * Ăn ở: …………………………….…………… * Choắt: …………………………….…………….. * Đối lập với …………………………………….. |

*+ Phiếu học tập số 3*

|  |  |
| --- | --- |
| ***b. Thái độ của Mèn đối với Choắt như thế nào?***   * Gọi Choắt là: ……………………………………………… * Khi sang thăm nhà Choắt:……………………………… * Khi Choắt nhờ giúp đỡ: ……………………………… * Dế Mèn: | Bai hoc duong doi dau tien |

*+ Phiếu học tập số 4*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trước khi trêu chị Cốc** | **Sau khi trêu chị Cốc** | **Kết quả** |
| **Hành động** |  |  |  |
| **Thái độ** |  |  |  |

*+ Phiếu học tập số 5*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** |  |
| **Nội dung** |  |
| **Ý nghĩa** |  |

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1 HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Em đã bao giờ xem một bộ phim hay đọc 1 truyện kể về một sai lầm và sự ân hận của ai đó chưa? Khi đọc, xem, em có những suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**3.2 HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**3.2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | | |
| **1. Tác giả** | | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Tô Hoài và tác phẩm “Dế mèn phiêu lưu kí” cũng như đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Tô Hoài?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | | - Tô Hoài (1920 – 2014)  ***Tô Hoài***  - Tên: Nguyễn Sen  - Quê: Hà Nội  - Ông viết văn từ trước  CMT8/1945  - Có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi  - Các tác phẩm chính: “Võ sĩ Bọ Ngựa”, “Dê và Lợn”, “Đôi ri đá”, “Đảo hoang”… | | |
|  | Picture1 | Picture1 | | Sống lại tuổi thơ với “Dế mèn phiêu lưu ký” |
|  | | | | |
| **2. Tác phẩm** | | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Truyện “Dế mèn phiêu lưu kí” thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Cung cấp thêm thông tin về tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí”, chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | | a) Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc theo hướng dẫn.  b) Tìm hiểu chung  - Văn bản là truyện đồng thoại nổi tiếng nhất của nhà văn Tô Hoài.  - Hệ thống nhân vật là loài vật (nhân vật chính: Dế Mèn).  - Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của Dế Mèn).  - Văn bản chia làm 3 phần  + P1: Từ đầu …sắp đứng đầu thiên hạ rồi.  🡪 Bức chân dung tự hoạ của Dế Mèn.  + P2: còn lại:  🡪 Bài học đường đời đầu tiên. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| 1. **Bức chân dung tự hoạ của Dế Mèn** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, hành động, suy nghĩ và ngôn ngữ của Dế Mèn.  - Đánh giá nét đẹp và nét chưa đẹp của Dế Mèn.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên sâu (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 3 nhóm hoặc 6 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3… (nếu 3 nhóm) hoặc 1,2,3,4,5,6 (nếu 6 nhóm)...  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1,2**: Tìm những chi tiết miêu tả hình dáng của Dế Mèn.  **Nhóm 3,4**: Tìm những chi tiết miêu tả hành động của Dế Mèn.  **Nhóm 5,6**: Tìm những chi tiết nói về suy nghĩ của Dế Mèn.  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Chỉ ra biện pháp NT được sử dụng khi miêu tả Dế Mèn?  3. Lối miêu tả Dế Mèn thường được sử dụng ở loại truyện nào?  4. Nhận xét về hình dáng, hành động và suy nghĩ của nhân vật Dế Mèn (chỉ ra nét đẹp và nét chưa đẹp của nhân vật)?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (7 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Hình dáng** | **Hành động** | | **Suy nghĩ** | **Ngôn ngữ** | | - chàng dế thanh niên cường tráng  + càng: mẫm bóng  + vuốt: cứng, nhọn hoắt  + cánh: dài tận chấm đuôi  một màu nâu bóng mỡ  + đầu: to, rất bướng  + răng: đen nhánh  + râu: dài, cong | - đạp phanh phách  - vũ lên phành phạch  - nhai ngoàm ngoạp  - trịnh trọng vuốt râu  - cà khịa, quát nạt, đá ghẹo | | - Tôi tợn lắm  - Tôi cho là tôi giỏi.  - Tôi tưởng: lầm cử chỉ ngông cuồng là tài ba, càng tưởng tôi là tay ghê ghớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi. | - Gọi Dế Choắt là “chú mày”, xưng “anh”. Gọi chị Cốc là “mày” xưng “tao”. | | NT: Miêu tả, nhân hoá, giọng kể kiêu ngạo | | | | | | **=> Dế Mèn khỏe mạnh, cường tráng, có vẻ đẹp hùng dũng của con nhà võ (*nét đẹp*).** | | **=> Dế Mèn kiêu căng tự phụ, xem thường mọi người, hung hăng hống hách, xốc nổi (*nét chưa đẹp*).** | | | |
| 1. **Bài học đường đời đầu tiên** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được chi tiết miêu tả bức chân dung của Dế Choắt.  - Thấy được thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt.  - Hiểu được bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.  - Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  1. Tìm những chi tiết thể hiện hình dánh, cách sinh hoạt và ngôn ngữ của Dế Choắt?  2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi tái hiện hình ảnh Dế Choắt?  3. Em có nhận xét gì về nhân vật Dế Choắt?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 2  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Tác giả đã sử dụng biện pháp kể hay tả để tái hiện hình ảnh Dế Mèn?).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | ***a) Nhân vật Dế Choắt***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình dáng** | **Cách sinh hoạt** | **Ngôn ngữ** | | - Chạc tuổi: Dế Mèn  - Người: gầy gò, dài lêu ngêu như gã nghiện thuốc phiện.  - Cánh: ngắn củn … như người cởi trần mặc áo ghi nê.  - Đôi càng: bè bè, nặng nề  - Râu: cụt có một mẩu  - Mặt mũi: ngẩn ngẩn ngơ ngơ | - Ăn xổi, ở thì | - Với Dế Mèn:  + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”.  + Trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” và nói: “ở đời….thân”.  - Với chị Cốc:  + Van lạy  + Xưng hô: chị - em. | | * NT: miêu tả, sử dụng thành ngữ | | | | **=> Gầy gò, ốm yếu nhưng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Phát phiếu học tập số 3 & đặt câu hỏi:  **?** Dế Mèn đã nói gì khi sang thăm nhà Dế Choắt và khi Dé Choắt nhờ sự giúp đỡ?  **?** Những lời nói đó thể hiện thái độ gì của Dế Mèn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm chi tiết thể hiện câu nói của Dế Mèn để hoàn thiện phiếu học tập.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | **b) Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt**  - Chê bai nhà cửa và lối sống của Dế Choắt.  - Từ chối lời đề nghị cần giúp đỡ của Choắt  => Khinh bỉ, coi thường Dế Choắt. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 4  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  **?** Tìm những chi tiết thể hiện hành động của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc?  **?** Hành động của Dế Mèn đã gây ra hậu quả gì?  **?** Qua hành động đó, em có nhận xét gì về thái độ của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc, đặc biệt là khi chứng kiến cái chết của Dế Choắt?  **?** Theo em Dế Mèn đã rút ra được cho mình bài học gì từ những trải nghiệm trên? Câu văn nào cho em thấy điều đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **c) Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Dế Mèn** | **Trước khi**  **trêu chị Cốc** | **Sau khi**  **trêu chị Cốc** | **Hậu**  **quả** | | Hành động | - Mắng, coi thường, bắt nạt Choắt.  - Cất giọng véo von trêu chị Cốc. | - Chui tọt vào hang.  - Núp tận đáy hang, nằm in thít.  - Mon men bò lên.  - Chôn Dế Choắt. | Dế Choắt bị chị Cốc mổ cho đến chết | | Thái độ | 🡪  Hung hăng, ngạo mạn, xấc xược. | 🡪  Sợ hãi, hèn nhát | 🡪  Hối hận | | Bài học | **- Không nên kiêu căng, coi thường người khác.**  **- Không nên xốc nổi để rồi hành động điên rồ.** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 5  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác  - Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ.  **2. Nội dung**  - Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.  - Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.  **3. Ý nghĩa**  - Không quá đề cao bản thân rồi rước hoạ.  - Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh. |

**3.2.2 Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

- Lời kể là lời của nhân vật.

**b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” bằng lời của một nhân vật do em tự chọn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**3.2.3 Thực hành Tiếng Việt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn và từ phức** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Trình bày được thế nào là từ đơn, từ phức.  - Phân biệt được từ ghép và từ láy.  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi:  - Giao nhiệm vụ:  ? Hãy kẻ bảng và điền các từ in đậm trong đoạn văn vào ô phù hợp?  ? Thế nào là từ đơn? Thế nào là từ phức?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần nhận biết từ đơn và từ phức T21.  - Kẻ bảng điền từ và hoàn thiện bảng.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang câu hỏi 2. | ***Bài tập 1***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ đơn** | **Từ phức** | | | ***Từ ghép*** | ***Từ láy*** | | - Tôi,  nghe,  người | - Bóng mỡ, ưa nhìn | - Hủn hoẳn, phành phạch,  giòn giã,  rung rinh |  * *Khái niệm từ đơn và từ phức:*   *- Từ đơn do một tiếng tạo thành.*  *- Từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức được phân làm hai loại (từ ghép và từ láy).*  *+ Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau.*  *+ Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm.*  ***Bài tập 2***  Từ láy mô phỏng âm thanh: *phanh phách, phành phạch, ngoàm ngoạp, văng vẳng*…  ***Bài tập 3:***  a) Các từ láy:  + *Phanh phách*: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác.  + *Ngoàm ngoạp*: (nhai) nhiều, liên tục, nhanh.  + *Dún dẩy*: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách.  - Tác dụng:  + Dùng để miêu tả Dế Mèn.  + Nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ khiến cho hình ảnh Dế Mèn hiện lên một cách sinh động  *b) Từ láy và tác dụng của từ láy*  - Từ láy mô phỏng âm thanh: văng vẳng, thảm thiết…  - Tác dụng từ láy:  + “*phanh phách, ngoàm ngoạp*”: miêu tả hành động của Dế Mèn, qua đó lột tả dáng vẻ khoẻ mạnh, hùng dũng của chú.  + “*dún dẩy*”: miêu tả dáng đi của Dế Mèn, qua đó giúp người đọc thấy được tính cách kiêu ngạo của chú. | |
| **Nghĩa của từ ngữ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS:  - Hiểu và phân biệt được nghĩa của “nghèo” & “nghèo sức”, “mưa dầm sùi sụt” & “điệu hát mưa dần sùi sụt”. Từ đó thấy được sáng tạo trong việc sử dụng từ.  - Đặt câu với từ cho sẵn.  **b) Nội dung**:  - GV chia nhóm cặp đôi  - HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - Làm bài tập và rút ra nội dung cần ghi nhớ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | | ***Bài 4***:  - *Nghèo*: không có hoặc có rất ít về vật chất (VD: Nhà nó rất nghèo.)  - *Nghèo sức*: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế.  - *Mưa dầm sùi sụt*: mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt.  - *Điệu hát mưa dần sùi sụt*: điệu hát nhỏ, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương.  ***Bài 5***:  - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai 🡪 GV giúp HS sửa lại). |
| **3. Biện pháp tu từ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tìm câu văn có hình ảnh so sánh và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn đó?  ? Từ đó rút ra thế nào là phép tu từ so sánh?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và tìm câu có biện pháp so sánh.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp so sánh.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | | Bài tập 6  - *Hai cái răng* đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như *hai lưỡi liềm máy* làm việc.  🡪 Nhấn mạnh Dế Mèn đang ở tuổi ăn, tuổi lớn, đầy sức sống, khoẻ mạnh.  - *Mỏ Cốc*  như *cái dùi sắt*, chọc xuyên cả đất.  🡪 Cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mổ Dế Choắt.   * *So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.* |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập .

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật Dế Mèn, kể lại câu chuyện.

Bài tập 2: Tìm ví dụ về truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong ví dụ đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**

**-** Hỗ trợ HS liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện

- Hướng dẫn tìm kiếm truyện đồng thoại và chỉ ra yếu tố đồng thoại trong văn bản.

**HS:**

**-** Liệt kê các sự việc và kể lại câu chuyện theo chuỗi sự việc đã liệt kê.

- Tìm 1 truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài học rút ra cho bản thân trong cách đối xử với bạn bè.

- Tôn trọng sự khác biệt của bạn.

- Sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ khi bạn cần.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Từ bài học của Dế Mèn, em rút ra bài học gì cho bản thân trong cách ứng xử với bạn bè?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

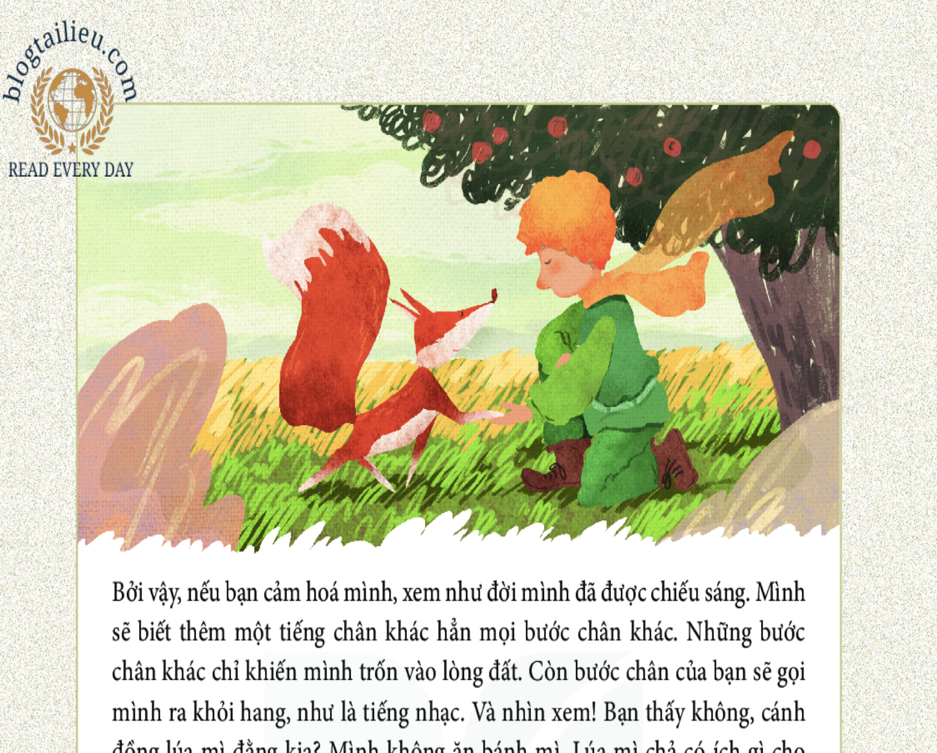
- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho.

**VĂN BẢN 2  
NẾU BẠN MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN…**

**(Trích “Hoàng tử bé”)**

**– *Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri* –**

** **

**1. MỤC TIÊU**

***1.1. Về kiến thức***

- Tri thức Ngữ văn.

- Đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật trong văn bản.

- Tính chất của truyện đồng thoại trong văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn”.

***1.2. Về năng lực***

- Nhận biết được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật hoàng tử bé và cáo.

- Bước đầu biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nhân vật.

- Nhận biết được những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: Nhân vật con vật, ngôn ngữ đối thoại sinh động, giàu chất tưởng tượng

***1.3. Về phẩm chất***

***-*** Trách nhiệm với bạn bè, với những gì mình gắn bó, yêu thương.

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh huy động những hiểu biết về tình bạn kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản để cảm nhận được tình bạn thể hiện trong tác phẩm.

**b. Nội dung:** Giáo viên đặt câu hỏi cho học sinh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Những câu hỏi này nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS về người bạn thân thiết, tạo không khí và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.

**c. Sản phẩm:** HS trả lời được:

- Các câu trả lời của học sinh.

- Cảm xúc của cá nhân ( GV để HS tự do bộc lộ cảm xúc cá nhân)

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ( GV)**

1. Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì khiến các em trở thành đôi bạn thân?2. Em và người bạn thân ấy đã làm quen với nhau như thế nào?

*- Thời gian chuẩn bị: 1 phút.*

*- Thời gian trình bày: 2 phút.*

+ Giáo viên gọi tinh thần xung phong để học sinh thể hiện sự tự tin của mình.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cặp đôi, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV** nhận xét và giới thiệu bài học: *Tình bạn luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho những sáng tác đi vào lòng người. Những tác phẩm về tình bạn luôn ca ngợi về sự chân thành gắn bó, đoàn kết yêu thương, qua đó thể hiện sự tươi đẹp của cuộc sống khi có những người bạn thân trong đời. Một trong những hạnh phúc lớn nhất ở đời này là tình bạn, và một trong những hạnh phúc của tình bạn là có một người để gửi gắm những tâm sự thầm kín. Qua câu chuyện thú vị trong bài học này, các em có thể hiểu thêm: điều gì khiến chúng ta trở thành bạn của nhau? Tình bạn sẽ thay đổi cuộc sống của chúng ta ra sao? Đó là nội dung mà bài học này sẽ đem đến cho các em!*

***Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả** | | | | |
| **a.** **Mục tiêu**: Giúp HS:  - Nắm được những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của *tác giả.*  - Nắm được cơ bản phong cách sáng tác của tác giả, những tác phẩm tiêu biểu.  **b.** **Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi tìm hiểu về tác giả.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **HĐ của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **? Trình bày những hiểu biết chung của em về tác giả Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri?**  (Gợi ý: *Tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp văn chương, các tác phẩm chính*.)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **GV bổ sung**: Antoine de Saint-Exupéry (1900-1944) là một nhà văn, một phi công người Pháp. Một tác giả có thể nói là độc nhất vô nhị trong lịch sử văn học thế giới khi là một phi công, một người lính, nhưng lại có đôi mắt và tâm hồn của nhà thơ. Ông tham gia Chiến tranh Thế giới lần II với cương vị phi công chiến đấu. Máy bay của ông bị bắn rơi trên vùng trời nước Pháp vào năm 1944. | | **- Tên tuổi:** Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (1900-1944)  **- Quê hương:** Lyons, nước Pháp.  - **Vị trí:** Là nhà văn lớn người Pháp.  **- Đề tài sáng tác:** Hầu hết các tác phẩm của ông lấy cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.  **- Phong cách sáng tác:** Ngòi bút của Xanh-tơ E-xu-pe-ri đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn.  **- Các tác phẩm chính: Hoàng tử bé, Bay đêm, Cõi người ta, Phi công thời chiến…**  **- Giải thưởng:** Huân chương Croix de Guerre (huân chương được nhà nước Pháp trao tặng cho các cá nhân hoặc đơn vị có thành tích trong Chiến tranh TG lần II) | | |
| ***Gv giới thiệu 1 số tác phẩm tiêu biểu của nhà văn:*** | | | | |
| **2. Tác phẩm** | | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  **- GV:** Hướng dẫn HS đọc văn bản:  + Gv đọc mẫu  + HD học sinh đọc phân vai: Người dẫn truyện, hoàng tử bé, con cáo.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận nhiệm vụ đọc theo từng vai.  - GV Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS đọc theo các vai đã phân công  **B4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét cách đọc của HS  - Tuyên dương, khen ngợi  **- GV mở rộng:** Khi đọc văn bản các em chú ý đọc diễn cảm thể hiện tình cảm của nhân vât. Như thế các em không chỉ được hòa mình vào câu chuyện mà các em còn hiểu hơn về tính cách, phẩm chất của các nhân vật.  **\* Lưu ý:** Quan sát, nắm thông tin ở các hộp chỉ dẫn thông tin màu vàng bên cạnh.  **B1: Giao nhiệm vụ**  **- Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:**  ? Đoạn trích ***“Nếu cậu muốn có một người bạn”***  có xuất xứ từ đâu?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Văn bản thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em có nhận xét đó?  ? Nhân vật chính của truyện là ai?  ? Quan sát văn bản, em thấy văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .  **MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TÁC PHẨM** | | **a. Đọc văn bản**  **b. Tìm hiểu tác phẩm**  - **Xuất xứ:** Đoạn trích: ***“Nếu cậu muốn có một người bạn”*** (chương XXI) của tác phẩm **Hoàng tử bé** (tên tiếng Pháp: Le Petit Prince). Xuất bản năm 1943.  ***-* Ngôi kể**: ngôi thứ ba  **- Thể loại:** Truyện đồng thoại.  **- Nhân vật chính:** Hoàng tử bé và Cáo  **- Bố cục:** 3 phần  \* Từ đầu… *mình chưa được cảm hóa*: **Bối cảnh cuộc gặp gỡ giữa cậu bé và con cáo.**  \* *Tiếp theo ...duy nhất trên đời:* **Cuộc trò chuyện và sự cảm hóa của cậu bé dành cho cáo.**  \* *Phần còn lại*: **Chia tay và những bài học về tình bạn** | | |
| Hoàng Tử Bé (Tái Bản 2019) | Nhà sách Fahasa | Tiki | Cõi người ta - Sách điện tử Trẻ | YBOOK.vn | | Sách - Hoàng Tử Bé (Bìa Cứng) - Đông A | Shopee Việt Nam | Hoàng tử bé"-trích dẫn hay | Hình ảnh, Prince, Truyền cảm hứng |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | | | |
| **1. Cuộc gặp gỡ giữa Hoàng tử bé và cáo** | | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyên, nhân vật, người kể chuyện, lời nhân vật)  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, nêu và giải quyết vấn đề  - HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  ? Hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào?  ? Cáo gặp hoàng tử bé trong khi nó đang cảm nhận như thế nào về cuộc sống?  ? Cả hai nhân vật có đều mang tâm trạng gì  ? Từ cuộc gặp gỡ của cáo và hoàng tử bé, em có rút ra được kinh nghiệm gì khi mình gặp gỡ 1 người bạn mới?  *( Thân thiện, lịch sự qua nụ cười, ánh mắt)*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin SGK để thực hiện nhiệm vụ  - GV giúp đỡ HS ( nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **HS**: Trả lời câu hỏi  **GV***:* Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | **- Hoàng tử bé:**  + Đến từ một hành tinh nhỏ bé và kì lạ  + Tâm trạng: Buồn bã và chán nản  **- Cáo:**  + Bị coi là tinh ranh và gian xảo  + Tâm trạng: Cô đơn và buồn chán.   * **Cả hai nhân vật đều đang cô đơn, buồn bã.** | | |
| **2.** **Kết bạn và cảm hóa** | | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT mảnh ghép cho HS thảo luận nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  **HS đọc thông tin SGK thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi sau bằng cách điền vào phiếu học tập số 1:**  ? Gặp hoàng tử bé, cáo có đề nghị gì?  ? Từ cảm hóa xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích?  ? Qua những lời giải thích của cáo, em hiểu cảm hóa nghĩa là gì?  ? Vậy, cáo mong muốn điều gì ở hoàng tử  ? Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết tha mong được kết bạn với cậu? | | ***a. Kết bạn*** | | |
| **HOÀN THÀNH PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   |  |  | | --- | --- | | **Lời đề nghị của cáo:** |  | | **Từ “Cảm hóa” xuất hiện số lần:** |  | | **Cảm hóa là:** |  | | **Mong muốn của cáo với ở hoàng tử bé:** |  | | **Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết tha mong được kết bạn với cậu:** |  | | | | | |
| **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin SGK, thảo luận với bạn bên cạnh mình để hoàn thành phiếu học tập, hoàn thành nhiệm vụ.  - GV giúp đỡ HS ( nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **HS**: Trả lời câu hỏi bằng cách điền vào phiếu học tập.  **GV***:* Hướng dẫn HS, giúp đỡ ( nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục tiếp theo. | |  | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   |  |  | | --- | --- | | **Lời đề nghị của cáo:** | Được hoàng tử cảm hóa. | | **Từ “Cảm hóa” xuất hiện số lần:** | Từ cảm hóa xuất hiện 15 lần) | | **Cảm hóa là:** | Cảm hóa là kết bạn, là gắn kết tình cảm với nhau, làm cho gần gũi nhau hơn. | | **Mong muốn của cáo với ở hoàng tử bé:** | Cáo mong được kết bạn với hoàng tử bé, mong được quan tâm, gắn bó, được đón nhận, trân trọng, đánh thức những điều đẹp đẽ, xóa bỏ khoảng cách, định kiến, trở thành bạn bè, thâu hiểu, yêu thương. | | **Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết tha mong được kết bạn với cậu:** | Ấn tượng của cáo về hoàng tử bé:  + Hoàng tử khen: “Bạn dễ thương quá”  -> Hoàng tử lịch sự, thân thiện, không bị giới hạn bởi định kiến | | | | | |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên gia (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 3 nhóm hoặc 6 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3… (nếu 3 nhóm) hoặc 1,2,3,4,5,6 (nếu 6 nhóm)...  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1**: Tìm những chi tiết thể hiện sự thay đổi trong cảm nhận của cáo về bước chân trước và sau khi được cảm hóa?  **Nhóm 2**: Tìm những chi tiết thể hiện sự thay đổi trong cảm nhận của cáo về đồng lúa mì trước và sau khi được cảm hóa?  **Nhóm 3**: Tìm những chi tiết thể hiện sự thay đổi trong nhận định của cáo về cuộc sống trước và sau khi được cảm hóa? | | ***b. Cảm hóa*** | | |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm** |  | **Cuộc sống của cáo trước khi cảm hóa** | **Cuộc sống của cáo sau khi cảm hóa** | | 1 | Cảm nhận của cáo về bước chân |  |  | | 2 | Cảm nhận của cáo về đồng lúa mì |  |  | | 3 | Nhận định của cáo về cuộc sống |  |  | | | | | |
| ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm 1 mới, số 2 tạo thành nhóm 2 mới, số 3 tạo thành nhóm 3 mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Nếu được cảm hóa cuộc sống của cáo sẽ thay đổi như thế nào?  3. Qua đó em hiểu được ý nghĩa gì của tình bạn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (7 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | |  | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cuộc sống của cáo trước khi cảm hóa** | **Cuộc sống của cáo sau khi cảm hóa** | | **Cảm nhận của cáo về bước chân** | Những bước chân khách chỉ khiến mình trốn vào lòng đất  => Nó sợ hãi và chạy trốn | Bước chân của bạn khác hẳn mọi bước chân khác, sẽ gọi mình ra khỏi hang như tiếng nhạc  => Vui thích, chủ động tìm đến. | | **Cảm nhận của cáo về đồng lúa mì** | Đồng lúa mì chẳng gợi nhớ gì cho mình cả  => Không thấy có ích | Lúa mì vàng óng sẽ làm mình nhớ đên bạn và mình sẽ thích gió trên đồng lúa mì.  => Thân thương, ấm áp | | **Nhận định của cáo về cuộc sống** | Mình săn gà, con người thì săn mình. Mọi con gà đều giống nhau, mọi con người đều giống nhau | Như thể được mặt trời chiếu sáng… | | | | | |
|  | | - Nếu được cảm hóa, cuộc sống của cáo sẽ thay đổi: từ buồn tẻ, quẩn quanh, sợ hãi trở nên tươi sáng, đẹp đẽ, tràn đầy hạnh phúc như được chiếu sáng.  - Con cáo sẽ rất vui thích khi được kết bạn với hoàng tử bé và nhận ra được giá trị của tình bạn. | | |
| **3. Hoàng tử bé chia tay cáo** | | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, nêu và giải quyết vấn đề..  - HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trả lời câu hỏi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  ? Khi chia tay hoàng tử bé, cáo đã có những cảm xúc gì? Những cảm xúc ấy có khiến cáo hối tiếc về việc kết bạn với hoàng thử bé không?  ? Hoàng tử bé đã nhắc lại những lời nào của cáo để cho nhớ? Nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của một trong những lời nói đó?  ? Cáo đã chia sẻ với hoàng tử nhiều bài học về tình bạn. Em thấy bài học nào ý nghĩa, gần gũi với mình?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin SGK để thực hiện nhiệm vụ  - GV giúp đỡ HS ( nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **HS**: Trả lời câu hỏi  **GV***:* Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | **a. Cáo**  - Cảm xúc: “Mình sẽ khóc mất”.  => Buồn nhưng không hối tiếc vì màu lúa mì làm cáo nhớ hoàng tử.  - Suy nghĩ: Cuộc sống không buồn tẻ, sợ hãi mà sẽ tốt đẹp hơn và hạnh phúc hơn.  **b. Hoàng tử bé**  - Nhắc lại lời nói của cáo để cho nhớ:  + Người ta chỉ thấy rõ với trái tim. Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần.  + Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hoa hồng của bạn đã khiến nông hồng của bạn trở nên quan trọng đến thế  + Bạn có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn cảm hóa. Bạn có trách nhiệm với bông hồng của bạn.  **c. Món quà cáo dành tặng hoàng tử:**  + bài học về cách kết bạn: cần thân thiện, kiên nhẫn, dành thời gian để cảm hóa nhau  + ý nghĩa của tình bạn: mang đến niềm vui, hạnh phúc, khiến cuộc sống trở nên phong phú, tươi đẹp  + bài học về cách nhìn nhận, đánh giá, trách nhiệm với bạn bè: biết thấy rõ trái tim, biết quan tấm, lắng nghe, thấu hiểu. sẻ chia, bảo vệ | | |
| ? Theo em, nhân vật cáo có phải là nhân vật của truyện đồng thoại không? Vì sao  - Nhân vật cáo là nhân vật của truyện đồng thoại vì là con vật được nhân hóa, biết nói chuyện. Nó vẫn mang đặc tính của loài cáo: săn gà và bị người săn bắt, nhưng bên cạnh đó, nó mang đặc điểm của con người: có khát khao được kết bạn, được trân trọng và đón nhận những điều tốt đẹp của bản thân. | |  | | |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản ?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm  - Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ.  - Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc.  **2. Nội dung**  Kể về cuộc gặp gỡ bắt ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ này đã mang đến cho cả hai những món quà quý giá.  **3.** **Ý nghĩa:**  Bài học về cách kết bạn cần kiên nhân và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè. | | |

***Hoạt động 3: Luyện tập***

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào làm các bài tập cụ thể nhằm củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập GV giao.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

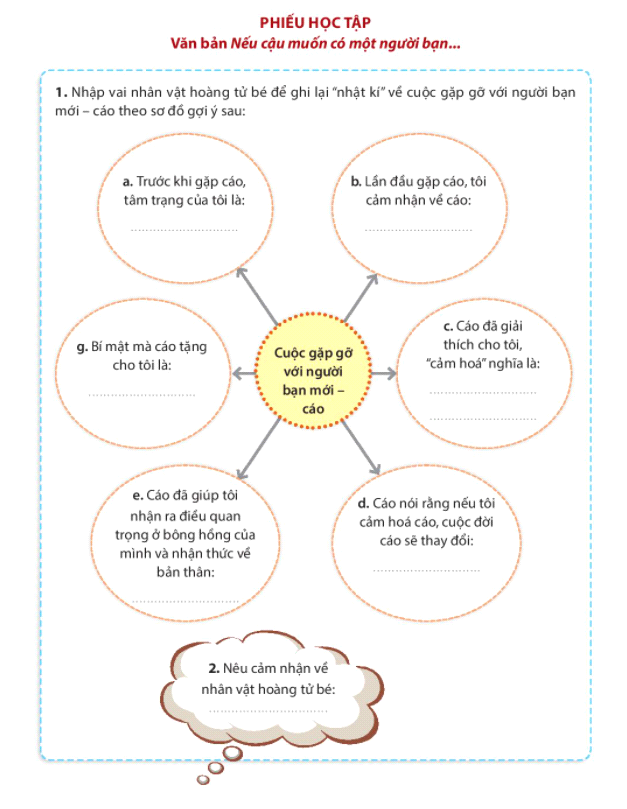
**B1: Giao nhiệm vụ**

- Chia nhóm lớp theo cặp đôi.

- Phát phiếu học tập

- Giao nhiệm vụ nhóm:

*?* Nhập vai nhân vật hoàng tử bé để ghi lại “nhật kí” về cuộc gặp gỡ với cáo theo phiếu học tập sau:



**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**:

* Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.
* Làm việc theo cặp đôi 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**HS**:

- Đại diện 01 đến 02 cặp đôi báo cáo kết quả thảo luận nhóm, cặp đôi khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**GV**:

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các cặp đôi.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các cặp đôi.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

***Hoạt động 4: Vận dụng***

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ**

- Phát phiếu học tập

- Giao nhiệm vụ cho HS:

? Viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: Suy nghĩ cá nhân hoàn thành bài tập

**GV**: Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**HS**: Trình bày bài làm của mình trước lớp.

**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo với bạn cùng bàn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Văn bản 3: BẮT NẠT**

**( Nguyễn Thế Hoàng Linh)**

**1. MỤC TIÊU**

**1.1: Về kiến thức:**

Sự khác nhau về khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ.

**1.2. Về năng lực**

- Nhận biết được nội dung chính và chủ đề của bài thơ

- Bước đầu phân tích được thái độ của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

- Thể hiện được quan điểm và thái độ của mình đối với hiện tượng bắt nạt.

**1.3. Về phẩm chất**

Giúp học sinh có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Tranh ảnh về nhà thơ, hình ảnh;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1: Khổ 5,6**  -Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ ? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì ?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  - Tác giả khuyên chúng ta không nên bắt nạt những đối tượng nào? Vì sao? …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  - Qua đó em hiểu tác giả là người như thế nào?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 2: Khổ 7,8**  **?** Tác giả nhắn nhủ gì đến những bạn bị bắt nạt ? Thái độ của tác giả trước hiện tượng bắt nạt thể hiện qua từ ngữ nào? …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  **?** Em có đồng ý với thái độ ấy của tác giả không? Vì sao?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 3** | |
| Nghệ thuật |  |
| Nội dung |  |
| Bài học |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 4** | |
| **Tình huống** | **Em sẽ làm gì ?** |
| 1. Nếu em bị bắt nạt |  |
| 2. Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt |  |
| 3. Nếu em là người bắt nạt người khác |  |

**3.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***1. HĐ1: Xác định vấn đề***

**a. Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được hiện tượng bắt nạt trong cuộc sống.Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

? Quan sát hình ảnh, những hình ảnh ấy phản ánh hiện tượng gì? Em có chứng kiến hiện tượng ấy trong thực tế không? Nếu có em có suy nghĩ gì về hiện tượng đó?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| C:\Users\Administrator\Desktop\bắt nạt 1.jpg | C:\Users\Administrator\Desktop\bắt nạt 2.jpg | C:\Users\Administrator\Desktop\bắt nạt 3.jpg |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ** : HS suy nghĩ cá nhân, trả lời và chia sẻ suy nghĩ của mình.

**B3: Báo cáo thảo luận**: HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận nhận định** : GV nhận xét và kết nối vào nội dung bài học

( Bắt nạt là hiện tượng phổ biến trong trường học, nó tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Bắt nạt bằng hành động, bắt nạt bằng lời nói, bắt nạt trên Facebook....Hiện tượng bắt nạt đó là tốt hay xấu? Chúng ta nên cư xử như thế nào cho phù hợp? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu)

***2.HĐ2: Hình thành kiến thức mới***

|  |  |
| --- | --- |
| **I.TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Tác giả**  **a)Mục tiêu**: Giúp HS nêu được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và giới thiệu về tác giả.  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyến Thế Hoàng Linh ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | - Tên: Nguyễn Hoàng Thế Linh.  - Năm sinh: 1982;  - Quê quán: Hà Nội;  - Viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ  nghĩnh, trong trẻo, tươi vui. |
| **2. Tác phẩm**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS  Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thời gian sáng tác, thể loại…)  **b) Nội dung**:  GV sử dụng đặt câu hỏi, HS hoạt động cặp đôi.  HS làm việc cặp đôi, chia sẻ để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV hướng dẫn cách đọc. GV gọi hai HS đọc bài thơ.  ? Trình bày xuất xứ của bài thơ  ? Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?  ? Bài thơ được chia thành mấy phần ? Nêu nội dung từng phần ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cặp đôi 2 ': HS trao đổi theo cặp.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Chia sẻ kết quả thảo luận .  Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn .  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | - Trích từ tập thơ *Ra vườn nhặt nắng*.  - Năm sáng tác: 2017.  - Thể loại: Thơ năm chữ.  - Bố cục: 4 phần  + Khổ 1: Nêu vấn đề  + Khổ 2, 3, 4 : Gợi ý những việc làm tốt thay cho bắt nạt.  + Khổ 5,6 : Phân loại đối tượng bắt nạt.  + Khổ 7, 8: Lời nhắn nhủ của tác giả. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **1.Khổ 1: Nêu vấn đề**  **a)Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết hiện tượng bắt nạt và thái độ của tác giả.  **b) Nội dung:**  - HS hoạt động cá nhân.  - HS trình bày sản phẩm, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **?** Tác giả nêu hiện tượng bắt nạt bằng những từ ngữ nào?  **?** Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề của tác giả?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc thầm khổ 1  - Làm việc cá nhân, tìm chi tiết.  **GV**:  - Theo dõi, hướng dẫn ( nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | -“ Bắt nạt là xấu lắm”-> bộc lộ thái độ trực tiếp.  - Lời kêu gọi “ bạn ơi”-> tạo âm điệu ngọt ngào,lời khuyên tha thiết, thân mật. |
| **2.Khổ 2,3,4: Những việc làm tốt thay cho bắt nạt.**   1. **Mục tiêu**: Giúp HS   - Nhận thấy được những việc làm tốt thay vì bắt nạt, thái độ  **b) Nội dung:**  - HS hoạt động cặp đôi, chia sẻ.  - HS trình bày sản phẩm, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV nêu câu hỏi**  ? Tác giả khuyên chúng ta làm gì thay vì bắt nạt?  ? Em hiểu cụm từ “ ăn mù tạt”, “trêu mù tạt” là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc thầm khổ 2,3,4  - Làm việc cá nhân, cặp đôi.  **GV**:  - Theo dõi, hướng dẫn ( nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày kết quả thảo luận. Theo dõi, bổ sung cho các cặp trước .  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào khổ thơ sau.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV nêu câu hỏi**  **?** Tác giả nhận xét như thế nào về những bạn bị bắt nạt, qua đó tác giả thể hiện thái độ gì đối với các bạn ấy ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Quan sát khổ 4 SKG.  - Làm việc cá nhân tìm chi tiết.  **GV**:  - Theo dõi, hướng dẫn ( nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày kết quả. Theo dõi, bổ sung ý kiến .  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | - Học hát, nhảy híp-hóp-> học tập trau dồi kiến thức, mở rộng tâm hồn.  -“Ăn mù tạt, trêu mù tạt”->NT ẩn dụ chỉ sự đối diện khó khăn, thủ thách.  -Thỏ non,đáng yêu -> thể hiện thái độ tôn trọng, gần gũi, yêu mến. |
| **3.Khổ 5,6 : Đối tượng bắt nạt**  **a)Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu được lời khuyên, thái độ của tác giả với hiện tượng bắt nạt.  **b) Nội dung:**  - HS hoạt động nhóm .  - HS trình bày sản phẩm, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV phát phiếu học tập 1, chia 6 nhóm**  **?** Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ ? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì ?  **?** Tác giả khuyên chúng ta không nên bắt nạt những đối tượng nào? Vì sao?  ? Qua đó em hiểu tác giả là người như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân tìm từ ngữ .  **-** Hoạt động nhóm (trao đổi, chia sẻ hoàn thành phiếu học tập)  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV: yêu cầu HS báo cáo kết quả thảo luận.  HD HS trình bày.  **HS**: Đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  Điều hành các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức, mở rộng kiến thức về đối tượng có thể bị bắt nạt , nhấn mạnh đối tượng “ nước khác” và chuyển dẫn vào mục sau . | - Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện 6 lần ->Nhằm nhấn mạnh thái độ thẳng thắn phê bình, không đồng tình với hành động bắt nạt.  - Đối tượng không nên bắt nạt: người lớn, trẻ con, nước khác, chó, mèo, cái cây -> Thể hiện tư tưởng yêu chuộng hoà bình. |
| **4. Khổ 7,8: Lời nhắn nhủ của tác giả**  **a)Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu được lời khuyên của tác giả, rút ra bài học cho bản thân.  **b) Nội dung:**  - HS thảo luận nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV phát phiếu học tập**  **?** Tác giả nhắn nhủ gì đến những bạn bị bắt nạt ? Thái độ của tác giả trước hiện tượng bắt nạt thể hiện qua từ ngữ nào?  **?** Em có đồng ý với thái độ ấy của tác giả không? Vì sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân tìm từ ngữ .  **-** Hoạt động nhóm (trao đổi, chia sẻ hoàn thành phiếu học tập)  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV: yêu cầu HS báo cáo kết quả thảo luận.  HD HS trình bày.  **HS**: Đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  Điều hành các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập , sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức. | - Thái độ : Bênh vực,sẵn sàng bảo vệ. ( cứ đưa bài thơ, đến gặp tớ, bắt nạt rất hôi)  - Đồng tình vì bắt nạt là một thói xấu có thể gây ra những tổn thương, nỗi sợ hãi, cho những bạn bị bắt nạt. |
| **III. TỔNG KẾT**  **a)Mục tiêu**: Giúp HS  - Khái quát lại nội dung và nghệ thuật chính của văn bản.  **b) Nội dung:**  - HS hoạt động nhóm.  - HS trình bày sản phẩm, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 5  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật và nội dung chính được sử dụng trong văn bản?  ? Qua bài thơ em rút ra bài học gì ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - GV chốt kiến thức toàn bài . | **1. Nghệ thuật**  Ẩn dụ, giọng điệu hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện.  **2. Nội dung, ý nghĩa**  - Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc. |

***3.HĐ3: Luyện tập***

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học giải quyết tình huống

**b) Nội dung:** HS HĐ nhóm giải quyết tình huống GV giao

**c) Sản phẩm:**Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao phiếu học tập cho HS

|  |  |
| --- | --- |
| **Tình huống** | **Em sẽ làm gì ?** |
| 1. Nếu em bị bắt nạt |  |
| 2. Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt |  |
| 3. Nếu em là người bắt nạt người khác |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV : Chia lớp thành 6 nhóm , phát phiếu học tập cho các nhóm**

HD HS hoàn thiện phiếu

**HS :** Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả phiếu học tập.

thảo luận,

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS, định hướng cách giải quyết hợp lí trong mỗi tình huống.

***Tình huống 1:*** Nếu em bị bắt nạt: chống lại kẻ bắt nạt hay chia sẻ, tìm sự trợ giúp từ bạn bè, thầy cô, gia đình.

***Tình huống 2:*** Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt: can ngăn kẻ bắt nạt và bênh vực nạn nhân bị bắt nạt, tìm sự trợ giúp.

***Tình huống 3:*** Nếu mình là kẻ bắt nạt: đó hành vi xấu cần từ bỏ, xin lỗi người bị mình bắt nạt.

***4. HĐ 4: Vận dụng***

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, phát triển năng lực viết cho HS.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết đoạn văn (4- 5 câu) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS viết ( bắt nạt là gì, có phổ biến trong nhà trường không ?, bắt nạt thường gây ra hậu quả gì, thái độ của em trước hiện tượng bắt nạt…)

**HS** hoạt động cá nhânđọc, xác định yêu cầu của bài tập , viết bài.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** đọc bài, nhận xét sửa lỗi.

GV nghe, chỉnh sửa bài viết cho HS.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau.

**B. VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất

- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể

**2. Về năng lực:**

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ

- Tập trung vào sự việc đã xảy ra

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

- Video do GV tự làm để kể về trải nghiệm của bản thân thời thơ ấu.

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? | ……………………………………… |
| Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì? | ……………………………………… |
| Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? | ……………………………………… |
| Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? | ……………………………………… |
| Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? | ………………………………………  ……………………………………… |

\\\

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  **- Biết được kiểu bài kể về một trải nghiệm.**  **- Nhận biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện.**  **b) Nội dung:**  **- GV hỏi, HS trả lời.**  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hỏi:**  ? Trong “Bài học đường đời đầu tiên” Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào?  ? Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ mấy?  ? Em có một trải nghiệm nào đáng nhớ không? Hãy kể lại trải nghiệm đó một cách ngắn gọn ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát vb “*Bài học đường đời đầu tiên*”.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS kể lại trải nghiệm của bản thân.  **GV**:  - Dự kiến KK HS gặp: không biết kể về trải nghiệm của bản thân.  - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:  ? Trải nghiệm đó tên là gì (kỉ niệm, lỗi lầm…)? Trải nghiện đó ở thời điểm nào? Diễn ra như thế nào?  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm*”. | ***Vb*:**“Bài học đường đời đầu tiên”  - Dế Mèn kể về bài học đường đời đầu tiên của bản thân từ sự việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.  - Dế Mèn xưng “tôi”.  => Kiểu bài kể lại một trải nghiệm. Sử dụng ngôi kể thứ nhất. |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU**  **ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM** | |
| **a) Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Biết cách kể trải nghiệm của bản thân  **b) Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?  ? Người kể sẽ phải sử dụng ngôi kể thứ mấy? Vì sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhớ lại văn bản “Người bạn nhỏ”.  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | - Kể về một trải nghiệm của bản thân.  - Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện.  - Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi).  - Cảm xúc của bản thân… |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Bài viết tham khảo kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ (mèo Mun).  - Biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện (người kể chuyện xưng “tôi”).  - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thâm bài, kết bài).  b) **Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hỏi: Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả?  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Xác định ngôi kể trong bài văn?  2. Phần nào giới thiệu câu chuyện?  3. Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào?  4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?  **GV** yêu cầu: HS kể lại ngắn gọn câu chuyện theo các sự việc được xác định.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **Bài mẫu**:  - Kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ (mèo Mun).  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”)  - Các phần:  + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm.  + Đoạn 2,3,4 tập trung và các sự việc chính của câu chuyện.  + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc của bản thân.  - Các sự việc:  + Sự việc 1: Ngôi nhà mới của 3 mẹ con rất xinh xắn nhưng có nhiều chuột.  + Sự việc 2: Bà ngoại gửi cho 3 mẹ con một con mèo Mun.  + Sự việc 3: Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mèo Mun.  + Sự việc 4: Một buổi chiều, Mun đã bị mất tích. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  **b) Nội dung:**  **-** GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Liệt kê những sự việc đáng nhớ trong cuộc đời?  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? |  | | Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì? |  | | Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? |  | | Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? |  | | Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: giới thiệu câu chuyện.  - *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện.  + Thời gian  + Không gian  + Những nhân vật có liên quan  + Kể lại các sự việc  - *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.  **2. Viết bài**  - Kể theo dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - Sử dụng những  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết theo. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  b) **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nhắc lại yêu cầu đối với bài văn chia sẻ về một trải nghiệm của bản thân?   * Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.   ? Đối chiếu với yêu cầu của bài viết, em hãy tự sửa lại bài của mình và sửa bài của bạn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV theo dõi, hướng dẫn HS hoạt động (nếu cần).  - HS đọc bài của mình và bài của bạn, đối chiếu với yêu cầu của bài và sửa bài.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bản thân và của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | \* Yêu cầu của bài:  - Kể về một trải nghiệm của bản thân.  - Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện.  - Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi).  - Cảm xúc của bản thân…  \* Bài viết đã được sửa của HS. |

**C. NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Ngôi kể và người kể chuyện

- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

***2. Về năng lực:***

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Nhân vật trong đoạn video kể về điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c) Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật Dế Mèn, kể lại câu chuyện.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về một truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản đó?

Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:***

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

***b) Nội dung:***

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết một kỉ niệm của bản thân và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, hãy gạch chân câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh và nêu tác dụng.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về một truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản đó?

Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bài 02* | *Nội dung soạn* | *Giáo viên soạn* | *Đơn vị công tác* |
| *Gõ*  *của trái tim* | *Chuyện cổ tích loài người* | *Cô Hoàng Thị Nguyệt* | *THCS Thiệu Nguyên, Thanh Hóa* |
| *Mây và sóng* | *Cô Mai Nụ* | *THCS Thạnh Mỹ, Lâm Đồng* |
| *Bức tranh của em gái tôi*  *Phần đầu và cuối chủ đề* | *Cô Ngọc Lê* | *THCS Lý Tự Trọng* |
| *Viết-Nói và nghe* | *Cô Hoàng Dung* | *THCS Nguyễn Phong Sắc, Hà Nội* |

*Ngày soạn: /6/2021 Ngày dạy:…………….*

**TUẦN …..**

**Bài 2**

**GÕ CỬA TRÁI TIM**

(16 tiết)

*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩ mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

*(Ca dao Việt Nam)*

**  **

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức ngữ văn (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ).

- Vẻ đẹp của tình cảm gia đình qua ba văn bản

- Biện pháp tu từ ẩn dụ.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo cảu bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, tác dụng của việc sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ

- Nhận biết được ẩn dụ và tác dụng của ẩn dụ

- Viết được đoạn vaưn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Khám phá tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung**:  **GV** yêu cầu HS lắng nghe một trích đoạn văn bản trả lời câu hỏi phát vấn  *Tôi kể chuyện nay chàng Dế Mèn*  *Tuổi trẻ xông pha ấy một phen*  *Ngờ đâu ngông cuồng và dại dột*  *Liên lụy đau lòng Choắt thân quen…*  **c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được  - Thể loại của trích đoạn văn bản.  - Tri thức ngữ văn (Một số đặc điểm của thơ: thể thơ; ngôn ngữ thơ; nội dung của thơ; yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ/ ẩn dụ).  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu đoạn văn bản, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:  ? Đoạn trích trên khiên em nghĩ đến văn bản nào? Thể loại của trích đoạn có khác gì với văn bản em đã học?  - Yêu cầu HS đọc Tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời câu hỏi:  ? Em hãy kể tên một số bài thơ mà em biết?  ? Thể loại thơ có những đặc điểm đặc trưng nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS -** Quan sát đoạn trích và suy nghĩ cá nhân.  - Đọc phần tri thức Ngữ văn và suy nghĩ cá nhân  **GV:**  - Hướng dẫn HS quan sát văn bản trích  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**VĂN BẢN 1**: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI.

**( trích: Lời ru trên mặt đất, tác giả: Xuân Quỳnh.)**

**I.MỤC TIÊU:**

*1.Kiến thức*: Hiểu được nội dung, ý nghĩa của VB chuyện cổ tích về loài người.

Thấy được tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ:thể thơ 5 chữ ngắn gọn, cô đọng súc tích, dễ hiểu.

- Nhận diện đặc trưng cơ bản của thơ: Ngôn ngữ thơ,nội dung chủ yếu trong thơ và tự sự trong thơ.Bài thơ mang màu sắc cổ tích suy nguyên.

*2.Phẩm chất*:Hình thành phẩm chất tốt đẹp ở học sinh: Trân trọng lịch sử của loài người . Yêu cuộc sống hiện tại , yêu thương nhau và biết yêu thương cây cỏ, con vật. Yêu thiên nhiên và môi trường , có ý thức bảo vệ trẻ em, bảo vệ thiên nhiên và môi trường .

*3*. N*ăng lực*

*-* ***Năng lực chung****:* Tự chủ và tự học, tự đọc độc lập, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

-***Năng lực chuyên biệt:***

Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ 5 chữ . Nhận biết được hình ảnh của trái đất khi trẻ con được sinh ra . Nhận biết được sự thay đổi của trái đất khi trẻ con được sinh ra. Sự quan tâm chăm sóc của bố mẹ dành cho con.

Nêu cảm nhận của cá nhân về truyện cổ tích của loài người.

Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc của bản thân về một khổ thơ mà em thích .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.Giáo viên chuẩn bị:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, một số tác phẩm tiêu biểu của nhà văn.

**2.Học sinh chuẩn bị:**

**-** SGK,SBT ngữ văn 6.

- Soạn bài:Đọc sgk, trả lời các câu hỏi hướng dẫn trong sách, vở ghi, bút.

- Dự án tìm hiểu về tác giả, văn bản.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS.** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM.** |
| **Tiết 1-HOẠT ĐỘNG 1:XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ.**  1. Mục tiêu:*Tạo tâm thế, kích thích sự tìm tòi khám phá của HS về tác giả, văn bản.*  2. Nội dung:  *- GV đặt cho hs những câu hỏi gợi mở vấn đề.*  3. Sản phẩm hoạt động  *- Trình bày miệng theo nhận thức của học sinh.*  4. Tổ chức thực hiện.  *- Học sinh trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.*  ? Nêu tên một câu chuyện kể về nguồn gốc loài người mà em biết.Trong truyện, sự ra đời của loài người có gì kì lạ.( lạc long Quân và Âu Cơ).  ?Đọc một bài thơ về tình cảm gia đình mà em biết.  Hs nêu tên văn bản, chỉ ra sự kì lạ về nguồn gốc loài người.  - Từ đó GV dẫn dắt HS vào bài mới.  Chốt: Trên thế giới và nước ta có nhiều nhà thơ nổi tiếng gắn bó cả cuộc đời của mình viết cho đề tài trẻ em, một trong những đề tài khó khăn và thú vị bậc nhất. Xuân Quỳnh là một trong những tác giả như thế.  - Thơ 5 chữ của Xuân Quỳnh : *Chuyện cổ tích về loài người*  (1978). Vậy nhân vật nào , câu chuyện nào được kể trong bài thơ , tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái được thể hiện như thế nào, thế giới đổi thay ra sao khi có trẻ em ? Để trả lời các câu hỏi trên , chúng ta cùng đi vào bài học. |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về tác giả, văn bản thơ.**  **\* Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Xuân Quỳnh và văn bản  *CCTVLN.*  \* **Phương thức thực hiện**: trình bày dự án, hoạt động chung, hoạt động nhóm.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: Kết quả của nhóm bằng video (hoặc dự án nhóm), phiếu học tập, câu trả lời của HS.  \* **Tổ chức thực hiện.**  **1**. ***GV chuyển giao nhiệm vụ:***  **?** Trình bày dự án nghiên cứu của nhóm về tác giả, văn bản?  ***2.Thực hiện nhiệm vụ:***  ***-*** HS: trao đổi lại, thống nhất sản phẩm, trình bày các thông tin về tác giả Xuân Quỳnh, ý nghĩa của nhan đề chuyện cổ tích về loài người.  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  - Dự kiến sản phẩm…  + Có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi, là nhà thơ của thiếu nhi , thể hiện tình yêu thương, sự trân trọng đối với những nụ mầm tươi mới đang cần được bồi đắp để bước vào đời.  +Chuyện cổ tích về loài người  *(1978)* là tác phẩm đặc sắc nổi tiếng của Xuân Quỳnh viết về nguồn gốc của loài người dành cho thiếu nhi.  ***3. Báo cáo kết quả:*** HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức:*  *-Xuân Quỳnh có thơ đăng báo năm 19 tuổi, trở thành nhà thơ chuyên nghiệp sau khi qua lớp bồi dưỡng những người viết văn trẻ khóa đầu tiên của hội nhà văn Việt Nam (1962-1964).*  *- Xuân Quỳnh được xem là nhà thơ nữ hàng đầu, cuối thế kỉ 20.*  *- Chủ đề XQ viết:kỉ niệm tuổi thơ, tình yêu gia đình.*  *-> Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường.*  - Đề xuất cách đọc văn bản.  ***1.GV chuyển giao nhiệm vụ:***  *? Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần?*  *? Kể những sự việc chính trong văn bản.*  *? Nhận xét lời kể, ngôi kể trong vb?*  ***2.Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS: Hđ nhóm cặp đôi, thống nhất ý kiến.  - GV: Quan sát, hỗ trợ hoàn thiện kiến thức.  Bố cục :2 phần.  + Thế giới trước khi trẻ con ra đời.  + Thế giới sau khi trẻ con ra đời.  - Sự việc: Sự thay đổi khi trẻ con xuất hiện, tình yêu thương của bố mẹ và bà dành cho các con và TGKQ.  ***3. Báo cáo kết quả:*** HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt*  *GV chiếu hình ảnh: giải thích từ cho hs hiểu.*  Description: E:\IMG-0587.jpgDescription: E:\IMG-0571.jpgDescription: E:\IMG-0572.jpg  Description: E:\IMG-0585.jpgDescription: E:\IMG-0586.jpg  *Gv cho học sinh nghe một đoạn video về lời ru.*  *Gv cho học sinh xem hình ảnh cụ thể để học sinh hiểu và nhận biết về từ trong chú thích.*  *Description: E:\IMG-0588.jpg* | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  **Description: E:\IMG-0570.jpg**  **Xuân Quỳnh(**1942- 1988)  -**Tên thật**:  Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (1942- 1988)  - **Sở trường**: truyện và thơ.  -**Quê:**La Khê- Hà Đông-nay là Hà nội.  - Truyện và thơ của bà viết cho thiếu nhi tràn đầy tình yêu thương, thể hiện qua hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo phù hợp với suy nghĩ của trẻ em.  - **TP truyện và thơ bà viết** **cho thiếu nhi** là:  -*Lời ru trên mặt đất .*  *-Bầu trời trong quả.*  *-Bến tàu trong thành phố.*  **2. Tác phẩm**  a/ Xuất xứ, thể loại  - Trích từ tập thơ “ lời ru trên mặt đất”, NXB TP mới ,Hà Nội 1978.  - thể loại :Thơ  b/ Đọc VB-Tìm hiểu chú thích, bố cục.  -chú thích:  +Thiên nhiên: khái niệm rộng chỉ toàn bộ thực vật và động vật, đất đai,sông ngòi có sẵn trong tự nhiên(chim,sông, biển,đám mây,con đường).  +lời ru: Những câu hát ru của mẹ, bà ru các em bé ngủ.  +con cóc, cơn mưa, bãi sông  -> hiện lên trong câu chuyện bà kể.  - Bố cục :2 phần.  + Phần 1: Khổ 1.  + Phần 2: Khổ 2,3,4,5,6. |
| **Tiết 2-Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**( tiếp)  **\* Mục tiêu:** Giúp HS cảm nhận được sơ lược về thế giới loài người.  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ chung, thảo luận nhóm bàn.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: phiếu học tập, trả lời miệng.  \* **Tổ chức thực hiện.**  **B1**. ***GV chuyển giao nhiệm vụ:***  - HS đọc đoạn 1 và trả lời các câu hỏi:  ? Nhân vật chính trong văn bản là ai.  ? PTBĐ được sử dụng trong VB là gì.  ? Nêu khái quát nội dung từng phần.  **B2:HS** thực hiện nhiệm vụ thảo luận, trả lời câu hỏi.  B3: Báo cáo kết quả.  B4: Đánh giá KQ: GV nhận xét…  ***Nhiệm vụ2:***  ***B1:chuyển giao nhiệm vụ:***GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS thảo luận và trả lời.  ? Thế giới trước và sau khi có trẻ em xuất hiện đã có sự thay đổi, em hãy nêu những sự thay đổi đó.  ? kể tên những câu chuyện có sự thay đổi từ bóng tối sang ánh sáng khi có sự xuất hiện của trẻ em.  ? Vì trẻ em mà thế giới thay đổi, vậy trẻ em có ý nhĩa gì.  **B2:HS thực hiện n/v thảo luận, trả lời câu hỏi**  ***B3. Báo cáo kết quả:*** HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***B4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  Trẻ em có giá trị rất lớn với thế giới, trẻ em đã làm thay đổi tất cả.  ***Nhiệm vụ3:***  ***B1: chuyển giao nhiệm vụ.***  GV hỏi học sinh.  ?Trong văn bản, món quà tình cảm nào mà chỉ có mẹ mới đem đến cho trẻ.  ? Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì.Điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó là gì.  ? Điều bố dành cho trẻ có gì khác so với điều mẹ và bà dành cho trẻ.  ?Bố và bà có yêu thương bé như mẹ yêu bé không.  ? Mỗi thành viên trong gia đình đều cho trẻ những điều rất riêng, từ đó em rút ra điều gì.  -Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2:HS thực hiện n/v thảo luận, trả lời câu hỏi**  +Chỉ có mẹ cho bé tình yêu sâu sắc, bế bồng và sóc chu đáo. chăm  +Bà cho bé những câu chuyện ngày xưa và ngày sau  +Bố cho bé hiểu biết, kiến thức.  ->Sự khác biệt giữa VB của nhà thơ Xuân Quỳnh với những chuyện kể khác , thể hiện:  +VB của Xuân Quỳnh tập trung vào trẻ em, trẻ em là trung tâm, trẻ em có trước và mọi thứ có sau.  ***B3. Báo cáo kết quả:*** HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***B4. Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức* | **II.Đọc hiểu văn bản:**  *1. Tìm hiểu chung:*  - Nhân vật chính: Trẻ em.  -PTBĐ:Trữ tình+TS=MT.  - Bố cục :2 phần.  +Phần 1-khổ 1: TG trước khi trẻ em ra đời.  +Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời.  -khổ 2: Thay đổi về thiên nhiên.  - khổ 3:Mẹ xuất hiện cho trẻ tình yêu.  - khổ 4: Bà xuất hiện kể chuyện cổ tích cho cháu nghe.  -khổ 5:Bố xuất hiện giúp con cảm nhận về thế giới.  - khổ 6: Trường lớp, thầy cô xuất hiện giúp các em được đi học.  *2. Tìm hiểu chi tiết.*  **a.Thế giới trước khi trẻ con ra đời…**  - Trời được sinh ra đầu tiên, lúc này thế giới chưa có gì, chưa có cây cối, ánh sáng, màu sắc, tất cả là màu đen.  **b.Thế giới sau khi trẻ con ra đời.**  \* Sự biến đổi:  - Thiên nhiên:Mặt trời bắt đầu nhô cao, ánh sáng xuất hiện bắt đầu có màu sắc và sự sống của muôn loài.  - Màu sắc: màu xanh của cỏ cây, màu đỏ của hoa.  - Loài vật: chim hót.  -Sự vật: gió, sông, biển, đám mây, con đường.  -> Tưởng tượng có nét tương đồng với các truyện kể nguồn gốc khác trên thế giới: Nữ oa sáng tạo con người. Truyện trong kinh thánh về jiho;  - Mọi sự thay đổi đều bắt đầu từ việc xuất hiện trẻ con. Các sự vật xuất hiện đều nâng đỡ cho trẻ em phát triển về vật chất và tâm hồn.  **c.Vai trò của bố, mẹ, bà trong gia đình đối với trẻ em.**  -Món quà tình cảm chỉ có thể mẹ đem đến cho các em:  +Những lời ru quen thuộc gắn liền với truyền thống văn hóa.  +Lời ru mộc mạc dễ hiểu, dễ ăn sâu vào tâm hồn trẻ thơ.  - Bà thỏa mãn việc kể chuyện cho nghe:  + Chuyện ngày xưa: chuyện cổ con cóc nàng tiên, cô tấm và lí thông.  + Chuyện ngày sau:Những chuyện trong trải nghiệm của bà, chuyện bà tiên đoán để dạy cháu...chuyện bà kể luôn mang tính đạo lí, có tính chất giáo dục, hướng các em đến những hành động tốt đẹp, lối sống đẹp.  -Bố đại diện cho lí trí, bố cho sự hiểu biết…Bố vừa nghiêm khắc lại vừa yêu thương.  -> Tất cả luôn yêu thương, quan tâm đến trẻ… |
| **Tiết 3- HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  \* **Mục tiêu**: Vận dụng hiểu biết về phần 1 của vb để làm bài tập.  \* **Nhiệm vụ**: HS viết đoạn thơ, đoạn văn.  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: Câu trả lời của HS; vở ghi.  \* **Tổ chức thực hiện**:  **1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh người mẹ qua VB của Xuân Quỳnh.  -Học sinh viết được đoạn văn , nói lên được suy nghĩ của các em về hình ảnh người mẹ nói chung.  *Em đã được đọc nhiều câu chuyện kể về mẹ, song bài thơ của Xuân Quỳnh đã khiến em rưng rưng xúc động về hình ảnh người mẹ. Đó là người phụ nữ chịu thương chịu khó, vượt bao gian khó để cho con được chào đời trong bình yên và vui khỏe.*  *Một người mẹ hết lòng nâng niu chăm sóc con chu đáo, lo cho con từng miếng ăn, giấc ngủ cả những nụ cười hồn nhiên trên gương mặt trẻ thơ qua năm tháng. Mẹ thật tuyệt vời với đôi bàn tay nhỏ bé nhưng đầy ắp tình yêu thương.Con luôn mãi yêu quý và trân trọng mẹ.*  **2*.* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  - Nghe và làm bt  - GV hướng dẫn HS về nhà làm.  +Tiếp tục viết đoạn văn về mẹ ( khoảng 10 câu).  +Viết đoạn văn về bố.  +Viết đoạn văn về bà em.  +Cảm nhận về thế giới khi xuất hiện trẻ em. | Description: E:\IMG-0589.jpg  Description: E:\IMG-0590.jpg |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  \* **Mục tiêu**: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  \* **Nhiệm vụ**: HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV về thơ , đặc điểm của thơ.  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân  \* **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  \* **Tổ chức thực hiện**:  **1. Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  *- Trong vai người bà , hãy kể lại 1 câu chuyện cổ tích mà em biết.*  *VD: tấm cám, cô bé lọ lem.*  *- xưng tôi, nhập vai nhân vật để kể lại câu chuyện .*  *Vd: Nhập vai cô Tấm.*  *- Nhân vật hiện lên như thế nào qua lời kể của bạn?*  *HS nhận xét theo ý hiểu của các em.*  **2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.**  + Nghe yêu cầu.  + Trình bày cá nhân  ***3. Báo cáo kết quả:*** HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của cá nhân, các bạn khác nghe.  ***4. Đánh giá kết quả.***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên nhận xét, kết luận và cho điểm.* |  |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ;

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**HOẠT ĐỘNG 1:XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ.**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:**GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*Khi đọc một VB thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Thơ là một thể loại văn học, vì vậy ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chắt lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sẽ sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC .**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về ngôn ngữ thơ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**b. Nội dung:**HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| |  | | --- | | **NV1 :GV củng cố kiến thức đã học.**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa: *Ở tiểu học, các em đã được học về so sánh và nhân hóa, các em hãy cho biết so sánh, nhân hóa là gì? Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa là gì? Lấy ví dụ cho từng biện pháp so sánh, nhân hóa.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng.  + So sánh nhằm để cho sự diễn đạt thêm gợi hình gợi cảm.  + Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người.  + Nhân hóa nhằm làm cho vật được nhân hóa trở nên sống động, gần gũi với con người.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **GV chuẩn kiến thức:**  - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: *Em hãy đọc các ví dụ sau đây và cho biết từ ngữ trong các ví dụ đó có gì đặc biệt?* GV có thể đưa ra gợi ý: *Từ ngữ trong những ví dụ này có được lặp đi lặp lại nhiều lần không?*  *+ VD1: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.*  *(Hồ Chí Minh)*  *+ VD2:*  *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  *(Trích* ***Chinh phụ ngâm*** *– Đoàn Thị Điểm)*  *+ VD3:*  *Nhớ sao lớp học i tờ*  *Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan*  *Nhớ sao ngày tháng cơ quan*  *Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*  *Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều*  *Chày đêm nệm cối đều đều suối xa*  *(Trích* ***Việt Bắc*** *– Tố Hữu)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  + Từ ngữ trong các ví dụ có sự lặp đi lặp lại. Có khi lặp lại toàn bộ, nối tiếp; có khi lặp mang tính chuyển tiếp, có khi lặp cách quãng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV chuẩn kiến thức. | | **NV3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB *Chuyện cổ tích về loài người*;  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 SGK trang 44;GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **NV5:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ* đến *Từ bãi sông cát vắng*;  - GV yêu cầu HS tự làm bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **NV6:**  **Bài tập 1 SGK trang 43 – 44;**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 43 – 44 ;  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận ;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **NV7: Bài tập 2 SGK trang 44**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK trang 44  và làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận ;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | | | **I. Khái niệm**  **1. So sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. Nhân hóa**  - *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.  **3. Điệp ngữ**  - *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.  - Điệp ngữ có 3 dạng:  + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến.  + Điệp ngữ nối tiếp.  + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)  + Điệp ngữ cách quãng  -Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn  -Từ ghép: Việt Nam, đất nước  -Từ láy: mênh mông  + Biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ: *nhân hóa*;  + Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa đối với dòng thơ: khiến làn gió trở nên gần gũi như con người, có nét hồn nhiên, đáng yêu như trẻ thơ.  + Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:   * “rất” * “Từ cái…”, “Từ…”   + Tác dụng:   * “rất” 🡪 Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ; * “Từ cái..”, “Từ…” 🡪 liệt kê những hình ảnh trong lời ru của mẹ.   a. Nghĩa của từ *nhô*  - *Nhô* là động từ để chỉ hành động của một sự vật vượt lên phía trên hoặc đưa ra phía trước so với nhưng cái xung quanh.  b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.  - Những từ trong và ngoài văn bản có thể đảo trật tự các thành tố để có từ khác đồng nghĩa:  - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mênh mông,…  - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô,… |
| **HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP.**  **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa: *Ở tiểu học, các em đã được học về so sánh và nhân hóa, các em hãy cho biết so sánh, nhân hóa là gì? Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa là gì? Lấy ví dụ cho từng biện pháp so sánh, nhân hóa.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng.  + So sánh nhằm để cho sự diễn đạt thêm gợi hình gợi cảm.  + Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người.  + Nhân hóa nhằm làm cho vật được nhân hóa trở nên sống động, gần gũi với con người.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **GV chuẩn kiến thức:**  - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: *Em hãy đọc các ví dụ sau đây và cho biết từ ngữ trong các ví dụ đó có gì đặc biệt?* GV có thể đưa ra gợi ý: *Từ ngữ trong những ví dụ này có được lặp đi lặp lại nhiều lần không?*  *+ VD1: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.*  *(Hồ Chí Minh)*  *+ VD2:*  *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  *(Trích* ***Chinh phụ ngâm*** *– Đoàn Thị Điểm)*  *+ VD3:*  *Nhớ sao lớp học i tờ*  *Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan*  *Nhớ sao ngày tháng cơ quan*  *Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*  *Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều*  *Chày đêm nệm cối đều đều suối xa*  *(Trích* ***Việt Bắc*** *– Tố Hữu)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;trả lời câu hỏi:  + Từ ngữ trong các ví dụ có sự lặp đi lặp lại. Có khi lặp lại toàn bộ, nối tiếp; có khi lặp mang tính chuyển tiếp, có khi lặp cách quãng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV chuẩn kiến thức.  **NV3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB *Chuyện cổ tích về loài người*;  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn  Từ ghép: Việt Nam, đất nước  Từ láy: mênh mông  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | | **II. Bài tập**  **Bài tập 3 SGK trang 44**  - Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:  + *Cây cao bằng gang tay*, *Lá cỏ bằng sợi tóc*, *Cái hoa bằng cái cúc*, *Tiếng hót trong bằng nước*, *Tiếng hót cao bằng mây*.  *Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót* (vế A) được so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây* (vế B)*.*  - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó trong việc thể hiện nội dung khổ thơ:  Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gắn với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim 🡺 Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ.  **Bài tập 4 SGK trang 44**  - Biện pháp tu từ: *nhân hóa*;  - Tác dụng:  + *Thơ ngây* – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió  🡪 Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ.  **Bài tập 5 SGK trang 44**  - Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:  + “rất”  + “Từ cái…”, “Từ…”  - Tác dụng:  + “rất” 🡪 Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ;  + “Từ cái…”, “Từ…” 🡪 liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc.  **Bài tập 1 SGK trang 43 – 44:**  a. Nghĩa của từ *nhô*  - *nhô* (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh  🡪 mặt trời nhô cao: mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối.  b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.  *Nhô* có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tinh nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ.  **Bài tập 2 SGK trang 44**  - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mênh mông,…  - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, cha mẹ, bạn bè, yêu dấu,… | | |

**HOẠT ĐỘNG 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học nêu suy nghĩ của em về vai trò của trẻ em đối với xã hội. Chỉ ra những biện pháp tu từ đó.

*- GV nhận xét, đánh giá theo chuẩn kiến thức.*

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Văn bản (2)**

**MÂY VÀ SÓNG**

**--** Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go--

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Nhận diện được đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ.

***2. Về năng lực:***

- Xác định được cấu trúc của bài thơ tự do

- Phân tích được nội dung, nghệ thuật bài thơ qua cuộc trò chuyện của em bé với thế giới thiên nhiên kì ảo (những người trên mây và trong sóng) từ đó thấy được tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.

- Hiểu được sự hòa quyện giữa tình mẫu tử với thiên nhiên, vũ trụ.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, yêu gia đình, trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV tổ chức trò chơi “Quả bóng kì diệu” , HS hoạt động cá nhân.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV tổ chức học sinh chơi trò chơi “Quả bóng kì diệu”, học sinh lựa chọn, nghe nhạc và tìm chủ đề của bài hát.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **1. Tác giả** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go và tác phẩm “Mây và sóng”.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go và xuất xứ của bài thơ ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | Rabindranath Tagore  - Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go (1861–1941) là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ, là nhà thơ đầu tiên của châu Á được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học (năm 1913).  - Bài thơ được in trong tập *Trăng non* xuất bản năm 1909, là một bài thơ văn xuôi nhưng vẫn có âm điệu nhịp nhàng. | |
| Untitled-2 | Untitled-1 | |
|  | | |
| **2. Tác phẩm** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (thể thơ, phương thức biểu đạt,bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Giao nhiệm vụ:  Bài thơ này viết theo thể thơ gì?  Xác định phương thức biểu đạt chính?  Bài thơ chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 3 phút  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày , Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục tìm hiểu chi tiết. | | **a) Đọc và tìm hiểu chú thích**  - HS đọc đúng.  - Thể thơ : tự do  - Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm  Từ đầu đến “xanh thẳm”: câu chuyện với mẹ về những người ở trên mây và trò chơi thứ nhất của em bé.  b. Phần còn lại: câu chuyện với mẹ về những người ở trong sóng và trò chơi thứ hai của em bé.  **b) Tìm hiểu chung**  - Văn bản chia làm 2phần  + P1: Từ đầu … Từ đầu đến xanh thẳm.  🡪 câu chuyện với mẹ về những người ở trên mây và trò chơi thứ nhất của em bé.  + P2: còn lại:  🡪 câu chuyện với mẹ về những người ở trong sóng và trò chơi thứ hai của em bé. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| 1. ***Lời rủ rê của những người sống “trên mây” và “trong sóng”*** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu được thế giới kì diệu của những người sống trên mây và trong sóng  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *- Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn?*  *- Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3 phút  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | | *- Thế giới của người trên mây và trong sóng:*  “Bọn tớ chơi …với vầng trăng bạc”  “Bọn tớ ca hát … đến nơi nao”.  *- Cách đến với họ:*  + Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;  + Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.  🡪 Hình ảnh thiên nhiên bay bổng, lung linh, kì ảo: Lời mời gọi của một thế giới kì diệu, hấp dẫn với cách đến đơn giản.  🡺 Thiên nhiên rực rỡ, bí ẩn bao điều thú vị, thật khó có thể từ chối. |
| 1. ***Lời từ chối của em bé*** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS hiểu thái độ của em bé trước lời mời gọi của người trên mây và trong sóng, cảm nhận sức mạnh của tình mẫu tử.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT bể cá tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 1 , giấy A0 và bút cho nhóm trung tâm giao nhiệm vụ:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 5 phút thảo luận nhóm và hoàn thành câu hỏi vào giấy A0 cho các bận ở nhóm trung tâm.  - Các thành viên còn lại của lớp sẽ ngồi xung quanh, tập trung quan sát nhóm đang thảo luận và đóng góp ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện nhóm trung tâm lên trình bày sản phẩm.  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | - Khi mới được rủ rê,mời mọc, em bé rất muốn đi chơi, em hỏi:  “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”  “Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”  - Nhưng sau đó em đã từ chối lời mời mọc đầy quyến rũ của *mây* và *sóng* vì: “Mẹ mình đang đợi ở nhà”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được”.  “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được”  🡪Tuổi nhỏ thường ham chơi, em bé bị quyến rũ và dĩ nhiên em luyến tiếc những cuộc vui chơi, nhưng tình yêu thương mẹ đã chiến thắng  🡺Tinh thần nhân văn sâu sắc của bài thơ thể hiện ở sự vượt lên ham muốn ấy. Đó chính là *sức níu giữ của tình mẫu tử.* | |
| 1. ***Trò chơi của em bé*** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS hiểu được ý nghĩa trò chơi sáng tạo của em bé  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng kĩ thuật thảo luận nhóm cho HS.  - HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 2  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ  Câu 1:Em bé đã tưởng tượng ra những trò chơi nào? Có gì đặc biệt ?  Câu 2: Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?  Câu 3: Nêu suy nghĩ của em về câu thơ: Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 3’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | - Em biến mình thành “mây” rồi thành “sóng”, còn mẹ thành  “ trăng” và “bến bờ kì lạ”.  “Con là mây và mẹ sẽ là trăng.  Hai bàn tay con ôm lấy mẹ và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm”.  “Con là sóng . . . bến bờ kì lạ,  Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ  ***🡪*** Trò chơi của em bé rất hay,  thú vị, sáng tạo vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ - như mây quấn quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển.  - *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào*🡪 Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp thiên nhiên, vũ trụ mênh mông. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 3  - Giao nhiệm vụ nhóm:  + Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  + Nội dung chính của bài thơ “Mây và sóng”?  + Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Bố cục hai phần giống nhau, sự giống nhau nhưng không trùng lặp về ý và lời.  - Sáng tạo nên những hình ảnh thiên nhiên bay bổng, lung linh, kỳ ảo song vẫn rất sinh động và chân thực gợi nhiều liên tưởng.  **2. Nội dung**  Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  **3. Ý nghĩa**  Bài thơ ca ngợi ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử. | |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện tưởng tưởng

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

**b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao bài tập cho HS

*Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát có ý nghĩa viết về tình mẫu tử.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho .

**2.2 Thực hành Tiếng Việt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BIỆN PHÁP TU TỪ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Trình bày được thế nào là ẩn dụ.  - Xác định được biện pháp tu từ ẩn dụ và nêu tác dụng.  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp và đặt câu hỏi:  + Thế nào là ẩn dụ?  + Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 1,2, 3 SGK 47  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  **GV:** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang phần dấu câu. | **a) Khái niệm ẩn dụ**  Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **b) Luyện tập**  ***Bài tập 1:***  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn.  - “Mây” và “sóng” mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí.  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những cám dỗ ở đời.  ***Bài tập 2***  - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “bình minh vàng”, “vầng trăng bạc”: ẩn dụ;  - Tác dụng:  + “Bình minh vàng”: mở ra không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, như dát vàng 🡪 gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian.  + “Vầng trăng bạc”: mỹ lệ hóa vẻ đẹp của vầng trăng: sáng lấp lánh như chiếc đĩa làm bằng bạc.  🡺Những hình ảnh ẩn dụ đã mở ra một khôn gian thiên nhiên, rực rỡ, lấp lánh ánh sáng, sắc màu vô cùng quyến rũ, khơi dậy tình yêu thiên nhiên và sự trân trọng mỗi khoảnh khắc quý giá của cuộc sống.  ***Bài tập 3:***  *Con là sóng và mẹ là bến bờ kì lạ*  *Con* ***lăn, lăn, lăn*** *mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan*  *vào lòng mẹ.*  *🡪* Điệp ngữ: *lăn*  *🡺* Tác dụng: *Vừa có ý nghĩa tả thực hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác, vừa gợi hình tượng những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát. Từ đó gợi lên hình ảnh em bé vô tư, hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.* | |
| **DẤU CÂU** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS:  - Nắm được công dụng của dấu ngoặc kép  - Nhận diện dấu ngoặc kép trong văn bản “Mây và sóng”  **b) Nội dung**:  - GV chia nhóm cặp đôi  - HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Nêu Công dụng của dấu ngoặc kép  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 4.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang phần đại từ. | | **a) Công dụng dấu ngoặc kép:**  - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;  - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;  - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt.  **b) Bài tập**  ***Bài tập 4:*** Trong bài *Mây và sóng* có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Dấu câu được sử dụng để đánh đánh dấu lời nói trực tiếp ấy là dấu ngoặc kép. |
| **ĐẠI TỪ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nhận biết đại từ và so sánh được các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều trong một ngữ cảnh cụ thể.  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  + Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 5,6 SGK/52  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc và xác định yêu cầu của bài tập SGK  **GV** hướng dẫn HS cách sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | | ***Bài tập 5***  - *Bọn tớ* là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều.  - *Bọn tớ* trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.  ***Bài tập 6***  - *Chúng ta*, *bọn mình*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.  - *Chúng tôi*, *bọn mình*, *chúng tới*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói.  - *Bọn tớ*: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói  🡪 Có thể chọn những từ *bọn mình*, *chúng tớ* thay cho *bọn tớ*. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói, có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

*Tưởng tượng em là em bé trong bài Mây và sóng. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hai người bạn “trên mây” và “trong sóng”, trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều và biện pháp tu từ điệp ngữ.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn, HS viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao bài tập cho HS

*Tìm một số câu ca dao, tục ngữ, có sử dụng biện phép tu từ ẩn dụ và phân tích ý nghĩa.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

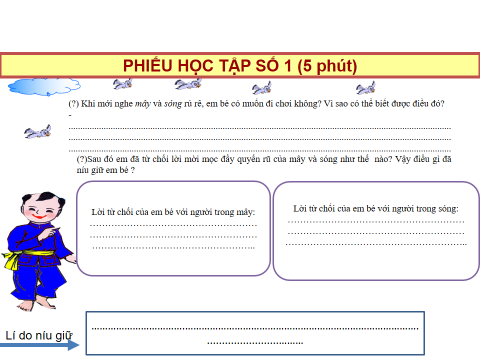
**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

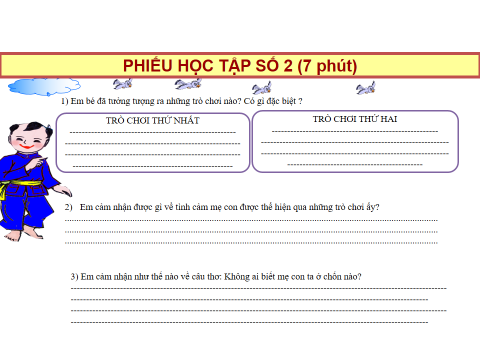
**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học tới .

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

*Phiếu học tập số 1: *+ *Phiếu học tập số 2*

+ *Phiếu học tập số 3*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | ………………………………………………………………………………........................................................................................................ |
| **Nội dung** | …………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| **Ý nghĩa văn bản** | …………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**ĐỌC VĂN BẢN**

**Văn bản (3)**

**BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

**– *Tạ Duy Anh* –**

** **

**1. MỤC TIÊU**

***1.1 Về kiến thức:***

- Ngôi thứ nhất trong văn bản truyện

- Đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ…

***1.2 Về năng lực:***

- Xác định được ngôi kể trong văn bản “Bức tranh của em gái tôi”.

- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Kiều Phương và người anh trai. Từ đó hình dung ra đặc điểm của từng nhân vật.

- Nhận ra được bài học về cách ứng xử trước thành công của người khác và ứng xử trước lỗi lầm của người khác

***1.3 Về phẩm chất:***

- Nhân ái, yêu gia đình, vị tha trước lỗi lầm của người khác

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà văn Tạ Duy Anh và văn bản “Bức tranh của em gái tôi”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV yêu cầu HS trình bày ý kiến về cách ứng ứng xử của bản thân trước tình huống mà GV đưa ra
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

|  |
| --- |
| 1. Khi một người thân thiết hoặc bạn cùng lớp đạt được một thành tích xuất sắc em có cảm xúc gì?  A. Vui mừng B. Buồn bã C. Khó chịu D. Khác:………………  2. Khi một ai đó ghen ghét, đố kị với một thành quả tốt đẹp nào đó mà em đạt được, em sẽ phản ứng như thế nào?  …………………………………………………………………………………….. |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi trong phiếu, GV mời một vài HS trình bày trước lớp

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **1. Tác giả** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được nét chính về nhà văn Tạ Duy Anh  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS xem phần chú thích để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Tô Hoài?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát chú thích SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên: Tạ Duy Anh;  - Năm sinh: 9/9/1959;  - Quê quán: Hà Tây (nay là Hà Nội);  - Là cây bút trẻ nổi lên trong thời kỳ đổi mới văn học những năm 1980. | |
|  | | |
| **2. Tác phẩm** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc  ? Văn bản “Bức tranh của em gái tôi” thuộc thể loại nào?  ? Xác định ngôi kể của văn bản?  ? Chỉ ra các sự việc chính trong văn bản?  ? Em hãy xác định bố cục của văn bản  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, chốt kiến thức | | a) Thể loại: truyện ngắn  b) Ngôi kể: thứ nhất (người kể chuyện: anh trai Kiều Phương)  c. Cốt truyện  - Anh trai bực vì em gái Mèo hay lục lọi đồ vật...  - Mèo bí mật học vẽ và tài hoa hội hoạ của Mèo được bất ngờ phát hiện.  - Người anh không vui, ghen ghét, đố kị với tài năng của em, cảm thấy thua kém em.  - Em gái thành công cả nhà mừng vui, người anh đi xem triển lãm tranh của em gái.  - Đứng trước bức tranh của Kiều Phương, người anh ân hận |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| **1. Nhân vật Kiều Phương** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết nói về biệt danh, ngoại hình, cử chỉ, tài năng và thái độ của Kiều Phương  - Đưa ra nhận xét về đặc điểm đáng mến ở Kiều Phương  **b) Nội dung**:  GV hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập số 2  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, phần trình bày  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Điểm nào ở Kiều Phương khiến em thích nhất? Vì sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc nhóm sau đó hoạt động cá nhân  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Yêu cầu một vài cá nhân HS trả lời câu hỏi  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - HS trả lời cá nhân  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, chốt kết thức | | |  |  | | --- | --- | | Kiều Phương | | | Biệt danh | Mèo | | Ngoại hình | Luôn bị bôi bẩn | | Cử chỉ  Hành động | Lục lọi đồ vật với vẻ thích thú/ Tự chế màu vẽ/Vẽ anh trai | | Tài năng | Vẽ rất đẹp | | Thái độ | Không giận dỗi, vui vẻ | | Nhận xét: Là cô bé hồn nhiên, tài năng, nhân hậu | | |
| 1. **Nhân vật người anh** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được chi tiết về cảm xúc, thái độ, hành động của nhân vật người anh  - Nhận ra được sự thay đổi về thái độ của người anh trước và sau khi xem bức tranh đạt giải của em gái  **b) Nội dung**:  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo yêu cầu riêng  **c) Sản phẩm:** Kết quả thảo luận của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện nhiệm vụ thảo luận:  *Nhóm 1,2,3: Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc, hành động của nhân vật người anh trước khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình*  *Nhóm 4,5,6: Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc của nhân vật người anh sau khi được xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình*  GV đặt câu hỏi:  *? Sau khi xem bức tranh đạt giải nhất của em gái, người anh đã có sự thay đổi liên tục về cảm xúc. Em hãy lí giải nguyên nhân của mỗi sắc thái cảm xúc ấy?*  *? Tại sao bức tranh lại có giá trị thức tỉnh như vậy?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Hoạt động nhóm trong 5p sau đó hoạt động cá nhân  **GV**: theo dõi, quan sát, định hướng  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, chốt kiến thức | - Trước khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình  + Vui vẻ thân thiết và có phần xem thường khi thấy em chế màu vẽ  + Buồn bã, mặc cảm đố kị, xa lánh em khi tài năng của em được phát hiện  - Sau khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình  + Ngạc nhiên, hãnh diện, xấu hổ, ân hận  - Người anh có sự thay đổi thái độ bởi đã nhận ra lỗi lầm của mình (ích kỉ, ghen tị tầm thường) và tấm lòng thánh thiện của em gái.  - Bức tranh là tác phẩm nghệ thuật chân chính được sáng tạo bằng tài năng và tình cảm trong sáng của người em gái. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *? Qua cách ứng của hai nhân vật trong văn bản, em rút ra bài học gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Hoạt động các nhân  **GV** quan sát  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Yêu cầu HS chia sẻ  **HS**: Chia sẻ cá nhân  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét và chốt kiến thức. | **3) Bài học ứng xử**  - Không nên ganh ghét đố kị với tài năng của người khác  - Nhân ái, vị tha trước lỗi lầm của mọi người | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Nội dung chính của văn bản “Bức tranh của em gái tôi”?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: trình bày cá nhân  **GV**: lắng nghe, gợi ý  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, chốt kết thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.  **2. Nghệ thuật**  - Kể chuyện theo ngôi thứ nhất  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật | |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

*?Từ các văn bản Chuyện cổ tích về loài người, Mây và sóng, Bức tranh của em gái tôi, em nhận thấy điều quan trọng nhất để gắn kết các thành viên trong gia đình?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS hoạt đọngg thảo luận nhóm**

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Nếu em rời vào tình huống như nhân vật người anh trong văn bản “Bức tranh của em gái tôi”, chứng kiền tài năng của người thân và cảm thấy mình bị cho ra rìa. Em sẽ ứng xử như thế nào

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** trao đổi theo căp

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS chia sẻ vè cách ứng xử cảu bản thân**

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

Nhận xét

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị bài sau

Phiếu học tập sử dụng trong bài 2:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| ***1. Khi một người thân thiết hoặc bạn cùng lớp đạt được một thành tích xuất sắc em có cảm xúc gì?***  A. Vui mừng B. Buồn bã C. Khó chịu D. Khác:………………  ***2. Khi một ai đó ghen ghét, đố kị với một thành quả tốt đẹp nào đó mà em đạt được, em sẽ phản ứng như thế nào?***  …………………………………………………………………………………….. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| Nhân vật Kiều Phương | |
| Biệt danh | **……………………………………………………………** |
| Ngoại hình | **……………………………………………………………** |
| Cử chỉ  Hành động | **……………………………………………………………**  **……………………………………………………………** |
| Tài năng | **……………………………………………………………** |
| Thái độ | **……………………………………………………………** |
| Nhận xét: …………………………………………………………………. | |

**B. VIẾT**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Hình thức của đoạn văn

- Bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

- Cảm xúc của người viết về bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

**2. Về năng lực:**

- Biết viết đoạn văn theo đúng quy định về hình thức, nội dung

- Nêu được cảm xúc của bản thân về bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  **- Biết được kiểu đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**  **- Cách nêu, thể hiện cảm xúc về các yếu tố trong bài thơ**  **b) Nội dung:**  **- GV hỏi, HS trả lời.**  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu thảo luận theo cặp**  + Trong hai VB ***Chuyện cổ tích về loài người*** và ***Mây và sóng***, các tác giả đã đề cập đến vấn đề gì? Việc sử dụng hình thức thơ để thể hiện điều đó có tác dụng như thế nào?  + Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tình cảm của nhà thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát 2 văn bản  - Thảo luận nhóm đôi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 – 2 nhóm trả lời câu hỏi  - HS trả lời, những nhóm khác lắng nghe, nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả*”. | + Hai VB ***Chuyện cổ tích về loài người*** và ***Mây và sóng*** đề cập đến tình yêu gia đình, thiên nhiên và cuộc sống. Việc sử dụng hình thức thơ giúp nhà thơ thể hiện điều đó tốt hơn vì thơ là thể loại trữ tình, phù hợp với việc bộc lộ tình cảm.  + Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB cho phép câu chuyện được tự kể, cảnh vật tự nói lên những điều cần thiết, mang dụng ý của tác giả mà tác giả không nhất thiết phải thể hiện một cách trực tiếp. |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU**  **ĐỐI VỚI ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ** | |
| **a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**  **b) Nội dung:**  **GV hỏi, HS trả lời**  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh**  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS:  *+ Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  - GV gợi ý:  *+ Có cần phải giới thiệu về bài thơ không? Giới thiệu về bài thơ bao gồm những gì? Có cần giới thiệu tên bài thơ và tác giả hay không?*  *+ Có cần chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ không? Sau khi chỉ ra có cần phân tích để thấy tác dụng của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ không?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS nêu ý kiến cá nhân  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | ***1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả***  - Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả;  - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ;  - Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ;  - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Bài viết tham khảo kể nêu cảm xúc khi đọc bài thơ “Mây và song” của Ta-go  - Biết cách phân tích các yếu tố của bài thơ, nêu cảm xúc cá nhân  b) **Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hỏi:   1. Nhận xét về hình thức của đoạn văn mẫu? 2. Chỉ ra những câu văn giới thiệu khái quát về bài thơ (nhan đề, tên tác giả)? 3. Cảm xúc về bài thơ “Mây và sóng” của Ta-go đã được tác giả thể hiện lần lượt qua những ý nào?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’ câu 1,2  - Làm việc nhóm 5’ để trả lời câu hỏi 3  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **Bài mẫu**:  - Hình thức: lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu của từ viết hoa, kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm.  - Nội dung:  + Giới thiệu nhan đề, tên tác giả: nằm ở vị trí mở đầu  + Nêu cảm xúc lần lượt: cảm xúc chung – đánh giá ý nghĩa các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài –chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ – khái quát cảm xúc chung |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Nắm được cách viết đoạn văn  - Trình bày cảm xúc của bản thân về bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  **b) Nội dung:**  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS tìm ý.  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn bài thơ, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu học tập sau:  Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  Gợi ý: Để làm bài tập tốt hơn, em hãy đọc lại một trong hai VB *Chuyện cổ tích về loài người* và *Mây và sóng*, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó.   |  |  | | --- | --- | | Bài thơ đó có tên là gì? Tác giả là ai? | ................................. | | Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ? | ................................ | | Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | ................................ | | Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | ................................ | | Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ | ................................ |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu bài tập  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài;  - Tìm ý;  - Lập dàn ý.  **Viết bài** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  b) **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | Bài viết đã được sửa của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đọc và chỉ ra những yếu tố tự sự và miêu tả có trong bài thơ “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài thơ, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc bài thơ “Những cánh buồm” – Hoàng Trung Thông

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**C. NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Ngôi kể và người kể chuyện

- Một vấn đề trong đời sống gia đình khiến em quan tâm và suy nghĩ

***2. Về năng lực:***

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Nói được về một vấn đề trong đời sống gia đình khiến em quan tâm và suy nghĩ

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, yêu gia đình

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Đoạn video kể về mối quan hệ nào trong gia đình? Nội dung của câu chuyện đó là gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu tìm ý để lên ý tưởng, nội dung bài nói  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV  - HS hoàn thành phiếu tìm ý  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài nói **Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình**

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác định đề tài em định nói (việc chăm sóc, lắng nghe của cha mẹ với con cái; thái độ cư xử của con cái với cha mẹ…) | ……………………………………… |
| Những ai có liên quan đến câu chuyện? Điều gì xảy ra? Theo thứ tự như thế nào? | ……………………………………… |
| Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? | ……………………………………… |
| Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? | ………………………………………  ……………………………………… |
| Bài học em rút ra/ Mong muốn/ lời nhắn nhủ của em là gì? |  |

\\\

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý phiếu tìm ý & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của phiếu tìm ý  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của phiếu tìm ý  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật người anh trong truyện “Bức tranh của em gái tôi”, kể lại cảm xúc của nhân vật sau khi từ buổi lễ nhận giải trở về nhà.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đóng vai nhân vật, kể lại những suy nghĩ và cảm xúc của mình

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Đóng vai nhân vật người con gái trong video “*Cha và con gái*” em được xem ở phần mở đầu tiết học để kể lại câu chuyện.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau

**Hoạt động 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:***

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

***b) Nội dung:***

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em tâm đắc trong bài Chuyện cổ tích về loài người,

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của các bài thơ đã học trong bài Gõ cửa trái tim

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề bài thơ | Nội dung chính | Đặc điểm nghệ thuật | | |
| Hình ảnh | Biện pháp tu từ | Yếu tố tự sự miêu tả |
|  |  |  |  |  |

Bài tập 2: Hãy chuyển thể nội dung bài thơ “Mây và sóng” thành ịch bảnhoạt cảnh

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc hoạt động cá nhân điền bảng mẫu

- HS thảo luận nhóm, xây dựng kịch bản, phân vai, luyện tập diễn hoạt cảnh

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS hoàn thành bảng mẫu

- HS trình diễn hoạt cảnh

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét, chốt kiến thức

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung soạn** | **Tên người soạn** | **Địa chỉ** |
| **Bài 3:**  **Chia sẻ và yêu thương** | Cô bé bán diêm | Nguyễn Thị Quyên | THCS Hòa Điền - Kiên Lương - Kiên Giang |
| Thực hành Tiếng Việt | Nguyễn kim Ngân | Phủ Lý- Hà Nam |
| Gió lạnh đầu mùa | Trần Thị Khánh Hòa | THCS Đại An - Vụ Bản - Nam Đinh |
| Con chào mào | Mai Thị Hồng Nhung | THCS & THPT Đăng Hà  Bù Đăng – Bình Phước |
| Viết nói và nghe | Nguyễn Thị Thơm | THCS Thành Mỹ- Thạch Thành- Thanh Hóa |

*Ngày soạn: ……………… Ngày dạy:…………….*

**TUẦN ….. Tiết: …………**

**Bài 3**

**YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ**

(12 tiết)

|  |
| --- |
| - Thương người như thể thương thân?  (*Tục ngữ Việt Nam)* - Niềm vui được chia sẻ, niềm vui sẽ nhân đôi. Nỗi buồn được chia sẻ, nỗi buồn sẽ vơi đi một nửa! |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **Con chào mào** |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức ngữ văn (cốt truyện, nhân vật trong truyện: Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm).

- Tác hại của sự vô cảm, Sức mạnh của giá trị nhân văn, tình yêu thương, chia sẻ từ 3 văn bản .

- Thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các nhân vật trong các văn bản.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Nhận biết được tác hại của sự vô cảm, giá trị của tình yêu thương và sự chia sẻ.

- Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu..

- Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân, biết viết VB đảm bảo các bước.

- Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, đồng cảm; yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ, những người thiệt thòi, bất hạnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Khám phá tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung**:  **GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.  **HS** quan sát, suy nghĩ cá nhân và tìm ra thông điệp được truyền tải qua video “Câu chuyện về hai biển hồ”.    Biển Galille  **Gv sử dụng những câu hỏi để HS hiểu được các tri thức ngữ văn**  **c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được  - Thông điệp qua video: Sống là biết chia sẻ không nên ích kỉ riêng mình.  - Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).  - Tri thức ngữ văn (Miêu tả nhân vật trong truyện kể, mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ).  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:  ? Tìm ra thông điệp của video? Em suy nghĩ gì về thông điệp này?  - Yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học ngữ văn trong SGK/ trang 59.  - GV chiếu Yêu cầu cần đạt lên màn hình, gọi HS đọc và nhấn mạnh những nội dung HS cần ghi nhớ.  - Yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn/SGK/60  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS -** Quan sát video, tìm ra thông điệp và nêu suy nghĩ cá nhân.  - Đọc phần Giới thiệu bài học, Tri thức Ngữ văn.  - Nghe, ghi nhớ các yêu cầu cần đạt.  **GV:**  - Quan sát và lắng nghe.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Mời ý kiến của từng HS.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ( câu trả lời của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Đọc văn bản**

**Văn bản (1)**

**CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**(*Han Cri-xti-an An-đéc-xen*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**1. MỤC TIÊU**

***1.1 Về kiến thức:***

- Những nét tiêu biểu về nhà văn An-đéc-xen.

- Người kể chuyện ở ngôi thứ ba.

- Hoàn cảnh nhân vật thể hiện qua hình dáng, hành động, ngôn ngữ, mộng ước…

- Hình ảnh ở mỗi lần quẹt diêm và ý nghĩa của những hình ảnh ấy

- Giá trị tố cáo, giá trị nhân đạo của VB

***1.2 Về năng lực:***

- Xác định được ngôi kể trong văn bản “Cô bé bán diêm”. Phân biệt được lời kể của người kể chuyện, lời kể của nhân vật.

- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, công việc, quang cảnh đêm giao thừa. Từ đó hình dung ra hoàn cảnh sống của nhân vật.

- Phân tích được giá trị của những hình ảnh cô bé nhìn thấy sau mỗi lần quẹt diêm.

- Đánh giá được sự vô cảm của XH đương thời, thấy được lòng nhân ái của tác giả.

- Rút ra bài học về cách ứng xử với những người có hoàn cảnh khó khăn, cách chia sẻ, đồng cảm với cs của họ.

***1.3 Về phẩm chất:*** Nhân ái, yêu thương, đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ, giúp đỡ.

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà văn An-đéc-xen và video câu chuyện “Cô bé bán diêm”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (Trước khi đọc)**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Em đã đọc một câu chuyện hoặc xem một bộ phim có nhân vật chính là trẻ em chưa? Em ấn tượng nhất với câu truyện, bộ phim nào?

? Hãy giới thiệu ngắn gọn về câu chuyện hoặc bộ phim ấy?

? Chia sẻ cảm nhận của em về nhân vật đó?

- Cho HS xem đoạn video câu chuyện cô bé bán diêm

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

**a) Mục tiêu: HS đọc, nắm nội dung của VB.**

**b) Nội dung: GV HD đọc, HS đọc VB.**

**c) Sản phẩm: Bài đọc của HS.**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Theo các em khi đọc VB mình nên đọc với giọng điệu ntn? Cần chú ý điều gì trong quá trình đọc và nghe bạn đọc?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân, trả lời

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (Nếu chưa ổn)

**B4: Kết luận, nhận định (GV):** Chú ý các thẻ hướng dẫn trong sách, thực hiện theo gợi ý của các thẻ, GV đọc mẫu, chuyển ý

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **1. Tác giả** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn An-đéc-xen và tác phẩm “Cô bé bán diêm”.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và sử dụng trò chơi Ai nhanh hơn để tạo KK sôi nổi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và Tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn bằng các câu hỏi ngắn  ? Tác giả của VB là 1 người rất nổi tiếng, ông là ai? Năm sinh, năm mất?  ? Ông là người nước nào?  ? Nước ông thuộc khu vực nào trên thế giới ?  ? Khí hậu ở quốc gia này vào mùa đông như thế nào ?  ? Ông nổi tiếng với thể loại truyện nào ? Dành cho đối tượng nào ?  ? Đây là một số tác phẩm tiêu biểu của ông? Đố các em gọi đúng tên ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Han C. An-đéc-xen  (1805 – 1875)  - Nhà văn Đan Mạch  - Nổi tiếng TG với  những truyện cổ tích  viết cho trẻ em.  **Một số TP tiêu biểu của ông** | |
|  | | |
| **2. Tác phẩm** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS thảo luận cặp đôi.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Truyện “Cô bé bán diêm” thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, cặp đôi 3’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cặp đôi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của cặp đôi. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | **2. Tác phẩm**  - Văn bản là truyện đồng thoại nổi tiếng nhất của nhà văn An-đéc-xen.  - Nhân vật chính: Cô bé bán diêm.  - Sử dụng ngôi thứ 3 (người kể dấu mình đi).  - Văn bản chia làm 3 phần  + P1: Từ đầu …đôi bàn tay em cứng đờ ra.  🡪 Hoàn cảnh của cô bé bán diêm.  + P2: Chà...chà 🡪 Thượng đế  🡪Những lần quẹt diêm và mộng tưởng  - P3: Còn lại.  🡪Cái chết thương tâm của cô bé |

**2.2 Khám phá văn bản (Sau khi đọc)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| 1. **Hoàn cảnh của cô bé bán diêm** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, hành động của cô bé  - Nhận xét được hoàn cảnh đáng thương của em.  **b) Nội dung**:  - GV Tổ chức cho HS HĐ nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 (5 phút)  - Phát phiếu  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung.  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn nội dung tiếp theo | | - Thời gian: Đêm giao thừa  - Không gian: Đường phố rét dữ dội  - Em bé:  + Đầu trần, chân đất  + Dò dẫm trong bóng tối  + Bụng đói, giá rét.  + Mồ côi mẹ, bà mới mất; cha nghiện rượu, em phải đi bán diêm kiếm sống.  🡪 Nghèo khổ, bất hạnh, cô đơn, vất vả. |
| **2. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm, thống kê được những lần quẹt diêm và những hình ảnh em bé thấy  - Nhận xét được lý do, ý nghĩa, trình tự của những hình ảnh ấy.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT khăn trải bàn.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  GV:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Tuyên truyền về quyền trẻ em, Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3 | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lần** | **Hình ảnh** | **Lí do** | | 1 | Lò sưởi | Em rét | | 2 | Bàn ăn | Em đói | | 3 | Cây thông | Em muốn được vui chơi | | 4 | Bà nội | Em nhớ bà, muốn được sống cùng bà, được yêu thương |   🡺 4 lần quẹt diêm là 4 mong ước giản dị, chân thành, chính đáng |
| 1. **Cái chết của cô bé bán diêm** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Cảm nhận được sự bất hạnh của em bé.  - Thầy được tấm lòng nhân đạo và sự lên án XH vô cảm của tác giả  - Biết đồng cảm, chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT nêu – giải quyết vấn đề.  - HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  - liên hệ thực tế, Giáo dục KNS cho HS  **c) Sản phẩm: C**âu trả lời phù hợp của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tổ chức cho HS HĐ chung cả lớp trả lời các câu hỏi:  ? Kể theo ngôi thứ 3 tức là người kể dấu mình đi? Vậy theo em, trong VB này, ai là người kể chuyện? Tìm những chi tiết chứng minh người kể chuyện trong câu chuyện này là tác giả?  ? Tác giả đã miêu tả cái chết của em bé ntn?  ? Chi tiết nào khi tác giả miêu tả hình dáng của em không phù hợp với thực tế? (hoặc khiến em ấn tượng?)  ? Qua cách miêu tả này em có nhận xét gì về thái độ, tình cảm của tác giả dành cho em bé?  ? Tìm những chi tiết tác giả miêu tả thái độ của mọi người qua đường khi chứng kiên sự việc? Có ai có hành động nào thể hiện lòng thương dành cho em bé không?  ? Em có nhận xét gì về thái độ của họ?  ? Em sẽ làm gì nếu chứng kiến một tình huống như trong câu chuyện? Vì sao em lại có cách ứng xử như vậy?  - Cho HS xem tranh và giáo dục  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin  - Suy nghĩ, trả lời, chia sẻ cảm nghĩ, cảm xúc, bổ sung cho bạn (Nếu cần)  - Xem tranh, chia sẻ cảm xúc  GV  - Theo dõi, hỗ trợ HS.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Mời các HS chia sẻ ý kiến  **HS:**  - Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về lòng nhân ái và sự lên án của tác giả.  - Liên hệ thực tế, giáo dục KNS, Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục nghệ thuật | + Em bé chết vì giá rét, ở một xó tường, giữa những bao diêm  🡪 Một cái chết thương tâm.    + Đôi má hồng, đôi môi đang mỉn cười  🡪 tình yêu thương của tác giả dành cho em bé (Giá trị nhân đạo)  + Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!”  🡪 Phê phán, lên án sự thờ ơ, vô cảm của XH đối với trẻ thơ (Giá trị hiện thực) | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ:  - Cho HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi số 8/ SGK trang 66  - Tổ chức cho HS thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  GV:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang HĐ 3 | **\* Nghệ thuật:**  + Tương phản, đối lập  + Cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa thực tại và mộng ảo  **\*Nội dung**  Truyện kể về cô bé bán diêm trong đêm giao thừa với cái chết đau khổ của cuộc đời bất hạnh để lại cho ta lòng cảm thương sâu sắc. | |

**3. HĐ 3: Hoạt động luyện tập:**

**a) Mục tiêu: HS tóm tắt lại VB.**

**b) Nội dung: GV yêu cầu HS tóm tắt Vb theo tranh, HS tóm tắt.**

**c) Sản phẩm: Bài tóm tắt của HS.**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Chiếu tranh, yêu cầu HS dựa theo tranh và những KT đã học tóm tắt lại VB?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân, trả lời

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (Nếu chưa ổn)

**B4: Kết luận, nhận định (GV):** Chú ý giọng điệu, cách biểu cảm và trình tự VB

**4. HĐ 4: Hoạt động Vận dụng: Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn thể hiện cách nhìn nhận của bản thân.

- Biết sử dụng ngôi kể phù hợp đề tài.

**b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”

- Viết lại kết thúc cho truyện

- Kể cho nhà văn cảm xúc tốt đẹp do câu chuyện mang lại cho bản thân

- Chia sẻ với nhà văn về nỗi buồn, sự thờ ơ của con người trong XH hiện nay…

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**CÁC PHIẾU HỌC TẬP CỦA VB CÔ BÉ BÁN DIÊM**

***+ Phiếu số 1:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cô bé ở ngoài phố trong một đêm ntn? Vì sao em không dám về nhà** | | **Tìm Chi tiết miêu tả ngoại hình, hoàn cảnh của cô bé bán diêm** |
| ………………………………………….  ………………………………………….  ……………………………………….....  ………………………………………….  ……………………………………….....  …………………………………………..  ……………………………………….…. | | ………………………………………….  ………………………………………….  ……………………………………….....  ………………………………………….  ……………………………………….....  ………………………………………….  ……………………………………….… |
| Thời gian, không gian này có tác dụng gì trong việc khắc họa hoàn cảnh của cô bé?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | |
| **Hãy nhận xét về hoàn cảnh của cô bé bán diêm** | …………………………………………………………………  …………………………………………………………………. | |

***+ Phiếu học tập số 2:***

|  |
| --- |
| 1. **Lần quẹt diêm thứ 3**   - Hình ảnh: ……………………  - Mong ước: …………………..  ………………………………...   1. **Lần quẹt diêm thứ 1**   - Hình ảnh: ……………………  - Mong ước: …………………..  ………………………………...     1. **Lần quẹt diêm thứ 4**   - Hình ảnh: ……………………  - Mong ước: …………………..  ………………………………...  **b) Lần quẹt diêm thứ 2**  - Hình ảnh: ……………………  - Mong ước: …………………..  ………………………………...  **Nếu rơi vào tình cảnh giống cô bé bán diêm, em sẽ làm gì?**  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……  **Em có nhận xét gì về các mong ước của em bé?**  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…… |

*+* ***Phiếu số 3****: Tìm các chi tiết thể hiện nghệ thuật tương phản trong truyện*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tình cảnh em bé bán diêm ngoài đường phố đêm giao thừa | Cảnh bên trong các ngôi nhà trên phố | Không khí ngày đầu năm | Cảnh em bé chết rét nơi xó tường |
| *……………………*  *……………………*  *……………………*  *……………………*  *……………………*  *……………………*  *……………………* | *…………………….*  *……………………*  *……………………*  *……………………*  *……………………*  *……………………*  *……………………* | *………………………*  *………………………*  *………………………*  *……………………….*  *………………………*  *………………………*  *………………………* | *………………………*  *………………………*  *………………………*  *……………………….*  *………………………*  *………………………*  *………………………* |
| ***Tác dụng****: …………………………………*  *………………………………………………*  *……………………………………………..*  *………………………………………………* | | ***Tác dụng****: …………………………………*  *………………………………………………*  *……………………………………………..*  *………………………………………………* | |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ** | |
| 1. **Mục tiêu**: Giúp HS   - Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;  - Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Giao nhiệm vụ: HS làm vào phiếu học tập.  *- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và hoàn thành bài tập:* So sánh hai câu sau để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:  (1) Tuyết/ rơi.  (2) Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ Tr 66.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc cặp đôi  - Nhận xét và bổ sung cho cặp đôi bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cặp đôi của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang phần mới. | *- Dự kiến sản phẩm:*  + Câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ;  + Câu (2), mỗi thành phần chính của câu là một cụm từ;  + Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết;  + Vị ngữ *rơi đầy trên đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ và địa điểm rơi của tuyết.  -> Thành phần chính của câu có thể là một từ hoặc cụm từ. |
| **2. CỤM DANH TỪ** | |
| 1. **Mục tiêu**: Giúp HS:   - Nhận biết được cụm danh từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.  - Đặt câu với cụm danh từ cho sẵn.  **b) Nội dung**:  - GV chia nhóm.  - HS làm việc cá nhân 3’, thảo luận 5’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *? Nhắc lại khái niệm: thế nào là cụm danh từ?*  *Dựa vào kiến thức nhận biết cụm danh từ Tr.66 hãy:*  *? Cụm danh từ có cấu tạo như thế nào? Lấy ví dụ cụm danh từ và phân tích cấu tạo.*  HS đọc phần nhận biết cụm danh từ SGK/Tr66  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 4 SGK trang 66;  - GV yêu cầu HS  + HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 1,2 Tr 66.  + HS thảo luận nhóm và hoàn thành 4 bài tập tr 66.67.  - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau.  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  Gv hỏi bổ sung:  *Cụm danh từ thường giữ chức vụ gì trong câu?* | **I. Cụm danh từ**  - Cụm danh từ là tổ hợp từ gồm danh từ và các từ ngữ đi kèm tạo thành**.**  - Cụm danh từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: là danh từ  + Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện  + Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.  **II. Bài tập**  **Bài tập 1 SGK trang 66**  Cụm danh từ trong các câu là:  a. – *khách qua đường* (*khách*: danh từ trung tâm; *qua đường*: phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm);  - *lời chào hàng của em* (*lời*: danh từ trung tâm; *chào hàng*, *của em*: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm);  b. – *tất cả các ngọn nến* (*ngọn nến*: danh từ trung tâm; *tất cả các*: phần phụ trước, bổ sung ý nghĩa chỉ tổng thể sự vật (tất cả) và chỉ số lượng (các));  - *những ngôi sao trên trời* (*ngôi sao*: danh từ trung tâm; *những*: phần phụ trước, chỉ số lượng; trên trời: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm).  **Bài tập 2 SGK trang 66**  - Chỉ ra cụm danh từ đó nằm trong câu nào, đoạn nào của VB: đoạn cuối của VB;  - Cụm danh từ: *Tất cả những que diêm còn lại trong bao*  Danh từ trung tâm: *que diêm*  Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Những que diêm cháy sáng lấp lánh;*  *+ Một que diêm bị ngấm nước;*  *+ Rất nhiều que diêm trong hộp diêm ấy.*  - Cụm danh từ: *buổi sáng lạnh lẽo ấy*  Danh từ trung tâm: *buổi sáng*  Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Buổi sáng hôm nay;*  *+ Những buổi sáng nắng đẹp;*  *+ Một buổi sáng ấm áp.*  - Cụm danh từ: *một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười*  Danh từ trung tâm: *em gái*  Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Em gái tôi;*  *+ Em gái có mái tóc dài đen óng;*  *+ Hai em gái có cặp sách màu hồng.*  **Bài tập 3 SGK trang 66**  a. – *Em bé vẫn lang thang trên đường*. (Chủ ngữ là danh từ *em bé*).  - *Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *em bé đáng thương*, *bụng đói rét*).  b. *– Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là danh từ em gái).  - *Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất*).  - Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp nhiều thông tin hơn chủ ngữ là danh từ.  - Hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ :  + Cung cấp thông tin về chủ thể của hành động (*em bé*)  + Cho thấy ý nghĩa về số lượng (một) và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em (*đáng thương*, *bụng đói rét*; *nhỏ*, *đầu trần*, *chân đi đất*).  Những câu văn có chủ ngữ là cụm danh từ còn cho thấy thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khốn khổ của cô bé bán diêm.  **Bài tập 4 SGK trang 67**  a. *Gió vẫn thổi rít vào trong nhà*  - Chủ ngữ: Gió;  - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *những cơn gió lạnh*.  b. *Lửa tỏa ra hơi nóng dịu dàng*  - Chủ ngữ: Lửa ;  - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *Ngọn lửa hồng*. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn khoảng 5-7 câu về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà trên thiên đường, trong đó có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.

**HS** đưa ra một số chi tiết tưởng tượng hợp lý, hấp dẫn.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm đọc một số câu chuyện cổ tích, viết ra một vài câu có cụm danh từ làm chủ ngữ, rồi cùng chia sẻ với các bạn.

- Chia sẻ sản phẩm đến cả lớp và cô giáo vào tiết học sau.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua nhóm zalo hoặc email.

GV gọi một vài HS lên báo cáo sản phẩm. HS khác lắng nghe, nhận xét.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho .

**TIẾT ….Văn bản. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

(Thạch Lam)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nắm được cốt truyện; nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;

- Nêu được một số điểm giống nhau và khác nhau của hai nhân vật: cô bé bán diêm và bé Hiên;

- Nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Gió lạnh đầu mùa;*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Gió lạnh đầu mùa;*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Gió lạnh đầu mùa*;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a, Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b, Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c, Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d, Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiêm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời*:*

+ Đọc nhan đề ***Gió lạnh đầu mùa***, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?

+ Em đã từng trải qua mùa đông chưa? Khi nhắc đến mùa đông, em nghĩ ngay tới điều gì? Mùa đông có gì khác so với các mùa còn lại? Vào mùa đông, em thường làm gì để giữ cho cơ thể ấm và khỏe mạnh?

**B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ***:* HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cá nhân.

**B3. Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**B4. Kết luận, nhận định:** *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*

Mỗi khi mùa đông đến, chúng ta cảm nhận được cái lạnh trong từng thớ thịt. Vào những ngày mùa đông, để giữ ấm cơ thể, chúng ta phải mặc rất nhiều quần áo ấm và đôi khi cần đến lò sưởi. Trong truyện ngắn ***Gió lạnh đầu mùa*** của Thạch Lam cũng thế, cũng có một mùa đông lạnh. Nhưng cô bé Hiên trong truyện lại không có quần áo ấm để mặc, thậm chí chiếc áo em mặc mỏng manh và đã rách tả tơi. Liệu bé Hiên có vượt qua được mùa đông lạnh lẽo này? Chúng ta cùng tìm hiểu VB ***Gió lạnh đầu mùa*** trong tiết học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Hoạt động đọc - hiểu**

**a, Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b, Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c, Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Đọc và giới thiệu về tác giả và các tác phẩm nổi tiếng của ông?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Nêu hiểu biết của em về văn bản?*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?*  *+ Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của VB.*  *+ Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc: to, rõ ràng thể hiện rõ lời của từng nhân vật.  - HS: Đọc văn bản ( 3 HS đọc từng đoạn; Hoạt động cá nhân)  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh;  - Năm sinh - năm mất: 1910 – 1942;  - Quê quán: sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.  - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống.  - Các truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*,...  **2. Văn bản**  - *Gió lạnh đầu mùa* là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam.  - Người kể chuyện: ngôi thứ ba;  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả;  - Thể loại: truyện ngắn;  - Bố cục:  + Đoạn 1: Từ đầu... *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*: Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh;  + Đoạn 2: Tiếp... *trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui*: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo;  + Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt yêu cầu HS:  *+ Sau khi đọc VB* ***Gió lạnh đầu mùa****, em thấy gia đình Sơn có điều kiện như thế nào? Dựa vào đâu em có nhận định đó?*  *+ Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?*  *+ Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?*  *+ Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao? Nếu là Sơn, em sẽ làm gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  *+ Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi với những đứa trẻ khác được miêu tả như thế nào?*  *+ Nhân vật Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc như thế nào? Chúng có thích chơi với Sơn và chị Lan không? Chúng có dám chơi cùng không? Tại sao?*  *+ Hãy chỉ ra một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật Cô bé bán diêm và bé Hiên, điền vào phiếu học tập.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi được miêu tả trong cái lạnh và nghèo, bẩn;  + Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc phong phanh, rách rưới, vá víu, không đủ ấm. Chúng rất thích chơi với Sơn và Lan nhưng chúng không dám thái quá.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Hai chị em (Nhân vật Sơn và Lan)**  *a. Buổi sáng khi ở trong nhà*  - Gia cảnh: sung túc  + Có vú già;  + Cách xưng hô:   * Cách mẹ Sơn gọi em Duyên ngay từ đầu tác phẩm: “cô Duyên” - “cô” - trang trọng; * Cách gọi mẹ của Sơn: “mợ” gia đình trung lưu   + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn;  - Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em:  + *Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá*;  + *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*.  Gia đình sung túc, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn.  *b. Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ*  - Thái độ: *Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn*  - Khi thấy Hiên đứng nép một chỗ không ra chơi cùng:  + Gọi ra chơi;  + Hỏi: “Áo lành đâu không mặc?”; “Sao không bảo u mày may cho?” Câu hỏi có sự phát triển theo câu trả lời của Hiên Quan tâm thật lòng;  + Quyết định đem cho Hiên chiếc áo: *chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo*, *thấy động lòng thương*, *một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí*.  tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn nhân hậu của chị em Sơn.  *c. Chiều tối khi trở về nhà*  - Ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo  Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn rồi còn đòi lại.  Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em.  **2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo**  *a. Không gian/ khung cảnh*  + *Chợ vắng không, mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề*  + *Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em*  Yên ả, vắng lặng, nghèo, lại thêm mùa đông càng khắc họa sâu về tình cảnh khốn khó.  *b. Dáng vẻ*  + *mặc không khác ngày thường*, *vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ*;  + *môi tím lại*, *qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi*;  + *mỗi cơn gió đến*, *run lên*, *hàm răng đập vào nhau*  *c. Thái độ*  + đương đợi Sơn ở cuối chợ để chơi đánh khăng, đánh đáo  + *đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vậpnhư biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy*;  + *giương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn*   * “giương”: ngước lên và mở to có sự chú ý đặc biệt * “ngắm”: nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong   Một bộ quần áo mới mà được chú ý đặc biệt và ước mong Càng khắc họa đậm hơn sự nghèo khó  *d. Nhân vật Hiên*  - *Từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán*, *co ro đứng bên cột quánTừ nãy*: thời gian dài, *co ro*: lạnh phải khúm người lại Vừa lạnh, phải chịu trong thời gian dài, lại còn có thêm mặc cảm: đứng ẩn nấp “dựa vào cột quán”;  - *Gọi không lại*  - *Chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay*  - Khi được hỏi *bịu xịu* trả lời: mặt xị xuống, thường đi kèm những lời có ý buồn tủi mặc cảm, có sự tủi thân, như sắp vỡ òa.  *e. So sánh Hiên với cô bé bán diêm*  - Giống:  + Đều là những bé gái ở trong hoàn cảnh đáng thương;  + Đều thiếu thốn vật chất, và ở trong mùa đông khắc nghiệt  - Khác: |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hiên** | **Cô bé bán diêm** |
| **Tên** | Có tên | Không tên |
| **Không gian** | Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo | Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa rõ nét sự đối lập giàu nghèo |
| **Thời gian** | Đầu mùa đông  Cái lạnh mới bắt đầu | Chính đông, khoảnh khắc giao thừa, chuyển giao giữa năm cũ và năm mới  Cô bé bán diêm đã phải chịu giá rét trong thời gian dài, đặc biệt tâm trạng sẽ buồn hơn Hiên vì đây là lúc mọi người quây quần bên gia đình đầm ấm đón chào năm mới. |
| **Tình thương** | - Hiên có nhận được tình thương của mọi người xung quanh: mẹ, bạn bè, v.v... | Cô bé bán diêm không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ |
| **Cái kết** | Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm | Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết. |

|  |  |
| --- | --- |
| **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  *+ Em có nhận xét gì về thái độ, hành động, cách cư xử giữa 2 nhân vật mẹ của Sơn và mẹ của Hiên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - Dự kiến sản phẩm:  \* Mẹ của Liên:  - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con  - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo:  + Khép nép, nói tránh, tự trọng.  \* Mẹ của Sơn:  - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị.  - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên**  *a. Mẹ của Hiên*  - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con  - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo:  + Khép nép, nói tránh: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ”. -> Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi – cậu – mợ;  + Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn.  Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ  *b. Mẹ của Sơn*  - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn.  - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương, không nên tự tiện lấy áo đem cho nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác...  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả;  - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ;  - Miêu tả tinh tế  **2. Nội dung**  Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh. |

**Hoạt động 3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

?Kể tóm tắt lại các sự việc chính trong văn bản: *Gió lạnh đầu mùa*?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời.

**B3. Báo cáo, thảo luận**: Hs khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu câu trả lời chưa chính xác)

**B4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***-*** *GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

**Câu 1:** Vì sao mẹ Sơn lại cho mẹ Hiên vay tiền mà không cho áo?

a. Vì mẹ Sơn không muốn giúp đỡ người khác;

b. Vì mẹ Sơn muốn lấy lại số tiền cho vay;

c. Vì mẹ Sơn rất quý chiếc áo là kỷ vật của em Duyên;

d. Vì mẹ Sơn muốn giữ chiếc áo là kỷ vật của em Duyên và vẫn muốn giúp đỡ mẹ Hiên

**Câu 2:** Vì sao những đứa trẻ nghèo không dám lại gần chơi với Sơn và Lan?

a. Vì chúng không thích chơi với những người có điều kiện khá giả;

b. Vì Sơn và Lan có thái độ khinh khỉnh;

c. Vì chúng ngại cái nghèo của mình, biết thân biết phận;

d. Cả a và b đều đúng.

**Câu 3:** Vì sao sau khi đã cho Hiên cái áo, Sơn lại muốn đòi lại?

a. Vì Sơn thấy tiếc chiếc áo

b. Vì Sơn muốn trêu đùa Hiên

c. Vì Hiên không biết giữ gìn

d. Vì con Sinh bảo sẽ nói với mẹ Sơn, Sơn sợ mẹ trách

**Câu 4:** Vì sao mẹ Hiên lại trả lại chiếc áo?

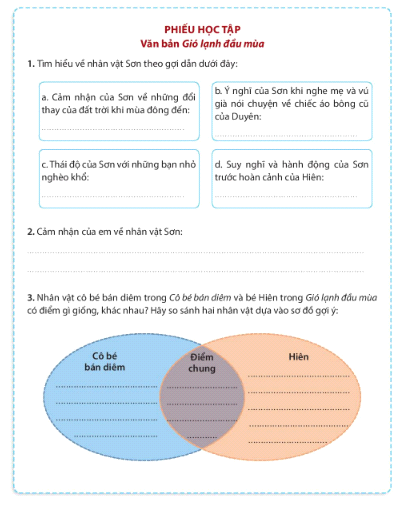
a. Vì mẹ Hiên chê áo xấu

b. Vì Sơn đòi lại áo

c. Vì mẹ Hiên biết đó là kỷ vật của bé Duyên

d. Vì mẹ Hiên nghèo nhưng có lòng tự trọng, biết mẹ Sơn chưa có sự đồng ý.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*



**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (tt)**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. CỤM ĐỘNG TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ** | |
| 1. **Mục tiêu**: Giúp HS:   - Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ;  - Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;  - Biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ.  - Đặt câu với cụm động từ, tính từ.  **b) Nội dung**:  - GV chia nhóm.  - HS làm việc cá nhân, thảo luận hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NVHT 1:**  *Các từ ngữ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Đó là những ý nghĩa gì?*   * - Chúng ta đem cho nó **cái áo bông cũ**; * - Mẹ cái Hiên **rất** nghèo.   *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân câu hỏi; báo cáo sản phẩm.*  *- Dự kiến sản phẩm:*  + ***Cái áo bông cũ*** bổ sung ý nghĩa cho cụm từ đem cho nó. Đem cho nó là một cụm động từ, ***cái áo bông cũ*** làm rõ hơn đối tượng được cho là gì – ***cụm động từ***  + ***Rất*** bổ sung ý nghĩa cho ***nghèo***. ***Nghèo*** là một tính từ, ***rất*** làm rõ hơn về mức độ của ***nghèo – cụm tính từ.***  ***GV:*** Như vậy, ngoài cụm danh từ, chúng ta có thể dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần câu. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cụm động từ và cụm tính từ.  **NVHT 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:  *Em hãy đọc phần thông tin về Cụm động từ, cụm tính từ trong SGK trang 74 – 75, trả lời các câu hỏi:*  *1. Thế nào là cụm động từ và cụm tính từ?*  *2. Cụm động từ và tính từ có cấu tạo như thế nào? Cho ví dụ minh hoạ và phân tích cấu tạo?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Gv quan sát, hỗ trợ HS nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức .  HS đọc phần nhận biết cụm động từ, cụm tính từ SGK/Tr 74.75  *Cụm động từ, cụm tính từ thường giữ chức vụ gì trong câu?*  **NVHT 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 6 SGK trang 66;  - GV yêu cầu HS:  - Làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 1,2,4 SGK Tr 74.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Yêu cầu hướng dẫn, yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.``  - HS báo cáo sản phẩm thảo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - HS khác nhận xét, bổ sung chéo nhau.  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  **NVHT 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 6 SGK trang 66;  - GV yêu cầu HS:  -Thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập 3,5,6 SGK Tr 74,75.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Yêu cầu hướng dẫn, yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.``  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau.  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **I. Cụm động từ và cụm tính từ:**  **\* Cụm động từ**  **-** Cụm động từ là tổ hợp từ gồm động từ và các từ ngữ bổ trợ cho động từ tạo thành.  - Cụm động từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: là động từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: thời gian, khẳng định, phủ định, tiếp diễn…  + Phần phụ sau: thường bổ sung về đối tượng, địa điểm, thời gian…  **\* Cụm tính từ**  - Cụm tính từ gồm tính từ và một số từ ngữ khác bổ nghĩa cho tính từ.  - Cụm tính từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: tính từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,...  + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,...  **II. Bài tập**  **1. Bài tập 1 SGK trang 74**  - Tìm một cụm động từ trong VB *Gió lạnh đầu mùa*. Ví dụ: *chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng*;  - Xác định động từ trung tâm: động từ *chơi*;  - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác:  + *đang chơi ở ngoài sân*;  + *đang chơi kéo co*;  + *chơi trốn tìm*.  **2. Bài tập 2 SGK trang 74**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Cụm động từ | Động từ trung tâm | Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung | | a. | - Nhìn ra ngoài sân  - Thấy đất khô trắng | - Nhìn  - Thấy | - Hướng, địa điểm của hành động *nhìn*;  - Đối tượng của hành động *thấy*. | | b. | - Lật cái vỉ buồm;  - Lục đống quần áo rét. | Lật;  - Lục. | Đối tượng của hành động *lật*, *lục*. | | c. | Hăm hở chạy về nhà lấy quần áo | Chạy | Cách thức, hướng, địa điểm của hành động *chạy*. |   **3. Bài tập 3 SGK trang 74**  Tìm thêm trong VB *Gió lạnh đầu mùa* hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ:  (1) Chị Sơn và mẹ Sơn *đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống*.  (2) Mẹ Sơn *lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét*.  (3) Sơn *lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  **4. Bài tập 4 SGK trang 74**  - Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*: *đã cũ*.  - Xác định tính từ trung tâm: *cũ*.  - Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:  + *chưa cũ*;  + *cũ lắm*;  + *rất cũ*.  **5. Bài tập 5 SGK trang 74 – 75**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Cụm tính từ | Tính từ trung tâm | Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung | | a. | Trong hơn mọi hôm | Trong | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh | | b. | Rất nghèo | Nghèo | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ |   **6. Bài tập 6 SGK trang 75**  Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ:  a. Trời rét Trời rét hơn mọi hôm;  b. Tòa nhà cao Tòa nhà cao quá;  c. Cô ấy đẹp Cô ấy đẹp vô cùng. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Vết đoạn văn khoảng 5-7 câu về cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có ít nhất một cụm động từ hoặc một cụm tính từ làm thành phần chính của câu.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.

**HS** đưa ra một số chi tiết tưởng tượng hợp lý, hấp dẫn.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm đọc một số số văn bản viết về sự chuyển mùa trong năm và chỉ ra một vài câu có cụm động từ, cụm tính từ làm thành phần chính của câu, rồi cùng chia sẻ với các bạn.

- Chia sẻ sản phẩm đến cả lớp và cô giáo vào tiết học sau.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua nhóm zalo hoặc email.

GV gọi một vài HS lên báo cáo sản phẩm. HS khác lắng nghe, nhận xét.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho .

**VĂN BẢN**

**CON CHÀO MÀO**

(Mai Văn Phấn)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Bổ sung, mở rộng chủ đề của bài học: Yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.

HS tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ (thể loại chính HS được học ở bài 2).

HS biết yêu cái đẹp và có ý thức gìn giữ, bảo vệ thiên nhiên.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con chào mào;*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con chào mào;*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng cái đẹp, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản *Con chào mào*;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:*

+ Em hãy kể tên một số loài vật mà em biết? Hãy bày tổ tình cảm của mình đối với một con vật mà em yêu thích?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ của mình.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Cuộc sống cần có tình yêu thương. Tình yêu thương ấy không chỉ là tình yêu thương giữa con người với con người, mà còn bao gồm cả tình yêu thương, sự trân trọng của con người với các loài vật, với vẻ đẹp của thiên nhiên. Con người chính là một phần của tự nhiên, vì vậy ta phải bảo vệ nó. Tiết học hôm nay, thầy/cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu thiên nhiên thông qua văn bản *Con chào mào* của nhà thơ Mai Văn Phấn.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **1. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm :** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Tác giả**  - Tên: Mai Văn Phấn  - Năm sinh: 1955  - Quê quán: Ninh Bình  - Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phấn rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài thơ được dịch ra nhiều thứ tiếng.  **2. Tác phẩm**  Bài thơ *Con chào mà*o được trích trong *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, 2010. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** | |
| **1. Mục tiêu:** HS nhận biết được cách đọc, thể loại, bố cục văn bản.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV chỉ định một vài HS đọc thành tiếng bài thơ.  - GV yêu cầu HS dựa vào VB vừa đọc, trả lời các câu hỏi:  + Giải thích một số từ khó  + Phương thức biểu đạt?  + Thể loại của VB là gì?  + Bố cục VB gồm mấy phần? Nêu nội dung của các phần.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Giải thích nghĩa của từ  - Hoạt động cá nhân  **GV**:  - Theo dõi, quan sát HS hoạt động  - Hướng dẫn HS  - Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Đọc- từ khó**  **2. Thể loại:** thơ tự do  **3. Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm  **4. Bố cục:** 3 phần  + Phần 1: Khổ 1: Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào;  + Phần 2: Khổ 2, 3, 4: Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi”muốn giữ con chim ở lại bên mình;  + Phần 3: Còn lại: hình ảnh và tiếng chim chào mào đã được nhân vật “tôi” lưu giữ trong ký ức. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG** |
| **1. Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung và nghệ thuật bài thơ.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi:  *+ Em có thể hình dung, tưởng tượng những gì khi đọc ba dòng thơ đầu?*  *+ Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”.*  *+ Vì sao lúc đầu nhân vật “tôi”“sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”?*  *+ Tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe “rất rõ” vang lên từ đâu (trên cây cao chót vót hay trong tâm hồn)? Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật “tôi” (vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ,...)? Vì sao nhân vật “tôi” có thể cảm thấy như vậy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***1. Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào***  ***-*** Vị trí: trên cây cao chót vót 🡪 Khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên.  - Màu sắc: đốm trắng màu đỏ 🡪 Màu sắc rực rỡ  - Âm thanh: hót triu... uýt... huýt... tu hìu... 🡪 Tiếng hót dài, trong trẻo. Đây không chỉ là âm thanh của tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên  => Bút phấp tả thực, bức tranh tràn ngập màu sắc và âm thanh.  ***2. Cảm xúc của nhân vật “tôi” về tiếng chim.***  *a. Lúc đầu*  - *“Vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”, “Sợ chim bay đi”* 🡪 Thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình (“độc chiếm”), muốn giữ mãi ở bên cạnh.  *b. Lúc sau*  - “*Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”🡪* Vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên  🡪 Trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | IV. Tổng kết  ***1. Nghệ thuật***  - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc;  - Sử dụng phép điệp ngữ .  ***2. ý nghĩa***  Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**2. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

***-*** *GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**2. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**3. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trình bày bài làm của mình.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

**B. VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất

- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể,

- Ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

**2. Về năng lực:**

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ

- Tập trung vào sự việc đã xảy ra

- Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.

- Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyên

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  **- Biết được kiểu bài kể về một trải nghiệm.**  **- Nhận biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện.**  **b) Nội dung:**  **- GV hỏi, HS trả lời.**  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hỏi:  - Sắp xếp các tác phẩm sau thành 2 nhóm? Cho biết đâu là nhóm các tác phẩm kể lại 1 trải nghiệm? Vì sao?  - Em hãy chia sẻ ngắn gọn trải nghiệm mà em đã viết ở bài 1?  - Trải nghiệm đó đem đến cho em bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Suy nghĩ và trả lời  - HS chia sẻ lại trải nghiệm của bản thân.  **GV**:  - Dự kiến KK HS gặp: Không giải thích được vì sao ? Chưa biết nêu lên bài học từ trải nghiệm.  - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:  - Nhóm các truyện này sử dụng ngôi kể thứ mấy? kể về trải nghiệm gì?  ?Vì sao em lại lựa chọn trải nghiệm này? Nó có ý nghĩa như thế nào với em?  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm*”. | *- Nhận diện kiểu bài kể lại 1 trải nghiệm:*  *- Kể về 1 trải nghiệm của bản thân*  *- Sử dụng ngôi kể thứ nhất: người kể xưng “tôi”* |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU**  **ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM** | |
| **a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm ở mức độ cao hơn trên cơ sở tiết học trước:**  **- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.**  **- Biết cách kể trải nghiệm của bản thân**  **- Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.**  **- Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.**  **- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.**  **b) Nội dung:**  **- GV chia nhóm lớp**  **- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập**  **c) Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.**  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Theo em, một bài văn kể lại 1 trải nghiệm đáng nhớ cần có những yêu cầu gì?  ? So sánh với những yêu cầu đã học ở bài 1, có điểm gì mới?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | - Người kể chuyện: Ngôi thứ nhất thường là người kể xưng “tôi”  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.  - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể vê' thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết. |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Bài viết tham khảo kể về kỉ niệm buồn của bản thân, một lần hiểu lầm trong tình bạn.  - Biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện (người kể chuyện xưng “tôi”).  - Chỉ ra các chi tiết miêu tả cụ thể.  - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài).  b) **Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hỏi: Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả?  ?Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất?  GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  Nhóm 1: Phần nào, đoạn nào giới thiệu câu chuyện?  Nhóm 2: Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào?  Nhóm 3: Những từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả?  Nhóm 4: Những chi tiết nào miêu tả cụ thể thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện?  Nhóm 5: Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?  Nhóm 6: Dòng, đoạn nào chỉ ra lí do đây là trải nghiệm có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ và hành động?  .**GV** yêu cầu: HS kể lại ngắn gọn câu chuyện theo các sự việc được xác định.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **Bài mẫu**:  - Kể về một câu chuyện buồn, một lần hiểu lầm trong tình bạn.  - Ngôi kể thứ nhất: người kể chuyện xưng “tôi”  - Các phần:  + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm.  + Đoạn 2,3,4,5,6: Tập trung vào các sự việc chính của câu chuyện.  + Đoạn 7: Nêu lên cảm xúc của bản thân.  + Đoạn 8: Chỉ ra sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân.  - Các sự việc:  + Sự việc 1: Bản tổng hợp đầu năm học mà "tôi" đã chuẩn bị rất công phu bị ai đó vẽ nguệch ngoạc vào.  + Sự việc 2: "Tôi" nghĩ chắc chắn Duy là thủ phạm nhưng Duy khóc,không nhận lỗi.  + Sự việc 3: Tuấn đã đứng lên nhận lỗi trước cô giáo và cả lớp.  + Sự việc 4: "Tôi" xấu hổ và ân hận vì lỗi lầm của mình. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  **b) Nội dung:**  **-** GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  ? Liệt kê những sự việc đáng nhớ trong cuộc đời theo trình tự thời gian? Sự việc nào để lại cho ấn tượng sâu sắc và có ý nghĩa  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.(Phiếu số 1)  HS:  - Xác định mục đích viết bài, người đọc?  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? | ……  ….. | | Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì? | ……  …….  …… | | Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? | ……  …… | | Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? | ……  …… | | Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? | ……  ……  …… | | Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em? | ……  ……  …… |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu câu chuyện.  *- Thân bài*: Kể diễn biến câu chuyện.  + Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những người có liên quan.  + Kể lại các sự việc trong câu chuyện theo trình tự hợp lý:  (Thời gian, không gian, nguyên nhân kết quả, mức độ quan trọng của sự việc….)  • Sự việc 1  • Sự việc 2  • Sự việc 3  • …  - *Kết bài*: Nêu cảm xúc của người viết và và rút ra ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân.  **2. Viết bài**  - Kể theo dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - - Sử dụng những yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật…  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  b) **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc và hoàn thành phiếu nhận xét  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm cặp  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập (Phiếu số 2)  - HS trình bày sản phẩm, học sinh khác theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | Bài viết đã được sửa của HS |

**C. NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Ngôi kể và người kể chuyện

- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

***2. Về năng lực:***

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

- Biết kêt hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (Ngôn ngữ hình thể)

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, trân trọng những trải nghiệm, những giá trị cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.( Phiếu số 3)

**III . TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Cảm xúc của em khi xem đoạn video? Từ hình ảnh em bé ấy em thấy mình cần phải làm gì để chung tay đẩy lùi dịch bệnh covid – 19? Em hãy chia sẻ trải nghiệm của mình về đại dịch covid – 19?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Đánh dấu ghi lại những nội dung quan trọng trong bài viết của mình.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Đánh dấu ghi lại những nội dung quan trọng trong bài viết của mình.  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ, câu hỏi gợi ý.  ? Tìm những từ ngữ chỉ thời gian, không gian, câu văn trình bày diễn biến, câu văn trình bày cảm xúc, câu văn thể hiện ý nghĩa…  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, nooi dung nois | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật Cô bé bán diêm, kể lại câu chuyện.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thôn tin ngắn gọn về 2 văn bản Cô bé bán diêm và Gió lạnh đầu mùa?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Văn bản  Đặc điểm | Cô bé bán diêm | Gió lạnh đầu mùa |
| Thể loại |  |  |
| Nhân vật |  |  |
| Người kể chuyện |  |  |

Bài tập 2: Chọn 1 truyện kể mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố của truyện trong văn bản đó.Cụ thể: - Cốt truyện.

* Nhân vật
* Người kể chuyện

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

+ Phiếu số 1

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ và tên người chỉnh sửa:……………………………….

Họ và tên tác giả bài viết:…………………………………

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1.Bài viết giới thiệu đươc trải nghiệm đáng nhớ chưa?

……………………….……………………………………………………………

2. Nội dung bài viết được sắp xếp theo trình tự hợp lý chưa?

……………………..……………………………………………………………

3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

………………………...…………………………………………………………

4. Có bổ sung nội dung cho bài viết không?( Nếu có hãy viết rõ ý bổ sung)

……………………….……………………………………………………………

5. Có nên lược bỏ câu hay đoạn văn trong bài viết không?(Nếu có hãy viết rõ câu đoạn văn đó)

……………………….……………………………………………………………

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không?( Nếu có hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa)

……………………………………………………………………………

+ Phiếu số 2

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? | ……………………………………… |
| Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì? | ……………………………………… |
| Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? | ……………………………… |
| Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? | ……………………………………… |
| Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu | ……………………………………… |
| Câu chuyện có ý nghĩa, tầm quan trọng như thế nào đối với em? | ………………………………………  ……………………………………… |

\\\

Phiếu số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt ( 0 điêm)*** | ***Đạt(1 điểm)*** | ***Tốt(2 điểm)*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài | Nội dung soạn | Tên người soạn | Địa chỉ |
| Bài 4  Quê hương yêu dấu | Chùm CD về quê hương đất nước | Phạm Thị Hương | Trường TH&THCS Phong châu, Đông Hưng, Thái Bình |
| Chuyện cổ nước mình | Nguyễn Thu Ngọc | Trường THCS Nguyễn Trãi A, Thường Tín, Hà Nội |
| Cây tre Việt Nam | Dương Kim Phụng | Trường THCS Thạnh Mĩ, Đơn Dương, Lâm Đồng |
| Viết | Hoàng Thị Xuân | Trường THCS Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội |
| Nói và nghe | Nguyễn Thị Thu Thuỷ | Trường THCS Ba Đình, Ba Đình, Hà Nội |

|  |
| --- |
| TUẦN:  Ngày soạn: …/…/…  Ngày dạy: …/…/… |

BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

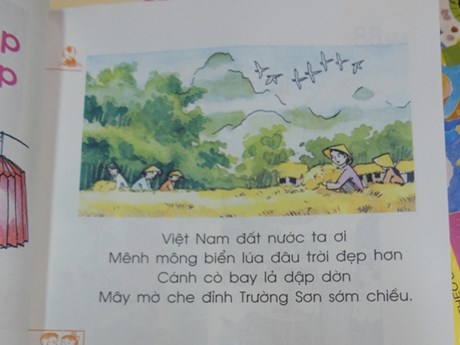
Môn: Ngữ văn 6

Số tiết: 12 tiết

“Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn”.

( Nguyễn Đình Thi)



I. MỤC TIÊU CHUNG

*1. Kiến thức:*

- Tri thức ngữ văn (Thơ, thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp)

- Vẻ đẹp của quê hương đất nước được thể hiện qua 3 văn bản.

- Từ đồng âm, từ đa nghĩa.

- Hoán dụ.

*2. Năng lực:*

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa.

- Nhận biết được hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

*3. Phẩm chất:*

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

TIẾT : GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU

*1. Kiến thức.*

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

*2. Năng lực.*

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

1. - Biết và phân tích được một số đặc điểm nghệ thuật của thơ lục bát, cảm nhận được cảm xúc và thông điệp của người viết thông qua ngôn ngữ VB.

*3. Phẩm chất.*

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp

b) Nội dung: Chia sẻ kinh nghiệm bản thân

c) Sản phẩm:

- Những suy nghĩ chia sẻ của HS

- Cảm xúc cá nhân của HS.

- Tri thức ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, sốtiếng, số dòng, vần, nhịp.

d) Tổ chức thực hiện:

*GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

? Em hãy đọc đoạn VB thơ sau đây và cho biết thể thơ được sử dụng ở đây là gì?

? Em đã bắt gặp những đoạn thơ có cùng thể loại với đoạn thơ trên hay chưa? Hãy kể tên và đọc một đoạn cho cả lớp cùng nghe.

HS đọc bài thơ, suy nghĩ và trả lời.

“Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(*Việt Nam quê hương ta* – Nguyễn Đình Thi)

1. *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Như thường lệ, mở đầu mỗi bàihọc, chúng ta sẽ tìm hiểu về phần tri thức ngữ văn. Tiết học hôm nay, các em sẽ tìm hiểu về thơ lục bát.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ lục bát như: số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả

lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của Thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  1.Chiếu Slide, yêu cầu HS đọc & đặt câu hỏi:  ? Cho biết nội dung của bài thơ? Bài thơ gợi cho em cảm xúc gì?  2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.  3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:  ? Bài thơ có mấy dòng? Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện dòng sáu tiếng, dòng tám tiếng?  ? Xác định vần được gieo ở dòng sáu, dòng tám?  ? Xác định thanh điệu của các tiếng 4 –6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng 4 –6 – 8 trong dòng tám tiếng?  ? Xác định cách ngắt nhịp trong các dòng thơ lục bát đó?  ? Giới thiệu ngắn gọn về thơ lục bát và chỉ ra những “dấu hiệu” của thể lục bát trong bài thơ đó đó?  B2: Thực hiện nhiệm vụ( GV+ HS)  1. HS đọc bài thơ, và suy nghĩ cá nhân.  GV hướng dẫn HS đọc.  2. HS đọc phần tri thức Ngữ văn  3. HS làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  GV theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  B3: Báo cáo, thảo luận( HS)  GV:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Ví dụ về lục bát biến thể:  + Con cò lặn lội bờ sông  Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ  non  + Cưới vợ thì cưới liền tay  Chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn | - Nội dung của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước.  \* Thơ lục bát.  - Thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà các  dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám  tiếng.  *- Vần trong lục bát:* Tiếng cuối của  dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo.  *- Thanh điệu trong thơ lục bát:* Trong  dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ  sáu, thứ tám là thanh bằng, còn tiếng  thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng  tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám  đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ  sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là  thanh ngang và ngược lại;  *- Nhịp thơ trong lục bát:* Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4 ,…).  \* Lục bát biến thể.  - Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp,… |

TIẾT: ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Đọc văn bản

VĂN BẢN 1

CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

I. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:*

- Đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao.

- Nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

*2. Về năng lực:*

- Xác định được thể thơ

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài;

1. - Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.
2. - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chùm ca dao về* *quê hương đất nước*;

*3. Phẩm chất:*

- Tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

Chuẩn bị của GV

- Giáo án.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh, về các địa danh được giới thiệu trong bài học như Hà Nội, Huế, Lạng Sơn.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương em sẽ nói điều gì?

? Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm bài thơ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

GV gợi ý Câu 1: em có thể nói về dòng sông, cánh đồng….

Câu 2: em có thể đọc 1 đoạn trong bài thơ “ Bài học đầu cho con” của Đỗ Trung Quân hoặc bài “ Nhớ con sông quê hương” của Tế Hanh.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1: Đọc văn bản

|  |
| --- |
| I. TÌM HIỂU CHUNG |
| a) Mục tiêu: HS đọc diễn cảm văn bản và hiểu được nghĩa của các từ khó  b) Nội dung:  - Hs đọc, quan sát SGK.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản.  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: |

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của Thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB:  GV đọc mẫu một lần, hướng dẫn ngữ  điệu phù hợp với bài ca dao  Gọi 2,3 HS đọc thành tiếng văn bản  GV yêu cầu học sinh tìm hiểu và giải thích các từ khó trong SGK.  + Các từ chỉ địa danh( Hà Nội, Lạng Sơn, Huế)  + Các từ ngữ cổ  B2: Thực hiện nhiệm vụ( GV+ HS)  HS: Đọc văn bản và tìm từ ngữ  GV: Theo dõi, hỗ trợ HS.  B3: Báo cáo, thảo luận( HS)  HS đọc văn bản  HS: Trình bày kết quả tìm được. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  GV*:* Hướng dẫn HS cách tìm từ ngữ  B4: Kết luận, nhận định (GV)  Nhận xét cách đọc của học sinh  - Nhận xét về thái độ học tập và câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | I. Tìm hiểu chung  1. Đọc văn bản  2. Tìm hiểu từ ngữ khó  - Các địa danh ở Hà Nội:  + Trấn Võ  + Thọ Xương  + Yên Thái  + Tây Hồ  - Các địa danh ở Lạng Sơn:  + xứ Lạng  + sông Tam Cờ  - Các địa danh ở Huế:  + Đông Ba  + Đập Đá  + Vĩ Dạ  + ngã ba Sình |

****

|  |
| --- |
| II. TÌM HIỂU CHI TIẾT |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  Nắm được nội dung và nghệ thuật của các văn bản trong *Chùm ca dao* *về quê hương đất nước*.  b) Nội dung:  - GV sử dụng KT 4 ô vuông cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  c) Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập của học sinh.  d) Tổ chức thực hiện |

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của Thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| NV1:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ(GV)  - Chia lớp ra làm 2 nhóm hoặc 4 nhóm:  - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4  - Phát phiếu học tập số 1 cho nhóm và nhóm giao câu hỏi cho từng bạn:  - GV yêu cầu HS:  Câu 1: Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?  Câu 2: Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.  Câu 3: Trong cụm từ *mặt gương Tây Hồ*, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.  Câu 4: Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi…*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Ghép câu trả lời để tạo sản phẩm của nhóm  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.  HS:  *\* Vòng chuyên sâu*  - Làm việc cá nhân 5 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  + Một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi…*   * *Ai ơi chơi lấy kẻo già*   *Măng mọc có lứa người ta có thì*  *Chơi xuân kẻo hết xuân đi*  *Cái già sòng sọc nó thì theo sau*   * *Cày đồng đang buổi ban trưa*   *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*  *Ai ơi bưng bát cơm đầy*  *Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần*  *\* Vòng mảnh ghép*  HS:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung mà mình đảm nhận.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  Bước 3: Báo cáo, thảo luận( HS)  GV:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang bài ca dao số 3  NV2:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ( GV)  - GV yêu cầu HS:  *Nhóm 1+3.*  Câu 1: So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v…  *Nhóm 2+4.*  Câu 2: Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?  (Gợi ý: Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao. Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sình gợi cho em ấn tượng gì? Từ “lờ đờ” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngả trăng chênh, tiếng hò xa vọng, v.v…).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  HS: thực hiện nhiệm vụ.  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo, thảo luận  HS: báo cáo kết quả;  GV: gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Kết luận nhận định ( GV)  GV: nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng..  NV3:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Chùm ca dao về quê hương đất nước”?  - GV gợi ý: Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  HS:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   GV: hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  B3: Báo cáo, thảo luận.  HS:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  GV:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau.  - HS thực hiện nhiệm vụ. | *1. Bài ca dao (1)*  *Gió Đưa Cành Trúc La Đà ❤️️ Cảm Nhận Về Bài Ca Dao*  - Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng;  - Cách gieo vần: *đà – gà, xương – sương – gương;…*  Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo;  - Ngắt nhịp:  + Gió đưa/ cành trúc/ la đà  Tiếng chuông Trấn Võ/ canh gà Thọ Xương  nhịp chẵn: 2/2/2; 2/4; 4/4;  - Biện pháp tu từ:  + Ẩn dụ : *mặt gương Tây Hồ* vẻ đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ẩn dụ - so sánh ngầm) . Vẻ đẹp nên thơ vào sáng sớm.  *2. Bài ca dao (2)*  Ca Dao Tục Ngữ Về Lạng Sơn ❤️️Sưu Tầm 1001 Câu Hay  - Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng  - Cách gieo vần: *xa – ba, trông – sông*  Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo;  - Ngắt nhịp:  + Ai ơi/ đứng lại mà trông  Kìa thành núi Lạng/ kìa sông Tam Cờ  nhịp chẵn: 2/4; 4/4  - Lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông* Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng.  *3. Bài ca dao (3)*  Chùm thơ hay viết về xứ Huế với vẻ đẹp nên thơ | KyUc.Net  - Lục bát biến thể:  + Tính chất lục bát: hai câu sau vẫn tuân theo quy luật của lục bát thông thường;  + Tính chất biến thể: hai dòng đầu:   * Cả hai dòng đều có 8 tiếng (không phải lục bát, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng). * Về thanh, tiếng thứ tám của dòng đầu tiên (đá) và tiếng thứ sáu của dòng thứ hai (ngã) không phải thanh bằng như quy luật mà là thanh trắc. * - Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người.   III. Tổng kết  1. Nghệ thuật  - Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước.  2. Nội dung  - Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước. |

2.2 Viết kết nối với đọc

a) Mục tiêu:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn ( Khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

b) Nội dung*:* Hs viết đoạn văn theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn (Tham khảo đoạn văn sau)

Hồ Hoàn Kiếm là một danh thắng nổi tiếng của Hà Nội. Đó là những hàng liễu rủ thướt tha, những nhành lộc vừng nghiêng nghiêng đổ hoa soi bóng dưới lòng hồ. Giữa hồ có tháp Rùa, cạnh hồ có đền Ngọc Sơn có "Đài Nghiên Tháp Bút chưa sờn"... Hình ảnh hồ Gươm lung linh giống như một tấm gương xinh đẹp giữa lòng thành phố đã đi vào lòng nhiều người dân Hà Nội. Người dân Hà Nội sống ở khu vực quanh hồ có thói quen ra đây tập thể dục vào sáng sớm, đặc biệt là vào mùa hè. Họ gọi các khu phố nằm quanh hồ là Bờ Hồ. Không phải là hồ nước lớn nhất trong Thủ đô, song với nguồn gốc đặc biệt, hồ Hoàn Kiếm đã gắn liền với cuộc sống và tâm tư của nhiều người. Hồ có nhiều cảnh đẹp. Và hơn thế, hồ gắn với huyền sử, là biểu tượng khát khao hòa bình (trả gươm cầm bút), đức văn tài võ trị của dân tộc (thanh kiếm thiêng nơi đáy hồ và tháp bút viết lên trời xanh). Hồ Gươm sẽ mãi sống trong tiềm thức mỗi người dân Thủ đô nói riêng và người dân cả nước nói chung như một biểu tượng thiêng liêng về lịch sử và truyền thống văn hóa dân tộc.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

II. Thực hành Tiếng Việt

|  |
| --- |
| TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ ĐA NGHĨA |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  - Trình bày được thế nào là từ đồng âm, từ đa nghĩa.  - Phân biệt từ đồng âm, từ đa nghĩa.  b) Nội dung: HS thảo luận theo nhóm  c) Sản phẩm:  - Phiếu học tập.  - Kết quả các bài tập trong sgk.  d) Tổ chức thực hiện: |

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của Thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ( GV)  - GV yêu cầu các nhóm 1+ 3:  ? Hãy cho biết nghĩa của từ đỗ (1) và từ đỗ (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  - GV yêu cầu nhóm 2+4  ? Em hãy giải thích nghĩa của từ chín (1) và nghĩa của từ chín (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Nghĩa của từ đỗ (1): là một loại thực vật; nghĩa của từ đỗ (2): chỉ trạng thái thi cử đã đạt được kết quả tốt như mong muốn, khả quan, trúng tuyển.  Nghĩa của từ đỗ (1) và đỗ (2) không liên quan đến nhau  + Nghĩa của từ chín (1): trạng thái nghĩ kỹ, suy xét thấu đáo, không thể hơn được nữa;  Nghĩa của từ chín (2): trạng thái của các sự vật, hiện tượng về thực phẩm (như trái cây, cơm, v.v…), là trạng thái thực phẩm không còn sống, đã đạt đến mức có thể ăn được, ăn ngon, là trạng thái cuối cùng.  Nghĩa của từ chín (1) và chín (2) có nét tương đồng.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận.  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định. ( GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. | a. Khái niệm  - Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau.  - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau. |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ( GV)  - GV yêu cầu HS: đọc lại kiến thức về từ đồng âm và từ đa nghĩa, hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận.  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định. ( GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. | b. Luyện tập  Bài tập 1 SGK trang  a. *Lờ đờ bóng ngả trăng chênh*  *Bóng*: hình ảnh của vật do phản chiếu mà có.  b. *Bóng đã lăn ra khỏi đường biên dọc* *Bóng*: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nẩy, dùng làm đồ chơi thể thao.  c. *Mặt bàn được đánh véc-ni thật bóng* *Bóng*: nhẵn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương.  Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau  -> Từ đồng âm.  Bài tập 2 SGK trang  a. - *Đường lên xứ Lạng bao xa*  *Đường*: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác.  - *Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm đường*  *Đường*: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm.  b. – Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát  *Đồng:* khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt.  - Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn đồng  *Đồng:* đơn vị tiền tệ  Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau  -> Từ đồng âm.  Bài tập 3 SGK trang  a. *Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều trái*  b. *Bố vừa mua cho em một trái bóng*  c. *Cách một trái núi với ba quãng đồng*  *Trái* trong ba ví dụ có liên quan với nhau về mặt ý nghĩa. Có nghĩa giống nhau (là danh từ), chỉ danh xưng của một sự vật (quả xoài, quả bóng, quả núi). Từ đa nghĩa.  Bài tập 4 SGK trang  a. *Con cò có cái cổ cao Cổ*: chỉ một bộ phận cơ thể, nối đầu với thân.  b. *Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao cổ* *Cổ*: chỗ eo ở gần phần đầu của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ  Từ đa nghĩa.  c. *Phố cổ tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội*  *Cổ*: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ *cổ* trong hai câu a. và b.  -> Từ đồng âm.  Bài tập 5 SGK trang  - *Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non*  *Nặng*: tính chất, mức độ nhiều tình cảm.  - Một số ví dụ có từ *nặng* được dùng với nghĩa khác:  + Túi hoa quả này *nặng* quá.  + Em rất buồn vì mẹ em ốm *nặng*. |

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể; củng cố kiến thức đã học.

b) Nội dung*:* HS áp dụng kiến thức đã học, suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm*:* Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nói về tình yêu quê hương đất nước của em, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ đồng âm và một từ đa nghĩa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS:

- Hình thức: Đoạn văn có dung lượng 5 đến 7 câu.

- Nội dung: nói về tình yêu quê hương đất nước ( Trong đoạn văn có sử dụng từ đồng âm và từ đa nghĩa.

**HS:** Viết theo yêu cầu

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực tự học, năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV)

? Hãy lấy ví dụ về một bài ca dao và chỉ ra các yếu tố của thơ lục bát trong bài ca dao?

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  Họ tên: | |
| Câu 1: Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát? | ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………..  …………………………………………………………….. |
| Câu 2: Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2. | ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………..  …………………………………………………………….. |
| Câu 3: Trong cụm từ *mặt gương Tây Hồ*, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó. | ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………..  …………………………………………………………….. |
| Câu 4: Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi…* | ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………..  …………………………………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 | |
| Câu 1:So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v… | ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………..  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………… |
| Câu 2: Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây? | ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………..  …………………………………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3  Họ tên: | |
| Nghệ thuật | ……………………………………………………………………………...  ………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………… |
| Nội dung | ………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 | |
| Nhóm 1+3 | ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………..  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………… |
| Câu 2: Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây? | ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ………………………………………………………………  ……………………………………………………………..  …………………………………………………………….. |

Văn bản 2: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

-Lâm Thị Mỹ Dạ -

I. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:*

- Những nét tiêu biểu về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ

- Chủ thể nhân vật trữ tình trong thơ

- Đặc điểm của thể thơ lục bát, nét độc đáo của những hình ảnh, ngôn ngữ và giá trị của bài thơ

- Tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

*2. Về năng lực:*

- Xác định được tình cảm, cảm xúc trong bài thơ

- Nhận biết được các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ

- Thấy được vẻ đẹp về tình người trong cuộc sống

*3. Về phẩm chất:*

- Nhân ái, đoàn kết, yêu thương..với mọi người;tự hào về đất nước, về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ và bài thơ

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A4 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

1. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. Nội dung:GV hỏi, HS trả lời.
3. Sản phẩm:Câu trả lời của HS.
4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em biết những câu chuyện dân gian nào? Trong truyện đó em thích nhân vật nào? Vì sao?

? những câu chuyện đó gợi cho em có những suy nghĩ gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| I. TÌM HIỂU CHUNG | | | |
| 1. Tác giả | | | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ  b) Nội dung:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  c) Sản phẩm:Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| Hoạt động của GV -HS | | Nội dung cần đạt | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Lâm Thi Mỹ Dạ?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS quan sát SGK  B3: Báo cáo, thảo luận  HS trả lời câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định (GV)  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức -> ghi lên bảng | | - Lâm Thị Mỹ Dạ;  - Năm sinh: 1949;  - Quê quán: Quảng Bình;  - Là nhà thơ nữ nổi tiếng, là hội viên HNV Việt Nam. Có nhiều tác phẩm đạt giải cao.  - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương. | |
| 2. Tác phẩm | | | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể thơ, giọng điệu, chủ thể trữ tình, …)  b) Nội dung:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  c) Sản phẩm:Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| Hoạt động của GV -HS | Nội dung cần đạt | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  -Hướng dẫn cách đọc& yêu cầu HS đọc.  Chia nhóm 2  ? Nêu xuất xứ của bài thơ?  ? Bài thơ thuộc thể thơ nào? Em hãy chỉ ra đặc điểm của thể thơ này?  ? Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  GV:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  B3: Báo cáo, thảo luận  HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  GV*:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét về thái độ học tập& sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | - Rút từ *Tuyển tập*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203.  - Thể loại: thơ lục bát;  + tồn tại theo cặp: 1 câu 6 chữ, 1 câu 6 chữ  + vần của tiếng cuối cùng câu 6 hiệp vần với vấn của tiếng thứ 6 của câu 8. Vần của tiếng thứ 8 trong câu bát hiệp vần với tiếng thứ 6 trong câu lục tiếp theo....  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp biểu cảm; | | |
| II. TÌM HIỂU CHI TIẾT | | | |
| a. Mục tiêu: Nắm được nội dung chi tiết của bài thơ và nghệ thuật đặc sắc của *Chuyện cổ nước mình*  b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, suy nghĩ, thảo luận để tiến hành trả lời câu hỏi.  c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  d. Tổ chức thực hiện: | | | |
| 1. Những câu chuyện cổ được gợi ra từ trong bài thơ | | | |
| Hoạt động của GV -HS | | Nội dung cần đạt | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Thi ai nhanh hơn: chia 2 đội thi, mỗi đội 3 em.  ? Qua bài thơ em thấy bóng dáng của những câu chuyện cổ nào? Em hãy tìm những câu thơ gợi đến những câu chuyện đó?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | | - *Thị thơm thì giấu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà* =>Tấm Cám  - *Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì* =>Đẽo cày giữa đường  - *Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người* =>Sự tích trầu cau | |
| 2.Ý nghĩa được gợi ra từ những câu chuyện cổ | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  ?Những câu chuyện cổ đã cho nhà thơ thấy những điểu gì về vẻ đẹp tình người? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng? Tác dụng của nó?  ? Tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ là gì? Vì sao tác giả lại có tình cảm đó?  B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  B3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  Chuyển dẫn phần b  b)  B1: Chuyển giao nhiệm vụ  Chia nhóm thảo luận: 3 nhóm- mỗi nhóm 1 câu hỏi:  Đời ông cha với đời tôi  Như con sông với chân trời đã xa  Chỉ còn chuyện cổ thiết tha  Cho tôi nhận mặt ông cha của mình  ? Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Qua đó tác giả muốn nói gì trong những câu thơ trên? Em thấy tình cảm nào của tác giả được bộc lộ?  + Tôi nghe chuyện cổ thầm thì  Lời ông cha dạy cũng vì đời sau  ? Hai câu thơ trên gợi cho em những suy nghĩ gì?  ? Theo em vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ “Vẫn luôn *mới mẻ rạng ngời lương tâm*”?  Qua đó em có suy nghĩ gì về vai trò của chuyện cổ trong đời sống con người?  B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập  B3: Báo cáo kết quả và thảo luận  Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu cần)  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  (Giảng)  + Chân trời đã xa: khó để nắm bắt được nữa,  + con sông: dòng chảy, sự tiếp nối)  -giải thích từ “thầm thì”: thủ thỉ, tâm tình, nói nhỏ nhưng bền bỉ “chuyện cổ thầm thì”: mạch nguồn âm ỉ, bền bỉ;  - “Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” sự yêu thương của thế hệ trước dành cho thế hệ sau  + Mới mẻ, rạng ngời lương tâm: không cũ, bài học về c/s luôn tỏa sáng…vì: là hành trang tinh thần để vượt qua khó khăn, thử thách…). | | | *a. Những vẻ đẹp tình người*  *vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*,  *Thương người …*  *ở hiền….*  *rất công bằng, rất thông minh*  *vừa độ lượng lại đa tình, đa mang*.  => Điệp ngữ, liệt kê  =>*Những giá trị nhân văn tốt đẹp:*Lòng nhân hậu, sự vị tha, độ lượng, bao dung,...  *=> Tình cảm yêu mến với những câu chuyện cổ*  *b. Lời căn dặn, những bài học từ cha ông đến con cháu qua những câu chuyện cổ*  - “đời ông cha với đời tôi/  Như con sông với chân trời đã xa.  Chỉ còn chuyện cổ thiết tha  Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”  -> So sánh, hoán dụ  ->*là cầu nối,là nhân chứng, là lưu giữ những suy nghĩ, tình cảm… của ông cha*,  ->*Thấy đượcthế giới tinh thần: tâm hồn, phong tục, quan niệm, triết lý nhân sinh…của cha ông*  - “Tôi nghe chuyện cổ thầm thì  Lời ông cha dạy cũng vì đời sau”  ->*Bài học về đạo lý làm người : chân thành, nhân ái, cần cù. Có kiến thức…*  - Những câu chuyện cổ “vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”:  =>*Những bài học về cuộc sống vẫn còn nguyên giá trị, có GD lớn đến con người; khẳng định tầm quan trọng của những câu chuyện cổ trong đời sống tinh thần*  =>*Tình yêu quê hương, đất nước. Yêu mến, tự hào những giá trị truyền thống DT.* |
| III. Tổng kết | | | |
| a) Mục tiêu:Khải quát nội dung và nghệ thuật chủ yếu của văn bản *Chuyện cổ nước mình*  b) Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| HĐ của GV -HS | | | Nội dung cần đạt |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  ? Em hãy nhận xét những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ?  ?Bài thơ cho em hiểu được điều gì?  B2: HS thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát  B3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. Chốt kiến thức lên bảng | | | 1. Nghệ thuật  - Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn.  - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, tha thiết  2. Nội dung  - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ. |

3 HĐ3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

1. Từ nào sau đây là từ láy?
2. Thầm thì
3. Thiết tha
4. Đậm đà
5. Cả 3 từ trên
6. Tìm những câu thơ gợi tả đường nét, màu sắc quê hương? Qua đó em hình dung cảnh tượng quê hương như thế nào?

4 HĐ4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.

b) Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:*Viết đoạn văn ( 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Đời cha ông với đời tôi*

*Như con sông với chân trời đã xa*

*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*

*Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

- GV gợi ý: Chú ý phân tích thể thơ lục bát có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ; chú ý đến các từ ngữ, các quan hệ từ, biện pháp tu từ, v.v...

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Văn bản 3

CÂY TRE VIỆT NAM

– *Thép Mới* –

I. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:*

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Thép Mới;

- Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam;

- Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...

- Biện pháp tu từ hoán dụ, tác dụng của biện pháp tu từ này;

- Ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

*2. Về năng lực:*

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cây tre Việt Nam*;

- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cây tre Việt Nam*;

- Biết khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

- Phân tích, so sánh được đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;

- Nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;

- Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

*3. Về phẩm chất:*

-Tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách tham khảo

- Tranh ảnh về nhà văn Thép Mới, về hình ảnh cây tre và văn bản “Cây tre Việt Nam”

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Em biết những sáng tác nghệ thuật nào có hình ảnh cây tre (bài hát, tranh vẽ, thơ, truyện, v.v...)

Hãy kể tên các vật dụng được làm bằng tre mà em biết.

GV chiếu một đoạn phim ngắn về chủ đề *Cây tre Việt Nam*;

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, xem clip

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: Cây tre là hình ảnh gần gũi với đời sống của người dân Việt Nam. “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”. Trong tiết học hôm nay, vẫn tiếp tục với chủ đề *Quê hương yêu dấu*, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu VB *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu

|  |  |
| --- | --- |
| I. TÌM HIỂU CHUNG | |
| 1. Tác giả | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Thép Mới và tác phẩm “Cây tre Việt Nam”.  b) Nội dung:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  c) Sản phẩm:Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| Tổ chức thực hiện | Dự kiến sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Thép Mới?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS quan sát SGK  B3: Báo cáo, thảo luận  HS trả lời câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định (GV)  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | * Thép Mới (1925-1991), tên khai sinh là Hà Văn Lộc, quê Hà Nội;   -Là nhà báo, nhà văn nổi tiếng;  -Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là tinh thần yêu nước của nhân dân ta. |

|  |  |
| --- | --- |
| 2. Tác phẩm | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS Biết được những nét chung của văn bản.  b) Nội dung: Xuất xứ, thể loại, bố cục của văn bản.  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - GV yêu cầu HS: Hiểu biết của em VB *Cây tre Việt Nam*.  Thể loai? Bố cục? Hoàn cảnh ra đời văn bản.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS suy nghĩ cá nhân, trả lời độc lập  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  Kết quả hình ảnh cho hình ảnh lũy treKết quả hình ảnh cho hình ảnh lũy tre  Gv Tích hợp lịch sử:  + Chiếu băng hình chiến thắng Điện Biên Phủ.  Kết quả hình ảnh cho Hình ảnh chiến thắng điện biên phủ  + Năm 1954, chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.  Chiến thắng ấy chấn động cả địa cầu, khiến những người tiến bộ khắp năm châu đều cảm phục. Năm 1955, một số  nghệ sĩ điện ảnh Ba Lan dựng một cuốn phim về nước ta lấy tên là *Cây tre Việt Nam*, coi cây tre tiêu biểu cho những đức tính tốt đẹp của nhân dân Việt Nam, nhất là tinh thần chiến đấu bất khuất, bền bỉ, kiên cường. Nhà văn Thép Mới viết lời thuyết minh cho bộ phim ấy. | - Bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan  - Thể loại: bút kí  -Bố cục: 3 phần:  + *Từ đầu….chí khí như người*: Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam.  *+ Tiếp…của trúc, của tre*: Sự gắn bó của tre và người trong mọi hoàn cảnh.  + *Còn lại*: Vị trí của tre trong tương lai |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| II. TÌM HIỂU CHI TIẾT | | | |
| *1. Vẻ đẹp của cây tre* | | | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết miêu tả hình ảnh cây tre;  - Đánh giá vẻ đẹp của cây tre là vẻ đẹp của con người Việt Nam.  b) Nội dung:  - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận;  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ;  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm | | |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi:  ?Cây tre được giới thiệu như thế nào về hình dáng, phẩm chất?  ?Sau khi khẳng định tình thân giữa tre và người dân Việt Nam, tác giả ca ngợi những vẻ đẹp nào của tre Việt Nam qua những chi tiết, hình ảnh nào?  ?Hãy tìm thêm những phẩm chất của tre ở các đoạn văn còn lại?  ?Chỉ ra nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của nó trong đoạn văn này?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  \* Tích hợp địa lí, âm nhạc:  + Chiếu hình ảnh tre, mở bài hát “Làng tôi”(Văn Cao) do ca sĩ Lan Anh thể hiện.  **van neu cam nghi cua em ve cay tre**  *-Gv chốt: Việt Nam là xứ sở nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều, động thực vật phong phú và đa dạng. Trong đó, tre là loài cây phát triển mạnh khắp mọi nơi, có giá trị về nhiều mặt. Những phẩm chất tốt đẹp của tre cũng chính là phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam trên những chặng đường vẻ vang của lịch sử.* | -Tre: bạn thân của nhân dân Việt Nam.   * Mọc xanh tốt khắp nơi. * Dáng vươn mộc mạc * Màu tươi nhũn nhặn.   -Cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí như người.   * Ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm.   =>Phép liệt kê, nhân hoá, nhiều tính từ được sử dụng nhằm ca ngợi vẻ đẹp bình dị, sức sống mãnh liệt, phẩm chất quý báu của tre cũng chính là ca ngợi vẻ đẹp của dân tộc Viêt Nam. | | |
| *2.Ý nghĩa của tre đối với người dân Việt Nam* | | | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  - Thấy được vẻ đẹp của cây tre đối với con người Việt Nam trong đời sống hàng ngày, trong lao động; trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; trong đời sống tinh thần;  - Hiểu được Vị trí cây tre trong tương lai;  - Tình yêu đối với thiên nhiên, quê hương đất nước;  b) Nội dung:  - GV sử dụng KT thảo luận nhóm, tổ chức hoạt động nhóm cho HS;  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu có)  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm | |
| Nhiệm vụ 1:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV chiếu câu hỏi:  ?Tìm những chi tiết thể hiện sự gắn bó của tre với người trong đời sống hàng ngày, trong lao động?  ? Em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật trong đoạn văn?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  GV: lối viết giàu nhạc tính, nhịp điệu đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn và khơi gợi cảm xúc của người đọc về hình ảnh gần gũi, sự thân thuộc của tre.  Nhiệm vụ 2:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  ?Em hãy chỉ ra các chi tiết cho thấy tre gắn bó với kháng chiến của nhân dân Việt Nam;  ?Phân tích câu văn: *Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí*;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng.  GV chiếu hình ảnh:  16tre  Kết quả hình ảnh cho Hình ảnh gạy tầm vông đánh pháp  *GV: Đoạn văn trầm hùng, gợi nhắc truyền thuyết người anh hùng làng Gióng dùng gậy tre đánh đuổi giặc Ân, và cuộc kháng chiến chống Pháp, tre là vũ khí thô sơ nhưng rất hiệu quả. Nhân dân ta muôn ngàn đời biết ơn cây tre anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu đã hi sinh để bảo vệ con người.*  Nhiệm vụ 3:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  ?Em hãy chỉ ra những hình ảnh cho thấy tre gắn bó với đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Khi nói về cây tre, tác giả đồng thời nói đến khung cảnh, cuộc sống, văn hóa của Việt Nam. Hãy chỉ ra những chi tiết đó trong bài.  ?Để thể hiện sự gắn bó giữa tre với người trong mọi hoàn cảnh ấy, nhà văn Thép Mới đã có những đặc sắc nào về mặt nghệ thuật?  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng.  \* Tích hợp âm nhạc, mĩ thuật:  *\* Chiếu hình ảnh cánh diều, mở tiếng sáo*  *-GV: Sáo tre sáo trúc là loại nhạc cụ dân tộc âm thanh réo rắt, bổng trầm làm say lòng người. Thật thú vị nếu được nghe tiếng sáo trúc vọng giữa không gian, hay tiếng sáo diều vi vu trên bầu trời cao vợi trong buổi chiều lộng gió. Đó là lúc chúng ta cảm thấy cuộc sống còn nhiều thi vị, giúp ta tạm quên đi những khó nhọc đời thường. Đoạn văn giàu nhạc điệu, giàu chất thơ, cho thấy vẻ đẹp tâm hồn và nét văn hóa đặc sắc của dân tộc ta.* | | a)*Trong đời sống hàng ngày, trong lao động*  + cối xay tre  + tre làm nhà  + giang chẻ lạt, cho bóng mát  + Từ thuở lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay: chiếc nôi tre nằm trên giường tre.  ->Giúp người hàng nghìn công việc khác nhau  =>Tre là người bạn thân thiết, thủy chung lâu đời của nhà nông Việt Nam.  *b) Trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc*   * Tre là đồng chí. * Tre là vũ khí. * Chống, xung phong, giữ, hi sinh vì ta. * Tre: anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.   => Tre bền bỉ, kiên cường, bất khuất, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ con người và Tổ quốc.  *c) Tre với đời sống tinh thần*   * Tre là khúc nhạc đồng quê. * Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời * Tiếng hát của trúc, của tre...   ->Tre là phương tiện để biểu lộ cảm xúc bằng âm thanh.  => Điệp ngữ “tre”, nhân hóa, liệt kê, câu văn giàu nhạc tính, biểu cảm cao, dẫn chứng sắp xếp hợp lí...nhấn mạnh những vẻ đẹp của tre, vẻ đẹp cần cù, bền bỉ, sáng tạo, đoàn kết, anh hùng, bất khuất của con người Việt Nam. | |
| 3. Vị trí của cây tre trong tương lai | | | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  - Thấy được vẻ đẹp của cây tre đối với con người Việt Nam trong đời sống hàng ngày, trong lao động; trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; trong đời sống tinh thần;  - Hiểu được Vị trí cây tre trong tương lai;  - Tình yêu đối với thiên nhiên, quê hương đất nước;  b) Nội dung:  - GV sử dụng KT thảo luận nhóm, tổ chức hoạt động nhóm cho HS;  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu có).  c) Sản phẩm:Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| Tổ chức thực hiện | | | Sản phẩm |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  ?Em hãy chỉ ra những hình ảnh trong VB mà nhà văn nói về tre trong tương lai?  ?Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong VB, “khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng.  \* Chiếu Vai trò của tre.  - Cối xay tre, điếu cày, nhà tre, cầu tre...  GV*: Tre đã gắn bó và giúp ích cho dân tộc ta trong quá khứ, hiện tại. Trong tương lai, tre vẫn mãi gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần của người Việt, tiếp tục là bạn đồng hành với con người. Những sản phẩm sáng tạo từ tre , một cây cầu tre lắt lẻo, một bức tranh tre, những làng quê bình yên dưới bóng tre…là hình ảnh thân thương mang đậm nét văn hóa độc đáo của dân tộc, chúng ta cần gìn giữ và phát huy.* | | | - Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi:  + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ; hình ảnh của tre là thân thuộc; hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau; tin tưởng vào truyền thống văn hóa: *uống nước nhớ nguồn*.  + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được;  + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam; |
| III. Tổng kết | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 5  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Cây tre Việt Nam”?  ? Ý nghĩa của văn bản.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  B3: Báo cáo, thảo luận  HS: Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  GV:Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | 1. Nghệ thuật  Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ, điệp ngữ, hoán dụ,... Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.  2. Nội dung  Văn bản thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam; |

2.2 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BIỆN PHÁP TU TỪ HOÁN DỤ | | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  Khái niệm biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;  b) Nội dung: sử dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm; GV hỏi, HS trả lời  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm |
| *- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:*  *Bàn tay ta làm nên tất cả*  *Có sức người sỏi đá cũng thành cơm*  (*Bài ca vỡ đất* – Hoàng Trung Thông)  Theo em, từ “bàn tay” trong dòng thơ thứ nhất chỉ đối tượng nào?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*  *- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Từ “bàn tay” trong ví dụ trên dùng để chỉ người lao động; ở đây nhà thơ đã lấy cái bộ phận để thay thế cho cái toàn thể. Đó chính là một trong những dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ. | |  |
| Nhiệm vụ 1:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về hoán dụ;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng.  Nhiệm vụ 2:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc các bài tập 1, 2 SGK trang 99,100 và hoàn thành bài tập trên lớp/ ở nhà.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV gợi ý;  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | | 1. Khái niệm:  Hoán dụ là biện pháp tu từ vốn để chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác có mối quan hệ tương cận (gần nhau) nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  2. Bài tập  Bài tập 1 (SGK trang 99 – 100)  a. *Nhắm mắt xuôi tay* nói đến cái chết.  b. *Mái nhà tranh, đồng lúa chín* thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.  c. *Áo cơm cửa nhà* nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng.  Bài tập 2 (SGK trang 100)  a. - Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa *Đời cha ông với đời tôi* cũng xa như *con sông với chân trời*.  Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách.  b. Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre *chống lại* sắt thép quân thù; Tre *xung phong* vào xe tăng đại bác.  Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người. |
| NGHĨA CỦA TỪ NGỮ | | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  Ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.  b) Nội dung: sử dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm; GV hỏi, HS trả lời  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm | |
| Nhiệm vụ 1:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về thành ngữ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng.  Nhiệm vụ 2:  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc các bài tập 3,4 SGK trang 100 và hoàn thành bài tập trên lớp/ ở nhà.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV gợi ý;  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | 1.Khái niệm: Thành Ngữ là cụm từ cố định, khó thay đổi, thường hiểu theo nghĩa bóng.  2.Bài tập:  Bài tập 3 (SGK trang 100)  *Đẽo cày theo ý người ta*  *Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*  Liên tưởng đến thành ngữ: Đẽo cày giữa đường;  Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả. | |

3. HĐ3 Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

*Câu 1:* Văn bản *Cây tre Việt Nam* thuộc thể loại gì?

a. Bút kí

b. Truyện ngắn

c. Tiểu thuyết

d. Thơ

*Câu 2:* Ai là tác giả của *Cây tre Việt Nam*?

a. Tô Hoài

b. Nam Cao

c. Thép Mới

d. Lâm Thị Mỹ Dạ

*Câu 3:* Trong câu “Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre”, hình ảnh sông Hồng được dùng theo lối:

a. Ẩn dụ

b. Hoán dụ

c. So sánh

d. Nhân hóa

*Câu 4:* “Thành đồng Tổ quốc” là chỉ danh hiệu miền đất nào?

a. Bắc Bộ

b. Trung Bộ

c. Nam Bộ

d. Tây Nguyên

*Câu 5:* Tre đã trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam

a. Đúng

b. Sai

*Câu 6:* Nội dung của VB *Cây tre Việt Nam* là:

a. Cây tre là người bạn thân của nhân dân Việt Nam.

b. Tre có mặt ở khắp nơi, tre đã gắn bó lâu đời và giúp ích cho con người trong đời sống hằng ngày, trong lao động sản xuất và cả trong chiến đấu chống giặc.

c. Tre gắn bó với con người và dân tộc Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

d. Tất cả đều đúng.

*Câu 7:* Trong VB, nguồn vui mà tre mang lại cho trẻ thơ là từ đâu?

a. Tre hát ru em bé trong giấc ngủ êm nồng

b. Tạo bóng mát cho trẻ em nô đùa

c. Nguyên liệu từ tre tạo ra que đánh chuyền

d. Tre làm nên chiếc nôi đưa trẻ

*Câu 8:* VB *Cây tre Việt Nam* có những đặc điểm nghệ thuật nào?

a. Giàu chi tiết hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng

b. Sử dụng rộng rãi và thành công các phép nhân hóa

c. Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu

d. Tất cả đều đúng

B2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

4. HĐ4 Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

1. Trò chơi ô chữ:

*2. Tre già măng mọc* là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài *Cây tre Việt Nam*, hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của trò chơi, của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

B4: Kết luận, nhận định:

GV hướng dẫn các em cách chơi, cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

GV nhận xét bài làm của HS.

PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI

Phiếu số 1

|  |  |
| --- | --- |
| Nhóm | Nội dung |
| Nhóm 1 | Cây tre được giới thiệu như thế nào về hình dáng, phẩm chất? |
| Nhóm 2 | Sau khi khẳng định tình thân giữa tre và người dân Việt Nam, tác giả ca ngợi những vẻ đẹp nào của tre Việt Nam qua những chi tiết, hình ảnh nào? |
| Nhóm 3 | Hãy tìm thêm những phẩm chất của tre ở các đoạn văn còn lại? |
| Nhóm 4 | Chỉ ra nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của nó trong đoạn văn này? |

Phiếu số 2

|  |
| --- |
|  |

?Tìm những chi tiết thể hiện sự gắn bó của tre với người trong đời sống hàng ngày, trong lao động?? Em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật trong đoạn văn?

|  |
| --- |
| KĨ THUẬT KHĂN PHỦ BÀN |

Phiếu số 3

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật |  |
| Nội dung |  |
| Ý nghĩa |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ | | | |
| Nhóm:………. | | | |
| Tiêu chí | *Mức độ* | | |
| *Chưa đạt* | *Đạt* | *Tốt* |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |

B. VIẾT

Ngày soạn:

Tiết 1+ 2:

TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:*

- Đặc điểm thể thơ lục bát.

*2. Về năng lực:*

- Biết vận dụng những hiểu biết về đặc điểm thể thơ lục bát để làm bài thơ lục bát.

- Cảm xúc về một đề tài tự chọn.

*3. Về phẩm chất:*

- Tự hào và yêu quý thể thơ dân tộc, từ đó làm sâu sắc tình yêu quê hương đất nước.

- Làm thế giới tình cảm thêm sâu sắc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài trình bày của HS.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

|  |  |
| --- | --- |
| GIỚI THIỆU KIỂU BÀI | |
| a) Mục tiêu:  - Biết được những đặc điểm của thể thơ lục bát.  b) Nội dung:  - HS đọc phần tri thức Ngữ văn về thơ lục bát.  - HS trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV hỏi:  ? Bài ca dao số 1 và 2 thuộc “ Chùm ca dao về quê hương đất nước” thuộc thể thơ nào?  Đọc phần Tri thức Ngữ văn, nêu hiểu biết về thể thơ đó  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Quan sát hai bài ca dao và phần Tri thức Ngữ văn.  - Suy nghĩ cá nhân.  - HS chỉ rõ đặc điểm thể thơ lục bát.  GV:  - Chiếu lên màn hình hai bài ca dao và đặc điểm thể thơ lục bát.  - Dự kiến những khó khăn học sinh có thể gặp phải để giúp các em tìm ra đáp án chính xác.  VD: Giải thích hệ thống thanh điệu tiếng Việt: gồm 6 thanh: sắc, hỏi ngã, nặng, ngang, huyền  Thanh bằng: huyền và ngang.  Thanh trắc: còn lại.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tập làm một bài thơ lục bát* ”. | -Thể thơ: lục bát.  - Đặc điểm:  + Số tiếng.  + Vần.  + Thanh điệu.  + Nhịp. |

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT | |
| Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với một bài thơ lục bát đúng luật :  - Số tiếng trong một dòng thơ.  - Hiệp vần.  - Thanh điệu.  - Nhịp thơ.  - Viết được một vài câu thơ lục bát theo đề tài tự chọn.  Nội dung:  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên.  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  GV gọi học sinh đọc phần Khởi động viết.   1. Điền từ thích hợp vào dấu ba chấm để hoàn thiện hai khổ thơ:   Tiếng chim vách núi nhỏ dần  Rì rầm tiếng suối khi …… khi xa  Ngoài thềm rơi chiếc lá ……  Tiếng rơi rất mỏng như …… rơi nghiêng.  ( Trần Đăng Khoa)  Tre già yêu lấy măng ….  Chắt chiu như mẹ yêu ……tháng ngày  Mai sau con lớn hơn thày  Các con ôm cả ……. …… đất tròn. ( Tố Hữu )   1. Quan sát bức tranh sau, xác định chủ đề của bài thơ.   B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS đọc hai khổ thơ trong sgk – 109, 110.  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  - HS đọc phầm Thực hành viết.  - Tiến hành thảo luận 7’ để tạo câu thơ đầu tiên.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  HS:  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) ( yêu cầu 1,2  - Các nhóm thi đua làm thơ theo tổ.  + GV lựa chọn câu lục hay nhất.  + Nhóm tiếp theo đến lượt làm câu bát.  Mỗi nhóm có 5’ để suy nghĩ tạo câu thơ. Nếu sau 5’ không làm được sẽ bị mất quyền, Quyền chơi thuộc về nhóm tiếp theo.  Lần lượt các nhóm sẽ bàn bạc để tạo câu thơ phù hợp cả về nội dung và hình thức.  Nhóm nào làm được nhiều câu sẽ thắng cuộc.   * Cuối cùng GV tổ chức cho học sinh thi đặt nhan đề cho bài thơ.   B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét sản phẩm của HS, công bố nhóm thắng cuộc và phần thưởng. | 1. Bài thơ của Trần Đăng Khoa:  - Gần.  - Đa.  -Là.  Đoạn thơ của Tố Hữu:  Non.  Con.  Non sông  2.Chủ đề bức tranh: đất nước Việt Nam / Việt Nam tươi đẹp  Bài thơ: Việt Nam tươi đẹp. |

VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:*

- Đặc điểm thể thơ lục bát.

- Cảm xúc về một bài thơ lục bát.

*2. Về năng lực:*

- Biết viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.

*3. Về phẩm chất:*

- Tự hào, yêu quý thể thơ lục bát dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

PHIẾU TÌM Ý : Bài ca dao “ Trong đầm gì đẹp bằng sen…”

Họ và tên HS: ………………………….

Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn nêu cảm nhận về một bài ca dao / thơ lục bát

Gợi ý: Em hãy tìm ý cho đoạn văn bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao trên? | ……………………………………………………. |
| Bài ca dao miêu tả hình ảnh gì? | ……………………………………………………. |
| Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì? | …………………………………………………… |
| Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nào nổi bật? | …………………………………………………….  …………………………………………………….  ……………………………………………………. |

\\\

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

|  |  |
| --- | --- |
| GIỚI THIỆU KIỂU BÀI | |
| Mục tiêu:  - Biết được kiểu bài viết đoạn văn cảm nhận về một bài thơ lục bát.  Nội dung:  - HS đọc một số bài thơ, ca dao được làm theo thể thơ lục bát mà mình sưu tầm được  - HS trả lời câu hỏi của GV  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV hỏi:  ?Đọc các bài thơ, ca dao trên em có cảm nhận gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Nghe / đọc ca dao, thơ lục bát.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS trả lời câu hỏi.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “ *Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát”* | HS nêu cảm nhận của mình về các bài thơ, ca dao |

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT | | | | |
| Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.  - Trình bày đúng hình thức đoạn văn.  - Biết thể hiện cảm xúc của bản thân đối với một bài thơ lục bát.  Nội dung:  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | | Sản phẩm | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Bài ca dao số 1 thuộc chủ đề quê hương đất nước gợi cho em những cảm xúc gì?  ? Những hình ảnh, ngôn từ, nhạc điệu trong bài ca dao khiến em rung động như thế nào?  ? Hãy ghi lại những cảm nhận của em về bài ca dao trên.  ? Theo em, một đoạn văn nêu cảm nhận về một bài thơ hoặc bài ca dao lục bát cần đảm bảo những yêu cầu gì.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  -GV chiếu câu hỏi.  - HS trả lời  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu HS trả lời  HS trả lời câu hỏi.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | | Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát:  -Giới thiệu được bài thơ ( bài ca dao, đoạn thơ) , tác giả ( nếu có)  -Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ.  -Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ/ bài ca dao… ( thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ….) | |
| ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO | | | | |
| Mục tiêu:  - Bài viết tham khảo kể: Nét đẹp của bài ca dao “ Anh đi anh nhớ quê nhà”  - Biết yêu cầu của đoạn văn nêu cảm nhận về một bài ca dao.  - Chỉ ra được các phần của đoạn văn (mở đoạn, thân đoạn , kết đoạn).  Nội dung:  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV hỏi: Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao nào?  GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Đoạn văn gồm mấy câu, hình thức đoạn như thế nào?  2. Những câu nào giới thiệu tác giả bài ca dao.  3. Những câu nào nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao. Em hãy tái hiện lại nội dung ấy.  4. Những câu nào nêu cảm nhận về một số yếu tố nghệ thuật của bài ca dao. Chỉ rõ các yếu tố nghệ thuật ấy.  GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  B3: Báo cáo thảo luận  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  B4: Kết luận, nhận định  GV:  - Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | Bài mẫu:  - Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao: “Anh đi anh nhớ quê nhà”  - Đoạn văn gồm 7 câu. Hình thức tính từ chữ cái viết hoa lùi đầu dòng đến dấu chấm xuống dòng.  -Câu 1: giới thiệu tác giả.  -Câu 2: cảm nhận về nội dung.  -Câu 3,4,5,6,7: cảm nhận về hình ảnh, ngôn từ, biện pháp nghệ thuật. | | |
| THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC | | | | |
| Mục tiêu: Giúp HS  - Biết viết đoạn văn theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những đặc sắc nội dung, nghệ thuật bài thơ / ca dao.  Nội dung:  - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm | | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV chiếu bài ca dao lên bảng.  Trong đầm gì đẹp bằng sen  Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng  Nhị vàng bông trắng lá xanh  Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn  Phát phiếu tìm ý số 2  Gọi HS đọc bài ca dao  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài ca dao trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý.  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | 1. Trước khi viết  a) Lựa chọn bài ca dao  b) Tìm ý   |  |  | | --- | --- | | Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao? |  | | Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì? |  | | Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì? |  | | Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao? |  |   c) Lập dàn ý  - *Mở đoạn* giới thiệu bài ca dao.  - *Thân đoạn*: Trình bày cảm xúc về bài thơ / ca dao.  + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ/ ca dao.  + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ/ca dao.  + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ….  - *Kết đoạn*: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ hoặc bài ca dao.  2. Viết bài  - Viết đoạn văn theo dàn ý.  3. Chỉnh sửa bài viết  - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa. | | | |
| TRẢ BÀI | | | | |
| Mục tiêu: Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của đoạn văn.  - Chỉnh sửa đoạn văn cho mình và cho bạn.  Nội dung:  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | | | Sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | | | | Đoạn văn đã được sửa của HS |

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG

I. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:*

- Tình cảm của con người với quê hương

*2. Về năng lực:*

- Trình bày được suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài nghị luận (trình bày suy nghĩ)

*3. Về phẩm chất:*

- Yêu quê hương, đất nước, trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ | | | |
| Nhóm:………. | | | |
| Tiêu chí | *Mức độ* | | |
| *Chưa đạt* | *Đạt* | *Tốt* |
| 1. Chọn được nội dung hay, có ý nghĩa | Chưa có ý kiến để trình bày. | Có ý kiến, suy nghĩ để trình bày nhưng chưa hay. | Trình bày hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung trình bày phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ luận điểm để người nghe hiểu ý kiến trình bày | Có đủ luận điểm để người nghe hiểu được ý kiến | Nội dung ý kiến trình bày phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

- HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là trình bày ý kiến về tình cảm gắn bó của con người với quê hương

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:* GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

Đoạn video nói về điều gì? Chia sẻ cảm nhận của em sau khi xem xong đoạn video?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định:GV nhận xét và kết nối vào bài

Mỗi người trong chúng ta sinh ra đều có một quê hương để nhớ, để thương. Nhớ quê hương, có khi ta nhớ về những thứ giản dị, thân thương, cũng có khi là những điều thiêng liêng, gắn bó đặc biệt khiến ta ấn tượng và ghi sâu trong trái tim. Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng thực hành trình bày suy nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TRƯỚC KHI NÓI | | | |
| Mục tiêu:  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  Nội dung:  - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV  c) Sản phẩm: phần nói của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  ? Khi trình bày bài nói nêu suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương, mục đích mà ta hướng tới là gì?  ? Những người nghe trình bày là ai?  GV yêu cầu HS viết ra giấy các ý quan trọng (xây dựng đề cương cho bài nói), đọc kĩ lại và đánh dấu những từ ngữ, câu quan trọng.  GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm đôi luyện nói theo đề cương đã xây dựng  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  - HS làm việc cá nhân trong vòng 7’, luyện nói nhóm đôi trong vòng 5’  - GV gợi ý tháo gỡ KK cho HS  B3: Thảo luận, báo cáo  - HS trả lời câu hỏi của GV.  - HS trao đổi bài nói của mình.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói.  Nhận xét, chốt dàn ý bài nói  +Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương (đó là tình cảm thiêng liêng với mỗi người)  +Chỉ ra một số biểu hiện cụ thể cho thấy tình cảm gắn bó của con người với quê hương (tình cảm đối với những người thân thiết, với phong cảnh thiên nhiên, với những phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi, đậm đà hương vị quê hương…)  +Ý nghĩa của tình yêu quê hương đối với mỗi con người (giúp mỗi con người sống tốt hơn; là động lực giúp con người luôn có ý thức phấn đấu hoàn thiện bản thân và không quên nguồn cội…)  GV lưu ý HS tập trung góp ý cho bạn: bài nói đã tập trung vào trình bày suy nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương chưa? Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích và đối tượng lắng nghe không? Bài nói đã truyền cảm hứng cho người nghe chưa?  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | 1. Chuẩn bị bài nói  - Xác định mục đích nói và người nghe  +Mục đích: trình bày, chia sẻ với mọi người những suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.  +Người nghe: là những người có chung mối quan tâm và mong muốn được trao đổi về vấn đề.  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  2. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện  \* Trước khi nói:  Lập dàn ý  \*Tập luyện:  - HS nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ, góp ý cho nhau. | | |
| TRÌNH BÀY NÓI | | | |
| Mục tiêu:  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói trước đám đông, khi lắng nghe.  Nội dung: GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn & nhận xét HĐ nói của bạn.  c) Sản phẩm: Nội dung nói của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị. Lưu ý ngoài ngôn ngữ phải kết hợp được ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và tương tác tích cực với người nghe.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS xem lại dàn ý đã xây dựng.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí. Gọi một số HS nói trước lớp.  - Các HS còn lại lắng nghe và điền vào phiếu.  B3: Thảo luận, báo cáo  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. | |
| TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI | | | | |
| Mục tiêu: Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  Nội dung:  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | | | |
| Tổ chức thực hiện | | | Sản phẩm | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  B3: Thảo luận, báo cáo  - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá, đặt câu hỏi, góp ý cho bài nói của bạn.  Gợi dẫn:  Em có đồng ý với những suy nghĩ của bạn về tình cảm của con người với quê hương không? Suy nghĩ của em về vấn đề này có tương đồng với suy nghĩ của bạn không? Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Theo em bài nói của bạn có nhận được sự đồng cảm của người nghe không? Em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?  - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS | |

HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học để nói và nghe

b) Nội dung: HS sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

c) Sản phẩm: bài nói hoàn chỉnh đáp ứng tốt các tiêu chí đánh giá

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp tục thực hành nói

- GV hướng dẫn HS chỉnh sửa các lỗi thường hay mắc trong bài nói, lưu ý kĩ năng nghe và đánh giá cho các HS còn lại

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình: bài nói hoàn chỉnh

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài nói của HS và hoạt động nghe của cả lớp.

HĐ 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Hoàn thành kẻ bảng theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản đã học

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Văn bản  Đặc điểm | Chùm ca dao về quê hương đất nước | Chuyện cổ nước mình | Cây tre Việt Nam |
| Biện pháp tu từ nổi bật |  |  |  |
| Tình cảm, cảm xúc của tác giả |  |  |  |

Bài tập 2: Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em xác định yêu cầu của bài tập.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

THỰC HÀNH ĐỌC

GV cho HS tự thực hành đọc văn bản *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến những đặc điểm của thể thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ; vẻ đẹp của quê hương, đất nước; ý nghĩa được gợi lên từ “hành trình của bầy ong”.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung soạn** | **Tên người soạn** | **Địa chỉ** |
| ***Bài 5: Những nẻo đường xứ sở*** | Cô Tô | Nguyễn Thị Tranh | THCS Lý Tự Trọng, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc |
| Hang Én | Phạm Liên | THCS Thái Tân, Thái Bình |
| Cửu Long Giang ta ơi  Nói và nghe | Phạm Thị Tuyết Nhung | THCS Bắc Sơn, An Dương, Hải Phòng |
| Viết | Ma Quan | THCS K’Nai, Đức Trọng, Lâm Đồng |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn: ……………… Ngày dạy:…………….*

**TUẦN …..**

**Bài 5**

**NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ**

(12 tiết)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | *Nước non ngàn dặm mình*  *Nước non ngàn dặm tình*  (Thanh Hải) | |
| **C:\Users\FTC Laptop\Desktop\hinh-anh-du-lich-co-to.jpg** | **C:\Users\FTC Laptop\Desktop\mekong3.jpg** | | C:\Users\FTC Laptop\Desktop\Hang-En-Cave-Phong-Nha-Travel-26.jpg | |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức ngữ văn (kí, du kí, cách kể trong kí, người kể chuyện trong kí, dấu ngoặc kép).

- Du ngoạn qua những vùng đất mới được thể hiện qua 3 văn bản đọc.

- Công dụng của dấu ngoặc kép.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;

- Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt);

- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt;

- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Bản đồ Việt Nam, các đoạn phim ngắn giới thiệu về Cô Tô, về vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, về sông Cửu Long.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, xem video chín cửa sông đổ ra từ sông Mê Công, suy nghĩ cá nhân và trả lời.

|  |
| --- |
| C:\Users\FTC Laptop\Documents\mê công.png |

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Nội dung của đoạn phim: các nhánh cửa sông, cuộc sống của người dân miền Tây gắn với con sông Cửu Long.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

- Tri thức ngữ văn (kí, du kí, cách kể trong kí, người kể chuyện trong kí, dấu ngoặc kép).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

1. Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của đoạn phim? Đoạn phim gợi cho em cảm xúc gì?

2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.

3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:

? Hãy kể tên một số địa danh mà em đã được đến thăm? Em thích nhất địa danh nào?

? Giới thiệu những ghi chép, trải nghiệm của cá nhân em trong một chuyến tham quan?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

1. **HS** quan sát video và nêu suy nghĩ cá nhân.

**GV** hướng dẫn HS quan sát.

2. **HS** đọc phần tri thức Ngữ văn

3. **HS** làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

**GV** theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

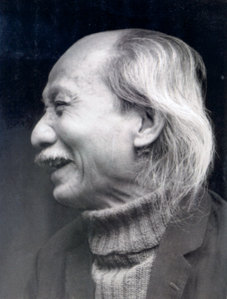
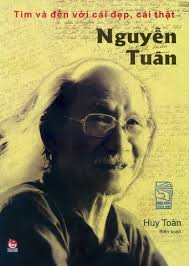
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Văn bản 1. CÔ TÔ**

**(Trích, Nguyễn Tuân)**

****

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyễn Tuân.

- Người kể chuyện ở trong kí (ngôi thứ nhất).

- Đặc điểm của thể loại du kí

- Đặc trưng của kí

- Trình tự một bài du kí

***2. Về năng lực:***

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. HS nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”; nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc;

- HS nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương;

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,…

***3. Về phẩm chất:***

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Tuân và văn bản “Cô Tô”

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a)Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b)Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c)Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d)Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Em hãy kể tên và chia sẻ về những chuyến đi của mình, những nơi em từng được đến tham quan? Cảm xúc của em khi tới những nơi đó? Em có mong muốn quay trở lại đó không?

? Tìm vị trí quần đảo Cô Tô trên bản đồ Việt Nam.

|  |
| --- |
| **VINH BAC BO** |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

Cô Tô ở toạ độ từ 20o10’đến 21o15’ vĩ độ bắc và từ 107o35’ đến 108o20’ kinh độ đông cách đất liền 60 hải lý. Toàn huỵên gồm 50 hòn đảo lớn nhỏ. Trong đó 29 hòn đảo quây quần thành quần đảo Cô Tô mà trung tâm là đảo Cô Tô Lớn và đảo Thanh Luân. Hòn đảo lớn còn lại là đảo Chằn (còn gọi là đảo Trần hoặc Chàng Tây) đứng riêng về phía đông bắc.

Cô Tô giáp vùng biển Vĩnh Thực, TP Móng Cái và vùng biển Cái Chiên, huỵên Quảng Hà; phía tây giáp vùng biển Vân Hải (Minh Châu - Quan Lạn) huyện Vân Đồn; phía nam giáp vùng biển Bạch Long Vĩ thuộc thành phố Hải Phòng; phía đông giáp hải phận quốc tế và xa hơn là vùng biển đảo Hải Nam, Trung Quốc.

***Điều chỉnh, bổ sung:*** *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **1. Tác giả** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin chính về nhà văn Nguyễn Tuân  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Tuân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | Dự kiến sp:   |  |  | | --- | --- | | - Nguyễn Tuân (1910 – 1987)  - Quê: Hà Nội | C:\Users\FTC Laptop\Desktop\0.Nha_van_Nguyen_Tuan.jpg.jpg |   - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tùy bút),… |
| TP Ng Tuan | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **a. Mục tiêu:** - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b. Nội dung:** - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn và yêu cầu HS:  + Đọc và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở chân trang;  + Ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng phần của VB (phần miêu tả bão biển đọc khác với phần tả cảnh bình yên trên đảo,…);  + Dựa vào phần tri thức ngữ văn đã học, em hãy nêu thể loại và phương thức biểu đạt của VB;  + Bố cục của VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì? Gợi ý: Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng. | *a) Đọc và tìm hiểu chú thích*  - HS đọc đúng.  *b) Tìm hiểu chung*  - *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976.  - Thể loại: Kí;  - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả;  - Bố cục: 4 phần  + Từ đầu… *quỷ khốc thần linh*: Cơn bão biển Cô Tô;  + *Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô*… *lớn lên theo mùa sóng ở đây*: Cảnh Cô Tô một ngày sau bão (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô);  + *Mặt trời*… *nhịp cánh*: Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo);  + Còn lại: Buổi sớm trên đảo Thanh Luân (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo). |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| **1. Sự dữ dội của trận bão**  **a. Mục tiêu:** Liệt kê được những địa danh, nhân vật xuất hiện trong đoạn trích; Thấy được cái nhìn rất độc đáo của tác giả về cơn bão biển.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Em hãy kể tên những địa danh, nhân vật được xuất hiện trong đoạn trích?  + Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả sự dữ dội của trận bão. Những từ ngữ nào cho thấy rõ nhất việc tác giả có chủ ý miêu tả trận bão giống như một trận chiến?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **GV có thể bổ sung thêm**: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, bút pháp tài hoa, miêu tả cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ chiến sự, những từ Hán Việt tinh anh (liên hệ với VB *Người lái đò sông Đà*). | - Những địa danh: Tô Trung, Tô Bắc, Tô Nam, Thanh Luân, đồn Khố xanh  Nhân vật: anh hùng Châu Hòa Mãn, chị Châu Hòa Mãn.  - Các danh từ: Cánh cung, hỏa lực, trống trận;  - Cụm tính từ + động từ mạnh: buốt, rát, liên thanh quạt lia lịa, trời đất trắng mù mù, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, ghê rợn;  - Lượng từ: ba ngàn thước, trăm thước  -> không gian rộng, bao la -> cho thấy sức gió mạnh, đẩy con người ra đi rất xa;  - Các từ, cụm từ Hán Việt: hỏa lực, thủy tộc, quỷ khốc thần linh -> tăng màu sắc kì quái cho cơn bão.  - Biện pháp so sánh:  + mỗi viên cát như viên đạn mũi kim -> bắn vào má;  + gió như người bắn: chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn;  + sóng như vua thủy;  + gió rú rít như quỷ khốc thần linh => so sánh làm nổi bật sự kì quái, rùng rợn của những trận gió.  - Thủ pháp tăng tiến:  *Gác đảo nhiều khuôn cửa kính bị gió vây và dồn, bung hết. Kính bị thứ gió cấp 11 ép, vỡ tung. Tiếng gió càng ghê rợn […] như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh*:  + Từ vây => dồn => bung hết, ép => vỡ tung => Thủ pháp tăng tiến miêu tả sức mạnh và hành động của cơn gió, làm cho hình ảnh sống động như thật;  + “càng”: cấp độ được tăng thêm => Từ miêu tả những cửa kính bị vỡ => miêu tả tiếng gió “ghê rợn” => so sánh với hình ảnh kì quái, sử dụng từ Hán Việt: “quỷ khốc thần linh”.  => Sử dụng các từ ngữ gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận => diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão  => Cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.  => Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân. |
| **2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão yên ả, tinh khôi**  **a. Mục tiêu:** Vẻ đẹp của Cô Tô sau khi cơn bão đi qua  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi yêu cầu HS:  + Biển sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,…)?  + Em có nhận xét gì về cảnh Cô Tô trong và sau bão? Từ đây em có thấy hình ảnh trong kí có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?  + Em hãy chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ *Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô…theo mùa sóng ở đây*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | - Cụm tính từ, động từ  - Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng >< cảnh bão trời – trắng mù mù  - Núi đảo, nước biển – Xanh mượt, lam biếc đặm đà  - Cát – vàng giòn  - Cá – trong bão: biệt tăm biệt tích, bão tan: lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi => tài nguyên phong phú  => Khác với cách miêu tả trận bão biển, biển sau bão không còn được miêu tả bằng những từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính mà được miêu tả bằng các hình ảnh giàu màu sắc, gợi không khí yên ả và vẻ đẹp tinh khôi của Cô Tô.  - Cảm xúc của tác giả: cách dùng từ gần gũi với dân chài: *động bão*, *mẻ cá giã đôi*, *mùa sóng*;  => Kể bằng hình ảnh trong kí có tác động lớn đến cảm nhận của người đọc. |
| **3. Cảnh mặt trời mọc trên biển, đảo Cô Tô**  **a. Mục tiêu:**Vẻ đẹp có một không hai của biển đảo Cô Tô khi mặt trời lên  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển? Em có nhận xét gì về những từ ngữ ấy?  -Theo em để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | - Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ:  + Khi mặt trời chưa nhú lên: chân trời trong, sạch như tấm kính => độ trong, sạch và sáng  + Khi mặt trời bắt đầu nhú lên:  + mặt trời như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn, hồng hào thăm thẳm => kết hợp từ mới lạ: hồng hào: chỉ màu sắc, thăm thẳm: chỉ độ sâu;  + bầu trời: mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng; mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh => hình ảnh nên thơ, tưởng tượng phong phú, lối viết độc lạ, tài hoa;  => Hình ảnh so sánh độc đáo mới lạ => Tài quan sát, tưởng tượng  => Bức tranh cực kỳ rực rỡ, lộng lẫy về cảnh mặt trời mọc trên biển;  - Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi rình mặt trời lên => Cách đón nhận công phu và trang trọng  => Thể hiện tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên.  - Để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở:  + Cảnh và người đc nhìn từ trên cao: nóc đồn khố xanh, từ đầu mũi đảo (bờ đá đầu sư)  + Nhìn từ nhiều vị trí khác nhau: toàn cảnh (bốn phương tám hướng), cận cảnh (giếng nước ngọt)=> vừa toát lên vẻ đẹp bao la, hùng vĩ, vừa làm bật lên vẻ đẹp đời thường sôi động mà bình dị của Cô Tô.  + Thời gian dịch chuyển theo sự quan sát của nhà văn: bão lúc chiều, lúc đêm; trước bão, trong bão, sau bão, ngày thứ tư, thứ 5, thứ 6, lúc mặt trời chưa mọc, mặt trời mọc, mặt trời cao bằng con sào,… => cách kể theo trình tự thời gian của kí. |
| **4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô**  **a. Mục tiêu:** Cuộc sống của người dân trên đảo Cô Tô và tình yêu của tác giả với thiên nhiên và con người nơi đây  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Em hình dung khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu thiếu chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng?  + Kết thúc bài Kí *Cô Tô* là suy nghĩ của tác giả về hình ảnh chị Châu Hòa Mãn: “Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành”. Cách kết thúc này cho thấy tình cảm của tác giả với biển và những con người bình dị trên đảo như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | - Cái giếng nước ngọt giữa đảo;  - Rất đông người: tắm, múc, gánh nước, bao nhiêu là thùng gỗ, cong, ang, gốm, các thuyền chờ mở nắp sạp chờ đổ nước ngọt để ra khơi đánh cá;  - Nước ngọt chỉ để uống, vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt 🡪 Nước ngọt rất quý  => Nguồn nước ngọt sinh hoạt chính của người dân Cô Tô;  => Chi tiết không thể thiếu khi miêu tả Cô Tô  - Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:  + Biển cả – người mẹ hiền  + Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con  + Người dân trên đảo – lũ con lành của biển  => Kết thúc bằng tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Cô Tô”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ điêu luyện, miêu tả tinh tế chính xác, giàu hình ảnh, cảm xúc.  **2. Nội dung**  - Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sang và tươi đẹp.  - Bài văn cho ta thấy được tình cảm của tác giả, những hiểu biết về một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô. |
| **3. HĐ3. Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***-*** *GV yêu cầu HS:*Trong *Cô Tô*, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cảnh miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết).  - *HS*: hình dung hình ảnh mặt trời lúc mới mọc, từ đó thấy được mối liên hệ giữa sự vật so sánh và sự vật được so sánh.  + *HS* lí giải tại sao tác giả lại so sánh như vậy.  ***-*** *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*  ***Điều chỉnh, bổ sung:*** *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* | |
| **4. HĐ4. Vận dụng**  **a. Mục tiêu:** HS sáng tạo, vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào thực tế cuộc sống  **b. Nội dung:** Vẽ tranh, làm thơ, sưu tầm các bài văn viết về cảnh bình minh trên biển.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  *- GV* giao nhiệm vụ:  *Lựa chọn và hoàn thành một trong các nhiệm vụ sau:*  + Em hãy tưởng tượng và vẽ tranh về cảnh mặt trời mọc trên biển?  **+** Sưu tầm các bài văn, thơ viết về cảnh bình minh trên biển.  + Sáng tác bài thơ ngắn về bình minh trên biển.  - *HS* thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nộp sản phẩm vào giờ học sau.  ***Điều chỉnh, bổ sung:*** *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* | |

**Tham khảo:**

**Bình minh trên biển**

Mặt trời như cái mâm con

Nhô lên trên biển hòn son đỏ lừ

Cao dần tỏa sáng ảo hư

Một vùng sáng lóe từ từ lên cao

Ông trăng chạy trốn cùng sao

Để cho ánh sáng hồng hào rong chơi

Thuyền buồm giương cánh xa khơi

Mải mê rong ruổi một trời tự do

Ô kìa…trông giống chữ o

Tỏa tia nắng ấm xuống cho mọi người

Rộn ràng tiếng trẻ vui cười

Nô đùa trên cát sóng lười đẩy đưa

Bình minh trên biển... tuyệt chưa

Trông như cô gái thẹn thùa mới yêu

[Má hồng](https://thuvientho.com/tag/ma-hong) duyên dáng yêu kiều

Làm cho bao kẻ liêu xiêu vì nàng

Rạng đông trên biển dịu dàng

Ta yêu biển yêu cả hàng dừa xanh

Biển tung bọt sóng long lanh

Dịu êm làn gió ngọt lành…biển ru.

**VĂN BẢN 3:**

(2 tiết)

**CỬU LONG GIANG TA ƠI**

(Trích “***Cửu Long Giang ta ơi***”, Nguyên Hồng)

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyên Hồng

- Mạch cảm xúc của bài thơ

- Vẻ đẹp của dòng Cửu Long Giang và con người Nam bộ trong cảm nhận của nhà văn, nhà thơ Nguyên Hồng

- Niềm tự hào về quê hương, đất nước của tác giả được thể hiện qua nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh…

***2. Về năng lực:***

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả Nguyên Hồng

- Phân tích được vẻ đẹp của dòng sông Cửu Long và con người Nam bộ qua nhịp thơ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận xét được tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước

- Liên hệ và so sánh Cửu Long Giang xưa kia hiện tại từ đó nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu nước, yêu thương con người và cuộc sống

- Trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ và xây dựng tổ quốc

- Lòng biết ơn

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, giáo án Word, giáo án ppt

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyên Hồng và Tập thơ “Trời xanh”

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV cho HS nghe một đoạn bài hát “Mùa xuân trên dòng sông Mê Kông”**

*“Trọn niềm tin ước mơ mùa xuân rạng rỡ đẹp*

*Những mùa hoa và ước mơ đã về cùng với ta*

*Dòng nước êm như lụa mượt mà đẹp ý thơ đẹp*

*Cùng sát vai xây nền độc lập*

*Phù sa sông nước bồi cho cho cây ra muôn hoa*

*Sông nước Mê Kông soi trời xanh bao la.*

**? Con sông nào được nhắc đến trong bài hát? Em biết gì về con sông đó?**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe và suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS

- GV kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: GV chuẩn bị sẵn bản đồ địa lí để giới thiệu về sông Mê Kông, sông Cửu Long, một số thông tin lịch sử, khoa học liên quan đến sông Cửu Long và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **1. Tác giả** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Nguyên Hồng và tác phẩm “Cửu Long Giang ta ơi”.  **b) Nội dung**: HS hoạt động cá nhân  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi | |
| **c) Tổ chức thực hiện** | **d) Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyên Hồng?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | https://tse1.explicit.bing.net/th?id=OIP.TLOmPRr_JR7mg2M0oNX83QAAAA&pid=Api&P=0&w=300&h=300  - Tên khai sinh: Nguyễn Nguyên Hồng  (1918 – 1982)  - Quê quán: Nam Định  - Ông sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng.  - Nguyên Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, hồi kí, thơ, v.v…  - Các tác phẩm tiêu biểu: *Những ngày thơ ấu* (hồi kí), *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết), *Trời xanh* (thơ), *Cửa biển* (tiểu thuyết), *Bước đường viết văn* (hồi kí), v.v…  - Trang viết của Xuân Hồng tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, PTBĐ, bố cục, nhan đề)  **b) Nội dung**: Thảo luận nhóm đôi  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT thảo luận nhóm đôi` | |
| **c) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn HS cách đọc và tìm hiểu chú thích.  - HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 2p  + Thể thơ  + PTBĐ chính  + Ý nghĩa nhan đề bài thơ  + Bố cục của VB và nội dung từng phần  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản, chú thích  - Thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  Nhận xét cách đọc của HS.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **d) Dự kiến kết quả:**  *a) Đọc và tìm hiểu chú thích*  *b) Văn bản*  - Xuất xứ: Trích trong tập thơ “Trời xanh” (1960)  - Thể loại: Thơ tự do  - PTBĐ chính: Biểu cảm  Ý nghĩa nhan đề: Tiếng gọi yêu thương, tha thiết dòng Cửu Long Giang, đồng thời thể hiện ý thức sở hữu, niềm tự hào dân tộc.  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: *Từ đầu đến “cây số mông mênh”* (Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ)  + Phần 2: Từ *“Mê Kông chảy”…đến “chia cắt”* (Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương.  + Phần 3: *Phần còn lại* (Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả). |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| 1. **Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ** | | |
| **a) Mục tiêu:**  - Cắt nghĩa một số hình ảnh đặc sắc, từ đó phân tích tâm trạng của tác giả khi được tới trường và lắng nghe bài giảng của thầy.  - Nhận xét về vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua cái nhìn tác giả  **b) Nội dung:** Thảo luận nhóm lớn  - GV tổ chức học sinh thảo luận nhóm với những câu hỏi đã được chuẩn bị  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). | | |
| **c) Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** GV chia lớp thành 4 nhóm  - Phổ biến nội quy giờ thảo luận:  + Tất cả các thành viên đều tham gia thảo luận  + Tuân thủ nguyên tắc thời gian  + Chỉ một người nói trong nhóm tại một thời điểm  - Phát **phiếu thảo luận số 1** cho HS  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại phiếu cá nhân đã chuẩn bị trước (trong thời gian 1 phút)  - HS thảo luận, thống nhất ý kiến vào phiếu lớn (5 phút)  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục sau | | **d) Dự kiến sản phẩm**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   |  |  | | --- | --- | |  | **Câu hỏi** | | 1 | **Em hiểu như thế nào về những h/a sau:**  **+ Tấm bản đồ rực rỡ:**  Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng.  Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiễm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp đẽ lạ thường.  + **Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ:** hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước và người thầy qua con mắt thần tượng, ngưỡng mộ của học trò.  Người thầy như có phép lạ chắp cánh ước mơ cho học trò được khám phá núi sông tuyệt vời của tổ quốc | | 2 | **Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo?**  Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò. | |
| **2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương** | | |
| **a) Mục tiêu:**  - HS nhận ra và liệt kê được những chi tiết miêu tả vẻ đẹp trù phú của dòng sông Mê Kông.  - HS chỉ ra được những chi tiết thể hiện vẻ đẹp của người nông dân Nam Bộ  - HS nhận thấy được sự thay đổi trong cái nhìn và cảm nhận về dòng sông Mê Kông của tác giả so với thời ấu thơ.  **b) Nội dung:** Tổ chức Nhóm chuyên gia  - Nhóm chuyên gia trình bày những hiểu biết của mình về nét đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ, trao đổi, làm rõ những thắc mắc của các nhóm còn lại. | | |
| **c) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** GV phổ biến nội quy khi thực hiện hoạt động:  + HS chỉ được đặt câu hỏi sau khi Nhóm chuyên gia đã trình bày xong.  + Chỉ một người nói tại một thời điểm  + Thời gian dành cho phần trình bày là 5p, phần “hỏi chuyên gia” là 5 phút.  **-** GV mời nhóm chuyên gia lên trình bày.  Chú ý: GV phải phát trước bộ câu hỏi gợi ý, dẫn dắt để HS khai thác đúng hướng.  **\* 14 câu thơ: Từ “Mê Kông chảy”…. “chân trời buồm trắng”**  1. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Ta đi…Bản đồ không nhìn nữa”?  2. Em có nhận xét gì về không khí được diễn tả trong đoạn thơ *“Ta đi…chân trời buồm trắng”* và tâm trạng của tác giả?  Tâm trạng đó nói lên tình cảm gì?  Nghệ thuật của đoạn thơ có gì đặc sắc?  **\* 7 câu thơ tiếp theo: Từ “Nam Bộ” đến “lòng dừa trĩu quả”**  1. Trong đoạn thơ tiếp theo tác giả đã miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua những chi tiết nào?  2. Đoạn thơ có những nét nghệ thuật nào đặc sắc?  **\* Mười câu thơ tiếp: Từ “Mê Kông quặn đẻ” đến “không bao giờ chia cắt”**  1. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Mê Kông quặn đẻ chín nhánh sông vàng”?  2. Người dân Nam Bộ đã làm gì để đón nhận và phát triển, gìn giữ nguồn tài nguyên vô giá từ sông mẹ Mê Kông?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **-** Các nhóm hội ý trong vòng 2 phút:  + Nhóm chuyên gia chuẩn bị thuyết trình + Các nhóm còn lại thống nhất các vấn đề cần giải đáp.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:**  - Nhóm chuyên gia cử đại diện trình bày, các thành viên khác trong lớp lắng nghe, chuẩn bị câu hỏi cần giải đáp.  - Các thành viên của nhóm chuyên gia lần lượt trả lời câu hỏi của các bạn.  **GV:** Lắng nghe, quan sát học sinh, hỗ trợ giải đáp những vấn đề nhóm chuyên gia chưa giải quyết được.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **d) Dự kiến sản phẩm:**  **\* 14 câu thơ: Từ “Mê Kông chảy”…. “chân trời buồm trắng”**  1.Nhà thơ giờ đây không còn là cậu bé 10 tuổi năm xưa với những tưởng tượng diệu kì về dòng sông trong bài giảng của thầy. Cậu bé ấy giờ đã lớn, đã bước ra và trải nghiệm thực tế với sông núi tuyệt vời của tổ quốc.  2. Không khí trong đoạn thơ tươi vui, giàu sức sống những cũng rất yên bình (bầu trời xanh trong, bươm bướm lượn vòng, chim ca ríu rít, đất thở chan hoà…Thể hiện tâm trạng vui sướng hân hoan, hăm hở của chàng trai khi được hoà mình vào dòng sông mơ ước, vào đất trời tổ quốc. Niềm khao khát của cậu học trò năm xưa “*đưa ta đi sông núi tuyệt vời*” nay đã thành hiện thực.  Tâm trạng của tác giả thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào, trái tim nhiệt thành dành cho quê hương đất nước.  Đoạn thơ sử dụng thành công nghệ thuật nhân hoá (Mê Kông cũng hát, núi rừng lùi xa, đất thở chan hoà), khiến cho dòng Mê Kông như mang tâm trạng của con người, vui sướng, hứng khởi khi được hoà mình với cuộc sống của con người.  **\* 7 câu thơ tiếp theo: Từ “Nam Bộ” đến “lòng dừa trĩu quả”**  1. Khi chảy vào vùng đất Nam Bộ, sông Mê Kông được gọi là Cửu Long. Dòng sông được đặc tả ở nét đẹp trù phú:  *+ Phù sa nổi váng*  *+ Ruộng bãi Mê Không trồng không hết lúa*  *+ Tôm cá ngợp thuyền*  *+ Sầu riêng thơm dậy, lòng dừa trĩu quả*…  => Dòng Cửu Long chính là nguồn sống màu mỡ, dạt dào, mang lại sự ấm no cho toàn bộ cư dân ĐBSCL.  2. Nghệ thuật tu từ liệt kê, kết hợp với các động từ mạnh, tính từ đặc tả đã cho thấy nguồn tài nguyên quý giá, vô hạn mà dòng Cửu Long Giang đã đem đến cho chúng ta.  **\* Mười câu thơ tiếp: Từ “Mê Kông quặn đẻ” đến “không bao giờ chia cắt”**  1. Dòng Mê Kông tự xẻ thân mình thành 9 nhánh sông con, truyền đi nguồn sống cho một vùng đồng bằng rộng lớn, giống như người mẹ xẻ thịt da sinh nở những đứa con, nuôi chúng lớn cùng đàn đàn con cháu.  2. Đón nhận sự ưu ái từ sông mẹ Mê Kông, người dân Nam Bộ không ngại gian nan, cực nhọc cùng bùn đất để xây dựng quê hương. Cuộc sống của họ gắn liền với ruộng đồng vùng lưu vực sông Cửu Long.  Họ còn là những con người biết đoàn kết để gìn giữ đất đai, sông núi. Những cái tên: Hà Tiên, Gia Định, Long Châu, Gò Công, Gò vấp, Đồng Tháp, Cà Mau đều được tạo nên từ mồ hôi, xương máu bao đời của cha ông. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **3.** **Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả** | |
| **a) Mục tiêu:**  **-** Phân tích được sự thay đổi trong giọng điệu thơ, thể hiện tâm trạng của tác giả.  - Cắt nghĩa được những hình ảnh đặc sắc trong đoạn thơ  **b) Nội dung:** Hoạt động cá nhân  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn học sinh tìm hiểu  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời | |
| **c) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Giáo viên đặt câu hỏi cho HS**  1. Giọng điệu của đoạn thơ cuối có gì khác so với những phần trước? Qua đó thể hiện tâm trạng gì của tác giả?  2. Em hiểu như thế nào về suy tư của tác giả qua các hình ảnh:  + *“Ta đã lớn, Thầy giáo già đã khuất*”  *+“Thước bảng to nay thành cán cờ sao”*  **+** “*Những tên làm man mác tuổi thơ xưa/ Đã thấm máu của bao hồn bất tử”*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  - HS lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày ý kiến cá nhân  - GV lắng nghe, gợi dẫn câu trả lời cho HS  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **d) Dự kiến sản phẩm:**  - Tác giả giờ đây không còn nhìn “tấm bản đồ tổ quốc” với con mắt háo hức của cậu trò nhỏ năm xưa, cũng đã qua thời tuổi trẻ sôi nổi, nhiệt thành hăm hở cống hiến. **Đoạn thơ cuối là những suy tư của tác giả về quá khứ, hiện tại. Giọng điệu thơ trở nên thâm trầm, sâu lắng, buồn vui xen lẫn tự hào**.  - Những suy tư của tác giả:  + *“Ta đã lớn, Thầy giáo già đã khuất*”: Câu thơ diễn tả sự trôi chảy của thời gian, man mác một nỗi buồn, nỗi nhớ. Người trò nhỏ đã trưởng thành, thầy cũng không còn nữa. Trong cái nhìn của ngày hôm nay, hình ảnh thầy giáo không còn to lớn như một đạo sĩ, mà kết đọng lại thành một kỉ niệm đẹp không thể phai mờ.  + *“Thước bảng to nay thành cán cờ sao”:*Cây thước, tấm bảng năm xưa cùng bao tri thức tuyệt vời trong bài giảng của thầy đã chắp cánh cho thế hệ học trò trưởng thành đứng lên xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  + “*Những tên làm man mác tuổi thơ xưa/ Đã thấm máu của bao hồn bất tử”:* Tiếp nối mạch cảm xúc về những con người đã cống hiến, hi sinh cho mảnh đất quê hương, tác giả thể hiện niềm tự hào và biết ơn sâu sắc những người đã ngã xuống. Tên tuổi của họ trở thành bất tử, vang vọng cùng núi, sông, đất, trời. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a) Mục tiêu:**  HS khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản  **b) Nội dung:**  GV đặt câu hỏi, các nhóm thảo luận, thống nhất và báo cáo. | |
| **c) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Sau vòng thảo luận chuyên gia, GV cho học sinh giữ nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập mới.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất)   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **d) Dự kiến sản phẩm:**  **1. Nghệ thuật**  - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm, giọng điệu phong phú gợi nhiều cảm xúc cho người đọc  - Sử dụng hình ảnh sinh động, giàu tính hình tượng  - Sử dụng thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, so sánh, nhân hoá, liệt kê.  **2. Nội dung**  Bài thơ thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào vô hạn của tác giả với dòng sông Mê Kông, với quê hương, đất nước. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao | |
| **c) Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  Viết 5 đến 7 câu văn chia sẻ những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong toàn bài thơ. (Chính là mạch cảm xúc liên kết toàn bài thơ)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.  **HS** liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:**  - GV đọc và chữa bài cho 1 vài học sinh (Tuỳ thuộc thời gian).  - GV chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | **d) Dự kiến sản phẩm:**  Mạch cảm xúc liên kết toàn bài thơ chính là tình yêu của tác giả đối với dòng sông Mê Kông, rộng lớn hơn là tình yêu tổ quốc. Tình yêu đó ngày càng lớn dần và sâu sắc theo năm tháng (từ khi 10 tuổi, đến khi lớn khôn *“Ta đi… bản đồ không nhìn nữa”*, đến khi trưởng thành “*ta đã lớn”):* Bắt đầu từ những tưởng tượng diệu kì qua bài giảng của thầy giáo đến những hiểu biết và trải nghiệm phong phú về địa hình, thiên nhiên, cuộc sống và con người, đến những cảm nhận sâu sắc về bề dày lịch sử và truyền thống ông cha. Và xuyên suốt là niềm tự hào không dứt về quê hương, đất nước. |

**4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

HS được chọn một trong 2 nhiệm vụ sau:

* Tìm đọc một vài bài thơ trong tập thơ “Trời xanh” của Nguyên Hồng, ghi chép vào sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.
* Sưu tầm một số bài thơ viết về thiên nhiên, đất nước cùng giai đoạn với bài “Cửu Long Giang ta ơi” của Nguyên Hồng, ghi chép và sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS nộp lại sổ tay văn học để giáo viên kiểm tra, đánh giá.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

**B. VIẾT**

(3 tiết)

**VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.

- Tả bao quát quang cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính).

- Tả hoạt động cụ thể của con người.

- Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.

- Cảm xúc của người viết về cảnh sinh hoạt.

**2. Về năng lực:**

- Biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.

- Biết quan sát cảnh sinh hoạt quanh mình, có khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, con người.

- Chăm chỉ: Tìm tư liệu trên mạng internet để mở rộng hiểu biết.

- Trung thực: đánh giá khách quan, công bằng.

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân và mọi người xung quanh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính hoặc máy tương tác, ti vi.

- Phiếu học tập.

- Video giới thiệu về cảnh sinh hoạt.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Biết được kiểu bài tả về một cảnh sinh hoạt.  - Nhận biết được các bước tả trong văn miêu tả.  - Biết sử dụng từ ngữ phù hợp với văn miêu tả để có bài văn rõ nét, sinh động.  **b) Nội dung:**  **- GV hỏi, HS trả lời.**  **c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hỏi:**  ? Trong bài “Cô Tô” của Nguyễn Tuân có miêu tả cảnh sinh hoạt không?  ? Em thấy người quan sát và miêu tả ở đây có tâm thế như thế nào?  ? Người quan sát yêu thích cảnh đó hay tò mò muốn khám phá và bất ngờ nhận ra… ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát vb “*Cô Tô*”.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS tả lại một cảnh sinh hoạt mà em đã thấy.  **GV**:  - Dự kiến KK HS gặp: không biết tả về cảnh sinh hoạt.  - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:  ? Cảnh sinh hoạt đó diễn ra ở đâu (nhà, trường, …)? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả vào thời điểm nào? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả như thế nào?...  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt*”. | ***Văn bản* :**“Cô Tô” của Nguyễn Tuân. |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU**  **ĐỐI VỚI BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT** | |
| **a) Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt:  - Sử dụng phù hợp với đề bài yêu cầu.  - Biết cách quan sát, nhận xét và có trí tưởng tượng.  **b) Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?  ? Người viết cần phải làm như thế để có bài văn hay và có sức thuyết phục ?  ? Văn tả cảnh sinh hoạt cần sử dụng ngôn từ như thế nào?  ? Văn tả cảnh có cần bộc lộ cảm xúc của người viết không ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhớ lại văn bản “Cô Tô”.  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau. | - Tả cảnh sinh hoạt.  - Quan sát, lựa chọn đối tượng cụ thể, những chi tiết phù hợp (Thời gian, địa điểm, không gian, quang cảnh…)  - Văn tả: sử dụng ngôi từ cần rõ nét, sinh động.  - Cảm xúc của bản thân… |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Bài viết tham khảo tả chợ phiên vùng cao.  - Biết được cách bước tả cảnh sinh hoạt và lựa chọn hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong văn tả cảnh chợ phiên ở vùng cao.  - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thâm bài, kết bài).  b) **Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hỏi: Bài viết tả cảnh sinh hoạt ở đâu? Cảnh sinh hoạt đó được tác giả miêu tả như thế nào?  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Xác định bố cục trong bài văn?  2. Phần nào giới thiệu cảnh sinh hoạt?  3. Phần nào tập trung vào các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu của chợ phiên vùng cao ? Đó là những hình ảnh nổi bật nào?  4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được tả?  **GV** yêu cầu: HS tả lại ngắn gọn cảnh chợ phiên vùng cao theo các sự việc được xác định.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **Bài mẫu**:  - Tả cảnh sinh hoạt ở chợ phiên vùng cao.  - Bố cục: 3 phần.  - Các phần:  + Đoạn 1: Giới thiệu cảnh sinh hoạt.  + Đoạn 2, 3: tả quang cảnh chung.  + Đoạn 4: tả hoạt động cụ thể của con người.  + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc, thái độ của người viết.  - Các hình ảnh, chi tiết nổi bật:  + Cảnh chợ phiên thú vị nhất là họp vào buổi sáng thứ Bảy hằng tuần.  + Từng tốp người đi bộ hoặc cưỡi ngựa từ khắp nẻo đường mòn xuống chợ phiên để trao đổi hàng hóa, giao lưu, gặp gỡ lẫn nhau.  + Cảnh họp chợ đông vui, náo nhiệt và đủ các sắc màu của các sắc tộc khác nhau.  + Cảnh buôn bán, giao đổi hàng hóa, gia súc.  + Cảnh chợ tan tầm trưa. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những chi tiết cụ thể và đặc sắc.  - Sử dụng từ ngữ miêu tả phù hợp.  **b) Nội dung:**  **-** GV sử dụng KT động não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Liệt kê những chi tiết đặc sắc?  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Em tả cảnh gì? |  | | Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào? |  | | Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào? |  | | Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc? |  | | Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào? |  | | Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó? |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: giới thiệu cảnh sinh hoạt.  - *Thân bài*: Miêu tả cảnh sinh hoạt.  + Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.  + Tả cụ thể cảnh cụ thể theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia.  + thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.  - *Kết bài*: nêu suy nghĩ, đánh giá của người viết.  **2. Viết bài**  Khi viết bài em cần chú ý:  + Tả những gì em đã quan sát.  + Nên tả cụ thể hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị, … chú ý dùng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa để bài viết thêm sinh động.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết theo gợi ý. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  b) **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | Bài viết đã được sửa của HS |

**C. NÓI VÀ NGHE**

(1 tiết)

**CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Ngôi kể và người kể chuyện

- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

***2. Về năng lực:***

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS lắng nghe một đoạn ngữ liệu (câu chuyện) và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV đọc cho HS nghe một đoạn ngữ liệu và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn văn bản? Nhân vật trong đoạn văn bản kể về điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét xâu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b | **CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  **a) Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).**  Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói  ? Nơi em sống, có những hoạt động, công việc nào thường diễn ra?  ? Hoạt động nào em cảm thấy ấn tượng nhất? Vì sao? Em hãy chọn một hoạt động mà em thích nhất để kể lại nó.  ? Hoạt động đó thường diễn ra ở đâu, thời gian nào? Quang cảnh lúc đó ra sao? Em ấn tượng nhất điều gì?  ? Có những ai, vật gì, con gì tham gia vào hoạt động này? Những đối tượng đó thường có hành động, lời nói như thế nào?  ? Hoạt động đó mang lại cảm xúc gì cho em?  - GV hướng dẫn HS luyện nói: Tự nói một mình sau đó luyện nói cùng cặp đôi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS chuẩn bị bài nói  - HS luyện nói tại chỗ  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS báo cáo tiến độ làm việc của cá nhân và nhóm  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV nhận xét tinh thần và hiệu quả làm việc của HS, chuyển sang hoạt động nói. | **b) Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện.**  \* *HS chuẩn bị được bài nói* bằng cách trả lời những câu hỏi gợi dẫn của giáo viên, sắp xếp lại thành bài văn hoàn chỉnh.  *\* Tập luyện*  - HS nói một mình  - HS luyện nói cùng cặp đôi |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý đã chuẩn bị.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

“Kể về một chuyến du lịch của gia đình em.”

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, sắp xếp theo trình tự phù hợp.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét phần nói và nghe của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Hãy quay lại bài nói của em về “Một trải nghiệm nơi em sống hoặc từng đến” thành một video

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS lắng nghe và ghi chép

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành: gửi video về địa chỉ mail của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**PHIẾU SỐ 1**

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………………………….Lớp:……….

**Nhiệm vụ**: Em hãy tìm ý cho bài văn ***Tả cảnh sinh hoạt***

***Gợi ý***: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Em sẽ tả cảnh gì? | ……………………………………… |
| Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào? | ……………………………………… |
| Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào? | ……………………………………… |
| Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc? | ……………………………………… |
| Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào? | ………………………………………  ……………………………………… |
| Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó? |  |

\\\

**PHIẾU SỐ 2**

**THANG ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đánh dấu (x)** |
| 1. Chưa tích cực: nhóm trưởng phân công chưa hợp lý, các thành viên hoạt động chưa thật tích cực, tự giác. |  |
| 2. Tích cực: nhóm trưởng biết điều khiển nhóm, giao nhiệm vụ hợp lý, còn một vài thành viên chưa thật tích cực, tự giác trong hoạt động. |  |
| 3. Rất tích cực: nhóm trưởng biết điều khiển nhóm, giao nhiệm vụ hợp lý, các thành viên tích cực, tự giác hoạt động. |  |

**RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5**  **(Giỏi)** | **Mức 4**  **(Khá)** | **Mức 3**  **(Trung bình)** | **Mức 2**  **(Yếu)** | **Mức 1**  **(Kém)** |
| **1** | **Xđ đúng thể loại, kiểu bài**  **(1.0 đ)** | Xác định đúng, chính xác kiểu bài, sử dụng kết hợp phù hợp, linh hoạt các phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – vẻ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm linh hoạt. | Xác định đúng, chính xác kiểu bài, sử dụng kết hợp phù hợp các phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – miêu tả cảnh vật, cảnh sinh hoạt có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm phù hợp. | Xác định đúng, kiểu bài, có sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – miêu tả toàn cảnh bãi biển bước đầu có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm. | Xác định đúng, kiểu bài, bài văn miêu tả cảnh – miêu tả toàn cảnh bãi biển chưa biết kết hợp các phương thức biểu đạt khác. | Không xác định được đối tượng miêu tả |
| **2** | **Nội dung**  **(5.0 điểm)** | - Bài viết tái hiện một cách sinh động các vẻ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt. | - Bài viết tái hiện một cách chân thật, cụ thể cảnh vật, cảnh sinh hoạt. | - Bài viết tái hiện được những nét đẹp cơ bản của cảnh vật, cảnh sinh hoạt. | Miêu tả được những nét đẹp cơ bản của cảnh vật, cảnh sinh hoạt nhưng còn sơ sài, chung chung. | Không miêu tả được những nét cơ bản về cảnh vật, cảnh sinh hoạt. |
| **3** | **Liên kết**  **(1.0 điểm)** | Bài viết có sự liên kết chặt chẽ giữa các phần, các đoạn tạo nên tính mạch lạc, logic và có sức thuyết phục cao. | Bài viết có sự liên kết chặt chẽ giữa các phần các đoạn tạo nên tính mạch lạc. | Bài viết có sự liên kết xuyên suốt nhưng đôi chỗ chưa mạch lạc | Bài viết có liên kết nhưng nhiều chỗ chưa mạch lạc | Chưa thể hiện được sự liên kết. |
| **4** | **Tình cảm cảm xúc đối với nhân vật (0.5 điểm)** | - Thể hiện được cảm xúc, rung động trước vẻ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt bằng việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phong phú, sinh động có tính gợi hình gợi cảm cao. | Người viết thể hiện được tình yêu mến với vẻ đẹp của của cảnh vật, cảnh sinh hoạt bằng việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phong phú, sinh động. | Người viết thể hiện được tình yêu mến với của cảnh vật, cảnh sinh hoạt bằng việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phù hợp. | Người viết thể hiện được tình cảm với của cảnh vật, cảnh sinh hoạt nhưng cảm xúc chưa rõ ràng | Chưa bày tỏ được cảm xúc với của cảnh vật, cảnh sinh hoạt |
| **5** | **Diễn đạt**  **(1.0 điểm)** | - Bài viết có cách diễn đạt mới mẻ, trôi chảy.  - Cách dùng từ, đặt câu sáng tạo, chuẩn xác.  - Không sai chính tả.  - Biết kết hợp phong phú các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa và khả năng liên tưởng, tưởng tượng độc đáo. | - Bài viết có cách diễn đạt trôi chảy.  - Cách dùng từ, đặt câu chuẩn xác.  - Không sai chính tả.  - Biết kết hợp các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa và có khả năng liên tưởng, tưởng tượng. | - Bài viết có cách diễn đạt trôi chảy.  - Cách dùng từ, đặt câu chuẩn xác.  - Còn mắc một số lỗi chính tả.  - Bước đầu biết kết hợp các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá. | - Biết cách dùng từ, đặt câu.  - Còn mắc một số lỗi dùng từ, đặt câu.  - Có mắc một số lỗi chính tả | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt, lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả. |
| **6** | **Trình bày**  **(1.0 điểm)** | Bố cục rõ ràng, hợp lý, bài sạch, chữ đẹp, không gạch xóa. | Bố cục rõ ràng, bài sạch, chữ rõ, không gạch xóa. | Bố cục rõ ràng, chữ viết rõ ràng, ít gạch xóa. | Bố cục rõ ràng, chữ viết tương đối rõ ràng, còn nhiều gạch xóa. | Chưa thể hiện được bố cục, chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xóa. |
| **7** | **Sáng tạo**  **(0.5 điểm)** | - Có nhiều ý tưởng độc đáo, mới mẻ. | - Có khá nhiều ý tưởng mới mẻ. | - Có một số ý tưởng mới mẻ. | - Có một ý tưởng mới mẻ. | Không có sự sáng tạo. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***